



ANNUAL REPORT 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM



MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

THÔNG TIN KHÁC

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2018 - Năm đánh dấu chặng đường lịch sử 50 năm xây dựng và phát triển Tập đoàn. Kế thừa truyền thống và những giá trị cốt lõi của Tập đoàn, tập thể cán bộ nhân viên Vinaseed đã nỗ lực, phấn đấu đưa Vinaseed tiếp tục gặt hái thành công với kết quả kinh doanh năm 2018: Tổng sản lượng sản xuất kinh doanh 74.227 tấn chiếm 19% thị phần cả nước (tăng 3,2% cùng kỳ), doanh thu 1.605 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế: 252,7 tỷ đồng, tăng trưởng 7%, EPS đạt 13.588 đồng/cổ phiếu tăng 27% cùng kỳ năm 2017. Với kết quả kinh doanh đó, Vinaseed tiếp tục giữ vững và củng cố vị trí doanh nghiệp có quy mô và thị phần lớn nhất ngành giống cây trồng Việt Nam, liên tục nằm trong TOP 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam (2014-2018), được Chính phủ vinh danh là 1 trong 7 doanh nghiệp xuất sắc tiêu biểu toàn quốc năm 2018, danh hiệu doanh nghiệp có năng lực quản trị tài chính tốt nhất sàn chứng khoán Việt Nam và đứng đầu ngành trồng trọt.

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Năm 2019, trong bối cảnh chung của ngành nông nghiệp có nhiều khó khăn và thách thức, trước những tác động nhanh và khó lường của biến đổi khí hậu, những tín hiệu tiêu cực từ thị trường lúa

gạo, Vinaseed sẽ quyết tâm đổi mới toàn diện về tổ chức và quản trị doanh nghiệp, tục tập trung mọi nguồn lực, khai thác mọi cơ hội với tinh thần **"Thay đổi để phát triển"**, thực hiện tái cấu trúc toàn diện Tập đoàn hướng tới sự phát triển bền vững. Năm 2019, Vinaseed sẽ tập trung thực hiện chuỗi các giải pháp chiến lược chủ đạo:

- Tiếp tục đầu tư để mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.
- Tập trung đầu tư cho hoạt động R&D tạo ra các dòng sản phẩm năng suất, chất lượng vượt trội thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng mục tiêu tái cấu trúc sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển sản xuất, mở rộng ngành hàng theo chuỗi giá trị, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KHCN đưa nông dân tham gia vào chuỗi giá trị, tiên phong ứng dụng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.
- Đầu tư xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực có trình độ, đủ năng lực hội nhập. Đổi mới hệ thống quản trị, xây dựng nền tảng văn hóa kỷ cương và đoàn kết trong doanh nghiệp.

Chúng tôi cam kết trong năm 2019 sẽ nỗ lực hoàn thành các mục tiêu tài chính, cam kết thực hiện

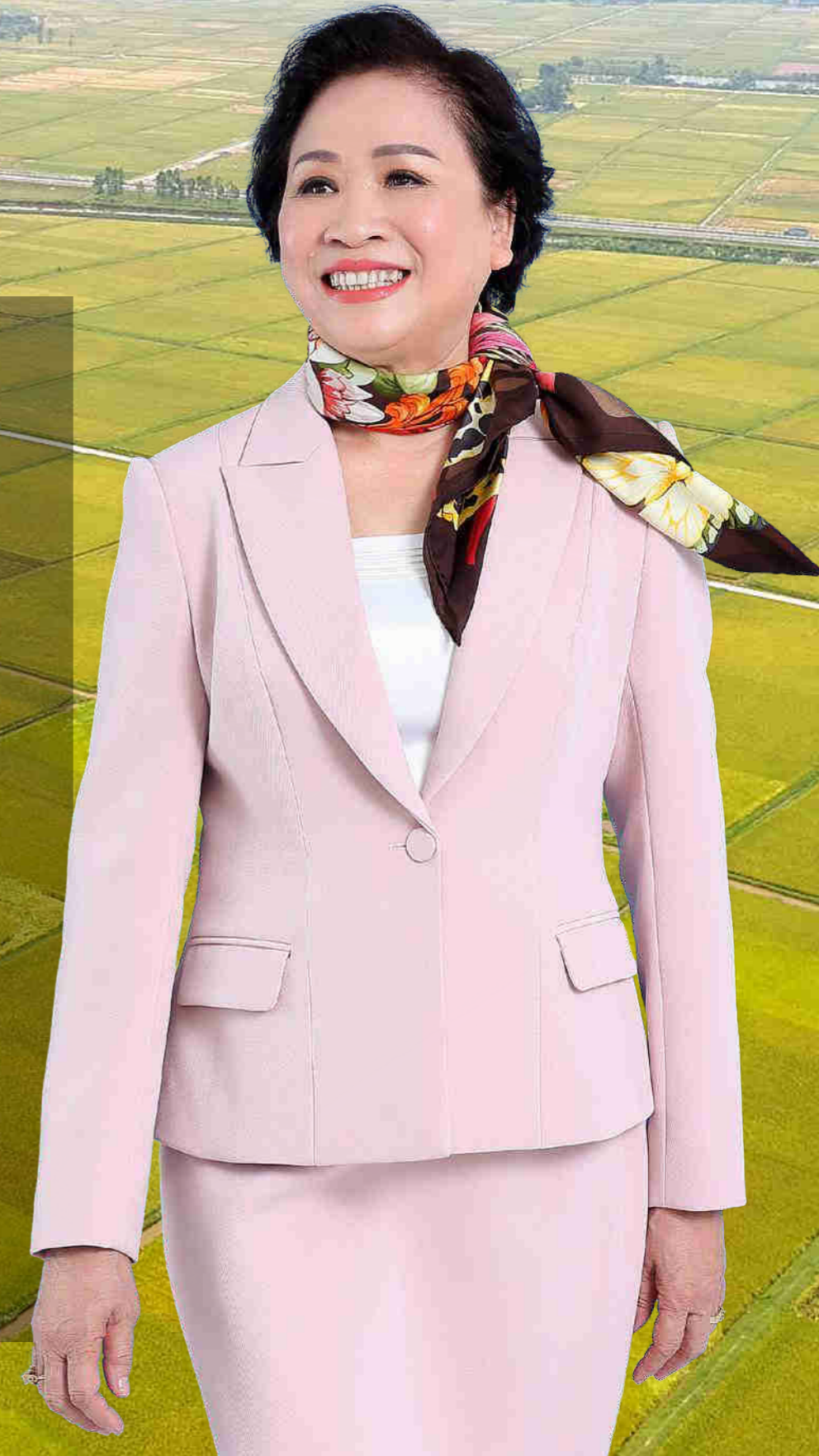
các mục tiêu phát triển bền vững, xây dựng văn hóa kỷ cương và trách nhiệm trong doanh nghiệp. Chúng tôi tin tưởng rằng bằng trí tuệ, sức mạnh đoàn kết, kỷ cương và khát vọng cùng với sự hỗ trợ quý báu từ Quý cổ đông, Vinaseed không ngừng vươn xa, chung tay mang đến cuộc sống ấm no cho người nông dân Việt Nam.

Xin thay mặt Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và tập thể người lao động Vinaseed, xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Quý cổ đông, các nhà đầu tư, bạn hàng, đối tác đã luôn ủng hộ, tin tưởng và đồng hành cùng sự phát triển Tập đoàn. Niềm tin và sự đồng hành của Quý vị là động lực giúp Tập đoàn chinh phục những đỉnh cao mới, góp phần chung tay xây dựng xã hội phồn vinh và mang lại các giá trị tốt đẹp cho cộng đồng.

Hà Nội, ngày 24/4/2019



Chủ tịch HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên





TỔNG QUAN VỀ VINASEED

Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

Ngành nghề kinh doanh chính

Mục tiêu phát triển

Nhân sự chủ chốt và sơ đồ tổ chức

Danh mục sản phẩm tiêu biểu

Mạng lưới hoạt động và phân phối



TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TÂM NHÌN

Vinaseed phấn đấu trở thành Tập đoàn cung cấp các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững hàng đầu Việt Nam, thực hiện giấc mơ cải thiện thu nhập và điều kiện sống của nông dân Việt Nam.



SỨ MỆNH

Bằng tất cả tình cảm, trách nhiệm của mình với cuộc sống, con người và xã hội, Vinaseed cam kết mang đến các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững nhằm thực hiện giấc mơ cải thiện thu nhập và điều kiện sống của nông dân.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Sáng tạo

Khát vọng đóng góp cho cộng đồng xã hội qua những sáng tạo và đổi mới ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại và hiệu quả. Vinaseed tập trung nguồn lực tài chính và chất xám cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ nhằm tìm kiếm những giải pháp, sản phẩm tiên tiến dẫn đầu xu hướng phát triển của ngành cũng như đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tăng hàm lượng khoa học kỹ thuật trong mỗi sản phẩm là minh chứng cho kết quả của quá trình sáng tạo không ngừng.

Năng động

Vinaseed là doanh nghiệp Khoa học công nghệ đầu tiên trong ngành giống cây trồng Việt Nam, tiên phong trong các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, cung cấp các giải pháp công nghệ đột phá, đi trước và định hướng thị trường. Vinaseed không ngừng nỗ lực tạo sự khác biệt trong sản phẩm công nghệ để thích nghi với sự thay đổi của xã hội và làm cơ sở nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

Chuyên nghiệp

Với khẩu hiệu "Đ dẫn đầu bằng tính chuyên nghiệp", chúng tôi luôn nỗ lực tối ưu hóa mọi hoạt động của công ty thông qua việc tập trung vào lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính; Tạo ra sự hoàn chỉnh về chất lượng và hiệu quả công việc; Xây dựng hệ thống quản trị tuân thủ theo các chuẩn mực quốc tế, minh bạch, công khai, đồng bộ và nhất quán; Quản trị đội ngũ nhân sự với tác phong làm việc công nghiệp, khoa học và kỷ cương, không ngừng nỗ lực học hỏi, có ý thức trách nhiệm và tinh thần hợp tác.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

- Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất kinh doanh và XNK giống cây trồng.
- Sản xuất kinh doanh các loại nông sản và vật tư nông nghiệp.
- Chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bền vững.

Định hướng tập trung phát triển giai đoạn 2019 - 2021:

- Tập trung vào phát triển ngành nghề cốt lõi sản xuất, kinh doanh giống cây trồng.
- Kinh doanh nông sản theo chuỗi giá trị và phát triển nông nghiệp công nghệ cao.
- Chuyển giao công nghệ và các giải pháp canh tác bền vững.
- Kinh doanh vật tư nông nghiệp.

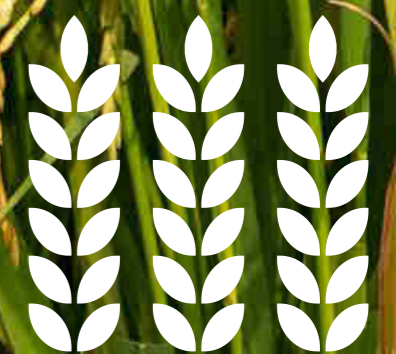
MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU TRONG TƯƠNG LAI

Vinaseed xây dựng mục tiêu phát triển nông nghiệp công nghệ cao, gia tăng giá trị hạt giống theo hướng tích hợp công nghệ kết hợp khai thác chuỗi giá trị sản phẩm.



Nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức, tập trung đào tạo nguồn lực và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, thực hiện công nghiệp hóa ngành giống cây trồng.



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2017 - 2021



Bà Trần Kim Liên

Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật.
Trình độ chính trị:
Cao cấp chính trị

Quá trình công tác:

- 1980 - 1982: Giảng viên trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
- 1982 - 1995: Trợ lý Giám đốc Nông trường Đồng Giao.
- 1995 - 1996: Trưởng phòng Kinh doanh XN Nông công nghiệp Đồng Giao.
- 1996 - 1997: Phó Giám đốc XN Nông công nghiệp Đồng Giao.
- 1997 - 1998: Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XK Đồng Giao.
- 1998 - 2000: Phó Giám đốc Công ty Vật tư và XNK - Tổng công ty Rau quả VN.
- 2000 - 2004: Phó Giám đốc Công ty Giống cây trồng TW I (nay là Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam).
- 2015 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC).
- 2004 - nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.



Bà Lê Thị Lệ Hằng

Phó Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Tài chính

Quá trình công tác:

- 1999 - 2007: Chuyên viên phân tích cấp cao tại Công ty Quản lý Quỹ W. P. Stewart, New York, USA.
- 2007 - 2010: Giám đốc khối Phân tích và Tư vấn đầu tư, Trợ lý Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI).
- 2010 - nay: Tổng giám đốc công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM).
- 2012 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 2015 - nay: Chủ tịch HĐQT công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC).



Bà Nguyễn Thị Trà My

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1993 - 1995: Trợ lý TGD tại Công ty International Business Advisor.
- 1995 - 2012: Giám đốc tài chính kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty Biomin Việt Nam.
- 2007 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần CSC Việt Nam.
- 2013 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT, đồng sáng lập, Tổng giám đốc công ty cổ phần Tập đoàn PAN.
- 2016 - nay: Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần PAN Farm, Chủ tịch HĐQT công ty PAN-HULIC, Thành viên HĐQT công ty BioSpring, thành viên HĐQT Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.



Ông Trần Đình Long

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn:
Giáo sư, viện sỹ, tiến sỹ khoa học.

Quá trình công tác:

- 1967 - 1981: Giảng viên Đại học Nông nghiệp I, Đại học Nông nghiệp II
- 1981 - 1983: Thực tập sinh tại Liên bang Nga
- 1983 - 1993: Giám đốc Trung tâm Giống cây trồng Việt Nam
- 1993 - 2002: Phó Viện Trưởng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam
- 2002 - 2003: Giám đốc Trung tâm thực nghiệm Đậu Đỏ - Viện KHKTNN Việt Nam
- 2003 - nay: Ủy viên Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Hội giống cây trồng Việt Nam, Ủy viên Hội đồng quản lý quỹ Chương trình và Dự án hỗ trợ An sinh xã hội (AFV), Ủy viên TW Quỹ hòa bình và Phát triển Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng khoa học viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Ủy viên Hội đồng khoa học viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện KHKT Nông Lâm nghiệp miền Núi phía Bắc, Viện nghiên cứu Rau quả TW, Trung tâm Tài nguyên Thực vật.
- 2004 - nay: Thành viên HĐQT Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2017 - 2021



Ông Nguyễn Khắc Hải

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Luật, cử nhân QTKD.

Quá trình công tác:

- 2001 - 2004:** Chuyên viên cao cấp Ban Pháp chế, NH Ngoại thương Việt Nam.
- 2007 - 2010:** Thành viên Ban dự án thành lập công ty TNHH quản lý Quỹ SSI, Giám đốc pháp chế và quản lý rủi ro công ty TNHH quản lý Quỹ SSI (SSIAM).
- 2010 - 11/2016:** Phó Tổng Giám đốc công ty TNHH quản lý Quỹ SSI (SSIAM).
- 11/2016 - nay:** Thành viên HĐQT Pan Farm, Elcom, Bibica, ABT, Pan Hulich.
- 11/2017 - nay:** Phó Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Pan, Tổng giám đốc Pan Farm.
- 2012 - 4/2019:** Thành viên HĐQT Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.



Ông Nguyễn Quang Trường

Thành viên HĐQT,
Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Tài chính

Quá trình công tác:

- 2011 - 2012:** Chuyên viên phân tích tài chính công ty TNHH Quản lý quỹ FPT
- 2012 - 2013:** Chuyên viên phụ trách khối khách hàng tổ chức - NH VietinBank
- 2013 - 2017:** Giám đốc Kế hoạch & Đầu tư Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 2016 - nay:** Thành viên HĐQT Pan Farm, Chủ tịch HĐQT công ty CP Đầu tư và PT Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam (Hanam Hitech), Thành viên ban Kiểm soát công ty CP Giống cây trồng Hà Tây.
- 4/2017 - nay:** Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.



Ông Đỗ Bá Vọng

Thành viên HĐQT,
Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Nông học

Quá trình công tác:

- 1993 - 1994:** Phó Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang - Hưng Yên.
- 1994 - 2001:** Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang - Hưng Yên
- 2001 - 2004:** Giám đốc trại Giống cây trồng TW Đồng Văn (nay là chi nhánh Hà Nam)
- 2015 - nay:** Thành viên HĐQT công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC).
- 2004 - nay:** Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khoa học kỹ thuật Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu VDRC - Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Tiểu ban Quản trị, Nhân sự và Pháp chế:

Nhân sự tiểu ban:

Ông Nguyễn Khắc Hải - Trưởng ban

Bà Nguyễn Thị Trà My - Thành viên

Bà Lê Thị Lệ Hằng - Thành viên

Nhiệm vụ tiểu ban:

Tư vấn pháp lý hoạt động đầu tư, quản trị rủi ro, phát triển bền vững, Điều lệ, quy chế quản trị, hỗ trợ công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên của công ty.

Tham gia triển khai phương án tái cấu trúc tổ chức nhân sự. Xây dựng và giám sát kế hoạch phát triển nhân sự cấp cao trong Công ty.

Xây dựng chính sách thù lao thành viên HĐQT, BKS, các chính sách đãi ngộ, lương thưởng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Tham gia xây dựng chính sách phát triển bền vững, hệ thống quản trị rủi ro công ty.

Tiểu ban Khoa học kỹ thuật:

Nhân sự tiểu ban:

GS.VS.TSKH. Trần Đình Long - Trưởng ban

Ông Đỗ Bá Vọng - Thành viên

Nhiệm vụ tiểu ban:

Xây dựng chiến lược nghiên cứu KHKT, chỉ đạo, giám sát thực hiện chiến lược.

Tư vấn đầu tư và quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực phục vụ nghiên cứu và phát triển. Tư vấn xác định giá trị bản quyền nghiên cứu khoa học trong chuyển giao, thuê chuyên gia hợp tác.

Hỗ trợ thông tin tiến bộ KHKT nông nghiệp trong nước và quốc tế, tư vấn định hướng công tác nghiên cứu của công ty.

Tìm kiếm, giới thiệu các đối tác phục vụ hoạt động R&D của công ty.

Tham gia thẩm định, đánh giá kết quả nghiên cứu KHKT.

Tiểu ban đầu tư:

Nhân sự tiểu ban:

Bà Lê Thị Lệ Hằng - Trưởng ban

Bà Nguyễn Thị Trà My - Thành viên

Ông Nguyễn Khắc Hải - Thành viên

Ông Nguyễn Quang Trường - Thành viên

Nhiệm vụ tiểu ban:

Xây dựng và giám sát việc triển khai thực hiện chiến lược phát triển Công ty.

Chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát thực hiện các hoạt động đầu tư M&A, đầu tư xây dựng cơ bản.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017 - 2021



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY NGÀY 19/4/2018 ĐÃ CHẤP THUẬN ĐƠN TỪ NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CỦA ÔNG NGUYỄN TUẤN ANH VÀ BÀ VŨ THỊ LAN ANH TRÚNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017 - 2021 KỂ TỪ NGÀY 19/4/2018.



Ông Nguyễn Khánh Quỳnh

Trưởng ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ QTKD

Quá trình công tác:

- 2001 - 2002:** Nhân viên kinh doanh XNK Tập đoàn Sunhouse.
- 2002 - 2004:** Phụ trách mua hàng nông sản XK khu vực Miền Trung - CT TNHH OLAM Việt Nam.
- 2004 - 2006:** Chuyên viên tài trợ thương mại XNK - Ngân hàng Mizuho Corporate Bank, chi nhánh Hà Nội.
- 2008 - 2010:** Chuyên viên phân tích đầu tư cổ phiếu công ty TNHH quản lý Quỹ SSI.
- 2010 - 2014:** Phó Giám đốc đầu tư - công ty TNHH quản lý Quỹ SSI (SSIAM).
- 2015 - 2017:** Thành viên Ban Kiểm soát công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC).
- 2014 - 2017:** Giám đốc Đầu tư - công ty TNHH quản lý Quỹ SSI (SSIAM).
- 8/2018 - nay:** Giám đốc Đầu tư và phát triển Kinh doanh - công ty CP Tập đoàn PAN.
- 2012 - 2015:** Thành viên ban Kiểm soát Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 2015 - nay:** Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.



Ông Đỗ Tiến Sỹ

Thành viên ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

- 2000 - 7/2000:** Phó GD trại Giống cây trồng TW Ba Vì
- 8/2000 - 3/2001:** Phó phòng Kinh doanh Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 2001 - 2004:** Trưởng phòng Kinh doanh Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 2004 - 2010:** Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Kinh doanh XNK Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 2010 - 2012:** Ủy viên HĐQT, Chủ tịch BCH Công đoàn Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 2010 - 2016:** Giám đốc Kinh doanh Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 2016 - 3/2019:** Giám đốc công ty CP Giống cây trồng TW Quảng Nam.
- 2012 - nay:** Thành viên ban Kiểm soát, Chủ tịch công đoàn, Trợ lý Tổng giám đốc thị trường miền Trung, Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.



Bà Vũ Thị Lan Anh

Thành viên ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân QTKD

Quá trình công tác:

- 2007 - 2012:** Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam
- 2012 - 2015:** Chuyên viên Kế toán cao cấp công ty TNHH Khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo (Tập đoàn Masan).
- 2015 - nay:** Kế toán trưởng công ty cổ phần Tập đoàn PAN.
- 2016 - nay:** Q. Kế toán trưởng công ty cổ phần PAN Farm.
- 4/2018 - nay:** Thành viên Ban kiểm soát Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Bà Trần Kim Liên
Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc
 Trình độ chuyên môn:
 Cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật.
 Trình độ chính trị:
 Cao cấp chính trị

Quá trình công tác:

- 1980 - 1982:** Giảng viên trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
- 1982 - 1995:** Trợ lý Giám đốc Nông trường Đồng Giao.
- 1995 - 1996:** Trưởng phòng Kinh doanh XN Nông công nghiệp Đồng Giao.
- 1996 - 1997:** Phó Giám đốc XN Nông công nghiệp Đồng Giao.
- 1997 - 1998:** Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XK Đồng Giao.
- 1998 - 2000:** Phó Giám đốc Công ty Vật tư và XNK - Tổng công ty Rau quả VN.
- 2000 - 2004:** Phó Giám đốc Công ty Giống cây trồng TW I (nay là Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam).
- 2015 - nay:** Phó Chủ tịch HĐQT công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC).
- 2004 - nay:** Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.



Ông Đỗ Bá Vọng
Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
 Trình độ chuyên môn:
 Kỹ sư Nông học

Quá trình công tác:

- 1993 - 1994:** Phó Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang - Hưng Yên.
- 1994 - 2001:** Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang - Hưng Yên
- 2001 - 2004:** Giám đốc trại Giống cây trồng TW Đồng Văn (nay là chi nhánh Hà Nam)
- 2015 - nay:** Thành viên HĐQT công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC).
- 2004 - nay:** Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khoa học kỹ thuật Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu VDRC - Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.



Ông Nguyễn Hải Thọ
Phó Tổng giám đốc
 Trình độ chuyên môn:
 Kỹ sư Nông nghiệp

Quá trình công tác:

- 1984 - 1996:** Cán bộ chỉ đạo trại Giống cây trồng TW Thường Tín, Hà Nội.
- 1996 - 2003:** Phó Giám đốc trại Giống cây trồng TW Thường Tín, Hà Nội.
- 2004 - 2007:** Phó phòng Thị trường Kinh doanh Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 2007 - 2010:** Trưởng phòng phát triển sản phẩm mới Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 2010 - 2018:** Giám đốc xí nghiệp Giống cây trồng TW Ba Vì.
- 2011 - nay:** Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.



Ông Nguyễn Quang Trường
Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
 Trình độ chuyên môn:
 Thạc sỹ Tài chính

Quá trình công tác:

- 2011 - 2012:** Chuyên viên phân tích tài chính công ty TNHH Quản lý quỹ FPT
- 2012 - 2013:** Chuyên viên phụ trách khối khách hàng tổ chức - NH VietinBank
- 2013 - 2017:** Giám đốc Kế hoạch & Đầu tư Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 2016 - nay:** Thành viên HĐQT Pan Farm, Chủ tịch HĐQT công ty CP Đầu tư và PT Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam (Hanam Hitech), Thành viên ban Kiểm soát công ty CP Giống cây trồng Hà Tây.
- 4/2017 - nay:** Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Ông Dương Quang Sáu

Phó Tổng giám đốc công ty

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ nông nghiệp

Quá trình công tác:

- 1998 - 2002: Cán bộ sản xuất trại Giống cây trồng TW Đồng Văn (nay là chi nhánh Hà Nam).
- 2002 - 2005: Cán bộ sản xuất công ty CP Hưng Nông.
- 2005 - 2010: Cán bộ sản xuất Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 2010 - 2013: Phó phòng sản xuất Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 2013 - 2018: Giám đốc sản xuất 1 Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 2/2019 - nay: Phó Tổng giám đốc sản xuất Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.



Ông Phạm Trung Dũng

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân QTKD

Quá trình công tác:

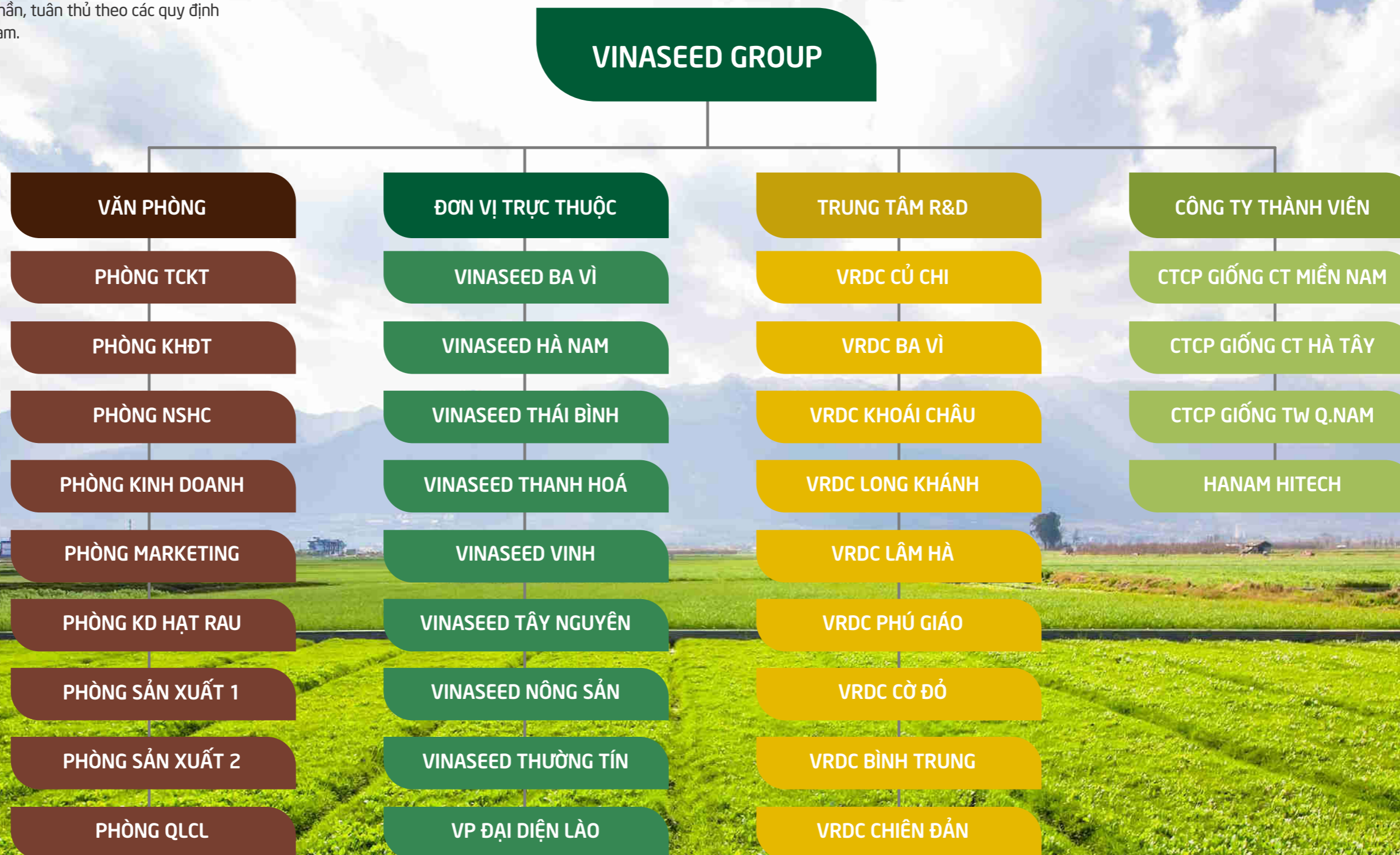
- 2001 - 2003: Nhân viên Kinh doanh công ty KONA Việt Nam
- 2003 - 2005: Nhân viên phòng Tổng hợp Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 2005 - 2006: Giám sát bán hàng công ty CP Pin ắc quy miền Nam
- 2006 - 2009: Giảng viên khoa QLNN về Xã hội, Học viện Hành chính QG.
- 2009 - 2010: Thư ký HĐQT Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
- 2010 - 2011: Phó phòng Nhân sự hành chính Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 2011 - 4/2017: Giám đốc Nhân sự Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.
- 1/2018 - nay: Giám đốc công ty CP Đầu tư và PT Nông nghiệp CNC Hà Nam.
- 4/2017 - nay: Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.

(* Ông Phạm Ngọc Lý nghỉ hưu thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc công ty kể từ ngày 02/01/2018.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

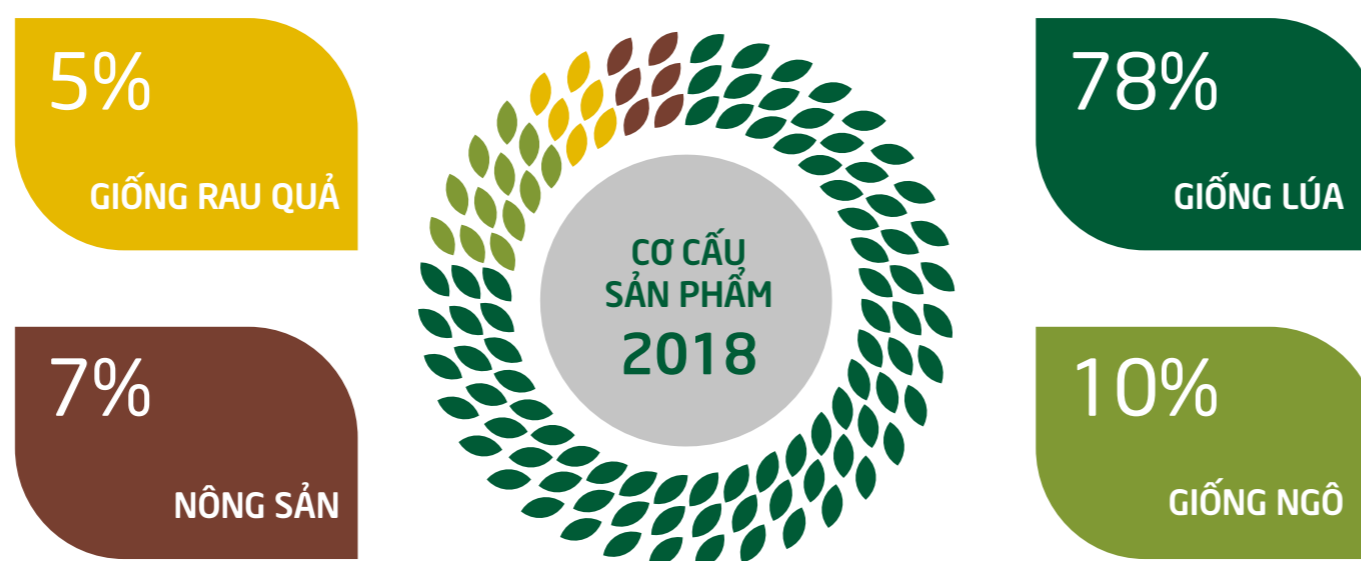
Công ty CP Tập đoàn được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam.



DANH MỤC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

SẢN PHẨM GIỐNG CÂY TRỒNG

Năm 2018, công ty sản xuất và cung ứng ra thị trường 74.227 tấn hạt giống cây trồng các loại tương đương hơn 1 triệu ha gieo trồng. Với cơ cấu sản phẩm như sau:



Năm 2018, công ty sản xuất và cung ứng ra thị trường

74.227

tấn hạt giống cây trồng

tương đương hơn

1 triệu

ha gieo trồng

GIỐNG LÚA

Giống lúa thuần:

Nhóm giống lúa thuần chất lượng: Thơm RVT, Đài Thơm 8, Thiên Ưu 8, VNR10, VNR20, Bắc Hương 9, GL37, Trân Châu Hương, T10, ...

Nhóm giống lúa thuần năng suất cao: Kim Cương 111, Khang Dân ĐB, OM6976, ...

Nhóm giống lúa thuần đặc sản: Nếp vàng ĐB, Japonica DS1, J01, J03, ...

Giống lúa lai:

Giống lúa lai 2 dòng: HC1, TH3-4, HYT108, KC06-1, HR182...

Giống lúa lai 3 dòng: Thụy Hương 308, CNR6206, Nhị ưu 86b, Xuyên Hương 506, Khoa Phong Ưu 36, ...

GIỐNG NGÔ:

Giống ngô thức ăn chăn nuôi: ngô tẻ lai F1 NSC87, HN45, SSC132, LVN10, ...

Giống ngô thực phẩm:

Giống ngô nếp lai F1 HN88, HN68, HN89, HN90, HN92, CX207 new super, nếp hoa HN66, ...

Giống ngô đường lai KH805, LVN20, ...

Giống ngô rau: HN268, ...

GIỐNG RAU QUẢ:

Nhóm bầu bí: Bí đỏ lai F1 Goldstar 998, Super Goldstar 999, Koshi, Bí xanh lai F1 Fuji 868, Tara 888, Bầu sao lai F1 Trầm Hương, Dưa chuột chịu nhiệt lai F1 Sakura, Mướp đắng lai F1 chịu nhiệt HN126, Mướp lai Hương Việt, ...

Nhóm cà ớt: Ớt hiểm lai Deli 686, Cà chua lai chịu nhiệt các loại, ...

Nhóm rau ăn lá: Cải ngọt Sakata, Xà lách Green Lecture, Rau dền khoang HN666, cải ngồng ngọt HN888, ...

Nhóm đậu đỗ: Đậu xanh cao sản DX208, Đậu Tứ quý, đậu đũa chịu nhiệt HN338, đậu bắp lai ...

Giống dưa lưới lai Taki, Taka, Ichiba, dưa vàng lai, dưa hấu không hạt các loại.

SẢN PHẨM NÔNG SẢN



Gạo thương hiệu tiêu chuẩn HACCP:


Gạo đặc sản: Gạo Thơm RVT, Trân Châu Hương, Đài Thơm 8, VJ Pearl, VJ Japonica, Nếp hoa vàng ĐB, ...


Gạo thực phẩm chức năng: Gạo tím, gạo huyết rồng Phúc Thọ, gạo đen Phúc Thọ, gạo lứt, ...


Dưa lưới Nhật tiêu chuẩn GlobalGap: Taki, Taka, Ichiba, Takeda, Akina thương hiệu Vinamelon sản xuất tại Khu nông nghiệp ứng dụng CNC Hanam (Hanam Hitech).


Nông sản hữu cơ: Cà chua các loại, Dưa chuột bao tử, bí đỏ ăn non, cà chua, khoai tây sạch, đậu đỗ các loại, ...

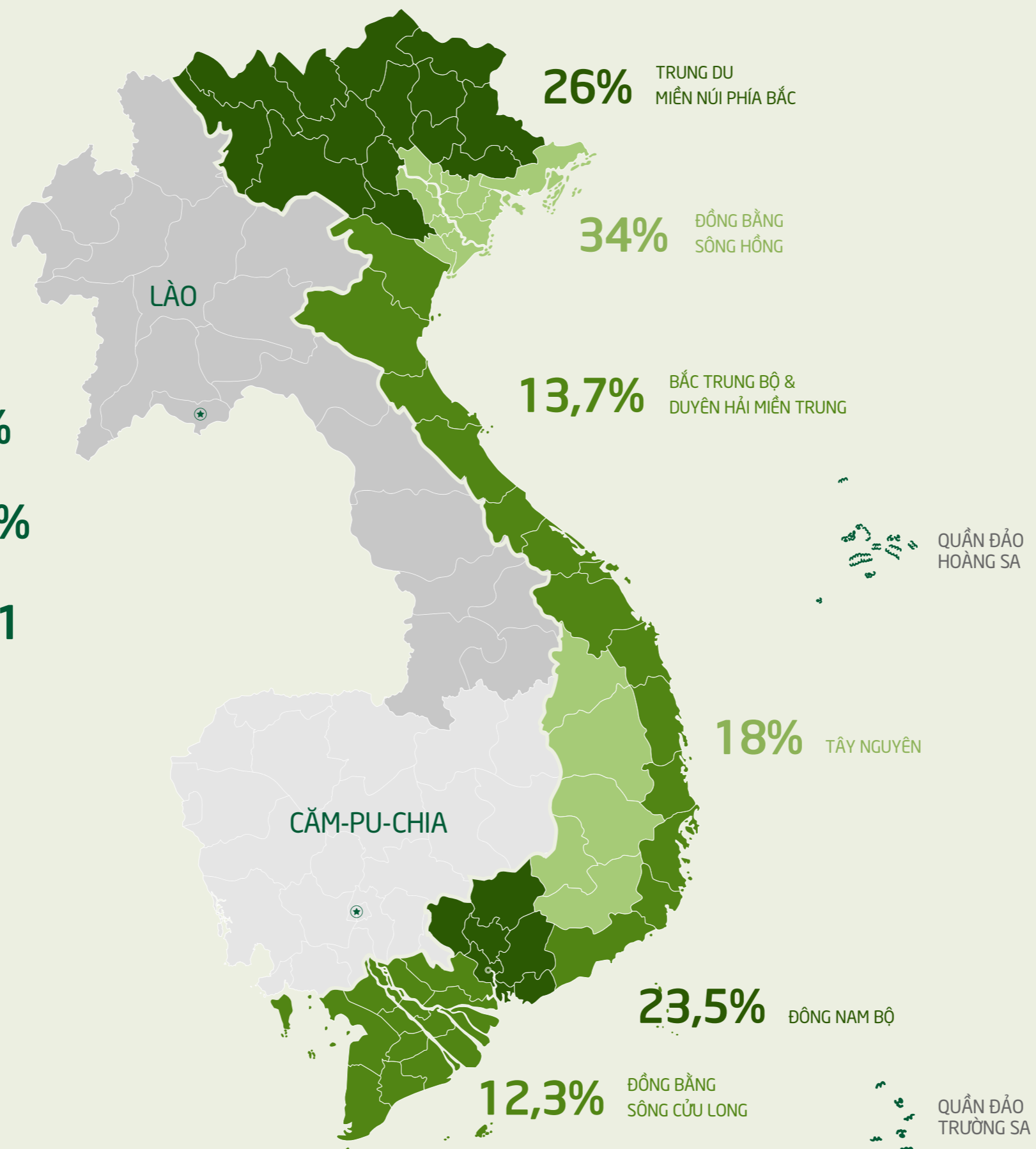
KÊNH PHÂN PHỐI VÀ THỊ PHẦN

- 
THỊ PHẦN
CẢ NƯỚC
19%

- 
TĂNG TRƯỞNG
THỊ PHẦN SO VỚI 2017
3,2%

- 
ĐẠI LÝ,
NHÀ PHÂN PHỐI CẤP 1
1711

- 
KHÁCH HÀNG LỚN
381



DANH SÁCH CÁC CHI NHÁNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN

DANH SÁCH CÁC CHI NHÁNH

1. Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 1 Lương Định Của, Phương Mai,
Đống Đa, Hà Nội.
Điện thoại: 024.38523294 Fax: 024.38527996

2. Chi nhánh Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam tại Ba Vì

Địa chỉ: Xã Đông Quang, Huyện Ba Vì, Hà Nội.
Điện thoại: 024.3863091 Fax: 024.3864185

3. Chi nhánh Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam tại Hà Nam

Địa chỉ: KCN Đồng Văn 1, Thị trấn Đồng Văn,
Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.
Điện thoại: 0226.3835463 Fax: 0226.3835061

4. Chi nhánh Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam tại Thái Bình

Địa chỉ: Xã Đông Hợp, Huyện Đông Hưng,
Tỉnh Thái Bình
Điện thoại: 0227.3851256 Fax: 0227.3550684

5. Chi nhánh Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam tại Thanh Hóa

Địa chỉ: Xã Định Tường, Huyện Yên Định,
Tỉnh Thanh Hoá.
Điện thoại/Fax: 0237.3869251

6. Chi nhánh Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam tại miền Trung

Địa chỉ: Số 11, Trần Nhật Duật, Phường Đội Cung,
Thành phố Vinh, Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3531822 Fax: 0238.3844937

7. Chi nhánh Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam tại Tây Nguyên

Địa chỉ: Xóm 4, xã Eatu,
TP Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
Điện thoại: 0262.3873816 Fax: 0262.3873817

8. Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đồng Văn,
thị trấn Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam.
Điện thoại: 024.38523294 Fax: 024.38527996

9. Trung tâm nghiên cứu và phát triển Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (VRDC)

Địa chỉ: Số 211, đường Bà Thiên, Ấp 5,
xã Phạm Văn Cội, Củ Chi, TP.HCM.
Điện thoại/Fax: 028.37947608
Fax: 028.37941993.

Các đơn vị thành viên của VRDC:

Trung tâm VRDC tại Ba Vì - Hà Nội
Trung tâm VRDC tại Khoái Châu - Hưng Yên
Trung tâm VRDC tại Lâm Hà - Đà Lạt
Trung tâm VRDC tại Chiên Đàn - Quảng Nam
Trung tâm VRDC tại Phú Giáo - Bình Dương
Trung tâm VRDC tại Cờ Đỏ - Cần Thơ
Trung tâm VRDC tại Bình Trưng - Quảng Nam
Trung tâm VRDC tại Long Khánh - Đồng Nai

10. Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy chế biến Giống cây trồng Thường Tín

Địa chỉ: 350 Trần Phú, Thị trấn Thường Tín,
Huyện Thường Tín, Hà Nội
Điện thoại/Fax: 024.3853239

11. Văn phòng tại tỉnh Udomxay - Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

Địa chỉ: Tỉnh Udomxay, nước CHDCND Lào.
Điện thoại/fax: 0085 681212554.





DANH SÁCH CÁC CHI NHÁNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN (tt)

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

13. Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam (Mã CK: SSC)

Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 0283.8442414 Fax: 0283.8442387.

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng.

Vinaseed sở hữu: 85,34% Vốn điều lệ, 94,66% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Các đơn vị thành viên của SSC:

Chi nhánh Trà Vinh
Chi nhánh Trại giống cây trồng Cờ Đỏ (Cần Thơ)
Trạm giống cây trồng Cai Lậy (Tiền Giang)
Trạm giống cây trồng Củ Chi (TP.HCM)
Trại giống cây trồng Tân Hiệp (Bình Dương)
Trại giống cây trồng Lâm Hà (Lâm Đồng)
Chi nhánh miền Trung (Quảng Nam)
Chi nhánh Campuchia
Văn phòng đại diện Lào
Công ty CP Cơ khí Giống cây trồng miền Nam.

14. Công ty cổ phần Giống cây trồng trung ương Quảng Nam (Vinaseed Quảng Nam)

Địa chỉ: Km 943, QL1A, Xã Điện Thắng Bắc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại: 0235.3869455 Fax: 0235.3869253

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng nông lâm nghiệp.

Vinaseed sở hữu: 90,02% vốn điều lệ, 90,02% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Các đơn vị thành viên của Vinaseed Quảng Nam:

Xí nghiệp Giống nông lâm nghiệp Chiên Đàn (Quảng Nam)
Xí nghiệp Giống nông nghiệp Bình Trung (Quảng Nam)

15. Công ty cổ phần Giống cây trồng Hà Tây (HSC)

Địa chỉ: Phường Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội.
Điện thoại: 0243.3530655 Fax: 0243.3535421

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng.

NSC sở hữu: 53,80% vốn điều lệ, 53,80% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Các đơn vị thành viên của HSC:

Trại Giống cây trồng Phù Lưu Tế (Hà Nội)
Trại Giống cây trồng Phương Bảng (Hà Nội).

16. Công ty cổ phần ĐT và PT Nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam

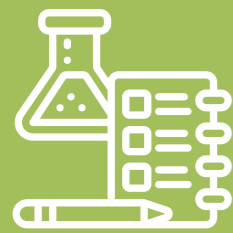
Địa chỉ: Xóm 2, xã Nhân Khang, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.
Điện thoại: 0226.3652888
Fax: 0226.3652666

Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh và chuyển giao công nghệ sản xuất dưa lưới và rau quả nông sản cao cấp nông nghiệp công nghệ cao theo tiêu chuẩn Global Gap.

NSC sở hữu: 100,00% vốn điều lệ (Vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng).

CÁC NGUỒN LỰC LÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU



CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CHẾ BIẾN BẢO QUẢN



Đơn vị	Diện tích (ha)
Trung tâm VRDC Ba Vì	56,5
Trung tâm VRDC Khoái Châu	9
Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC Hà Nam	21,59
Phòng công nghệ sinh học tại Khoái Châu	0,1
Chi nhánh Thanh Hóa	26
Chi nhánh miền Trung Tây nguyên	14,4
Trung tâm VRDC Lâm Hà	38
Trung tâm nghiên cứu phía Nam	78
Trung tâm nghiên cứu Rau hoa	28
Trại giống cây trồng Cờ Đỏ	336
Trại giống cây trồng Cai Lậy	1,5
Trại Thực nghiệm Củ Chi	4,0
Tổng cộng	550,60

Cơ sở đóng gói chế biến

13

Công suất kho lưu trữ

25.000 m²

Diện tích nhà chế biến

42.000 m²

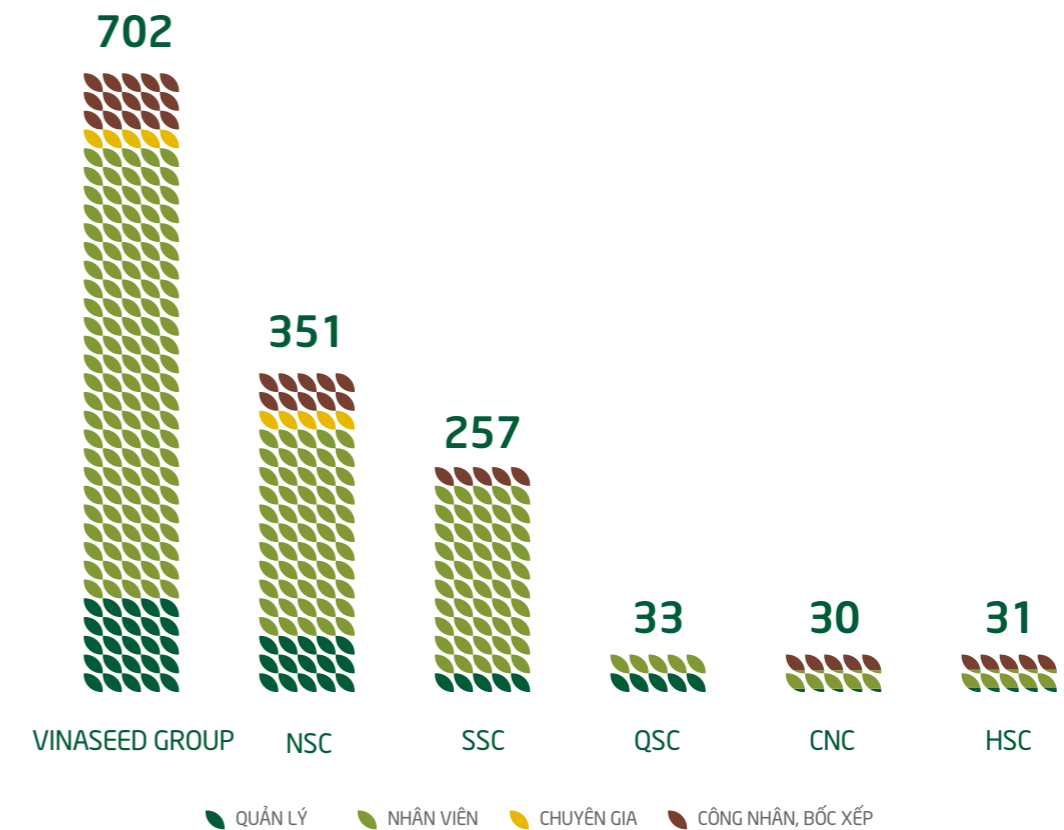
Công suất chế biến

90.000 tấn/năm

Công suất đóng gói

75.000 tấn/năm

CƠ CẤU NHÂN SỰ



Chỉ tiêu	VINASEED GROUP	NSC	SSC	QSC	CNC	HSC
Tổng lao động	702	351	257	33	30	31
Quản lý	109	64	32	7	3	3
% Quản lý	15,5%	18,2%	12,5%	21,2%	10,0%	9,7%
Nhân Viên	502	244	200	26	17	15
Chuyên gia	5	5	-	-	-	-
Công nhân 01, bốc xếp	86	38	25	-	10	13

CÁC NGUỒN LỰC LÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC (tt)

CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC VINASEED 2018



Công ty đã tập hợp được đội ngũ chuyên gia tạo giống đầu ngành của Việt Nam giúp công ty đào tạo nguồn lực, kết nối hợp tác quốc tế. Mở rộng hợp tác với tất cả các viện nghiên cứu công lập và chuyển giao kết quả nghiên cứu vào sản xuất, Vinaseed tự hào là công ty tiên phong tham gia tạo lập thị trường KHCN. Hiện nay công ty có đội ngũ chuyên gia công

nghệ hoàn toàn có thể làm chủ công nghệ tiên tiến trên thế giới:

Công nghệ chọn tạo giống;

Công nghệ sản xuất hạt lai.

Công nghệ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao 4.0.



KHỐI KỸ THUẬT SẢN XUẤT

Nhân viên nghiên cứu	100%
Nhân viên kiểm nghiệm	100%
Nhân viên sản xuất	97%
Nhân viên Cơ khí	70%



KHỐI THỊ TRƯỜNG KINH DOANH

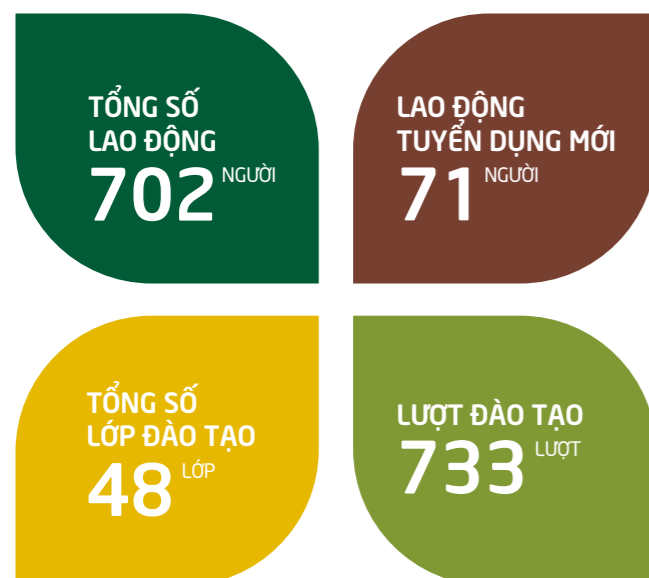
Nhân viên Marketing	100%
Nhân viên Kinh doanh nông sản	100%
Nhân viên Kinh doanh giống	74%



KHỐI QUẢN TRỊ

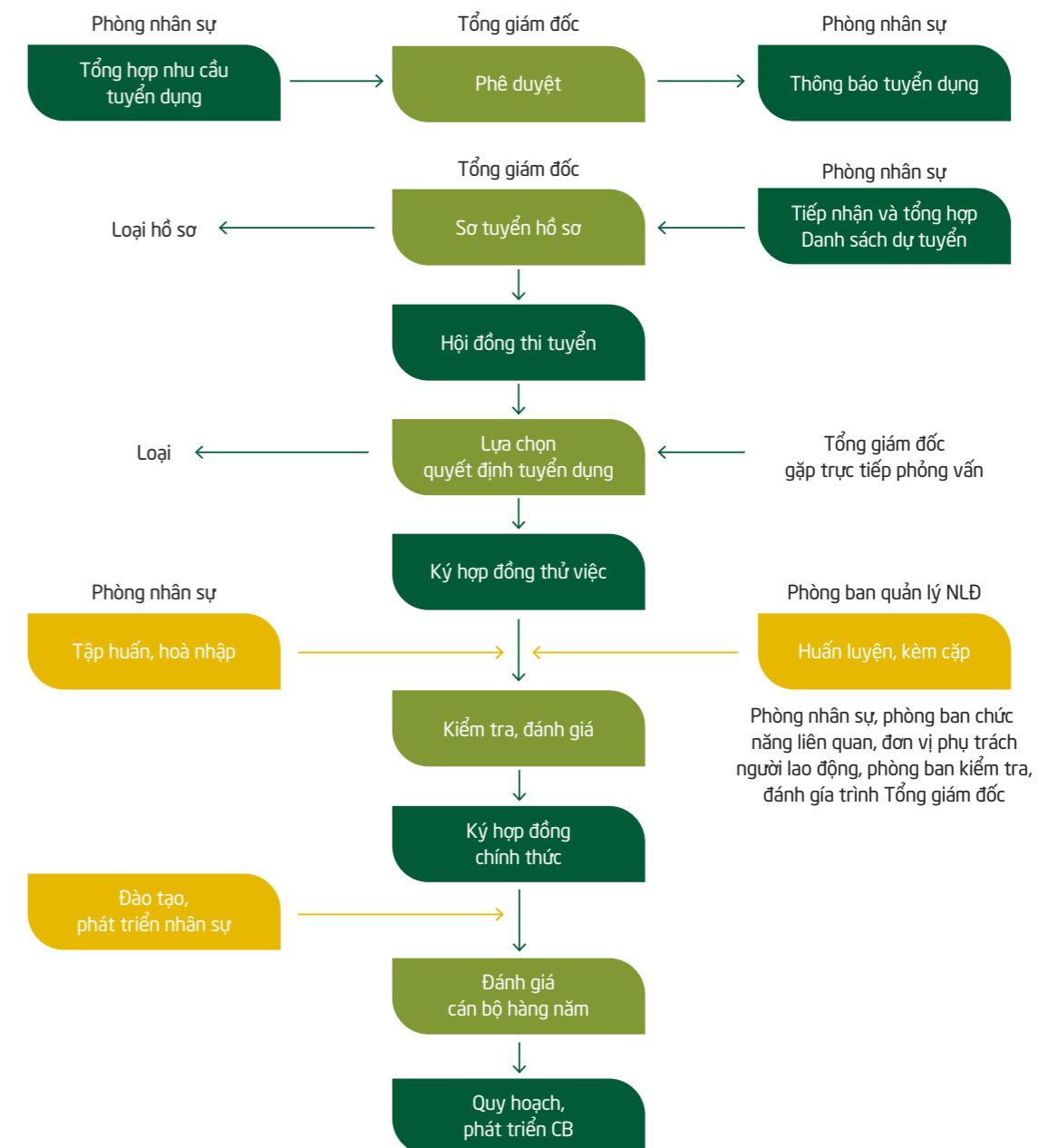
Nhân viên Dự án	100%
Nhân viên Kế toán	92%
Nhân viên nhân sự hành chính	67%
Nhân viên Kho quỹ	35%

CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



Công tác tuyển dụng tại công ty được thực hiện minh bạch và khách quan thông qua việc xây dựng và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình tuyển dụng, từ việc đăng tuyển, sàng lọc hồ sơ, tuyển chọn công tâm. Trong năm 2018, công ty đã tuyển dụng mới 71 lao động góp phần xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực có chất lượng, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

QUY TRÌNH TUYỂN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC (tt)

QUY TRÌNH TUYỂN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

ĐỐI TƯỢNG	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐƯỢC ƯU TIÊN	HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHỦ YẾU
QUẢN LÝ CẤP TRUNG	Đào tạo kỹ năng quản lý nâng cao CEO, CFO,...	Bên ngoài
CÁN BỘ NGUỒN	Đào tạo kỹ năng quản lý	Bên ngoài
NHÂN VIÊN	Phổ biến định hướng chiến lược phát triển công ty, hệ thống quy chế, quy định mới của công ty Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ Đào tạo kỹ năng làm việc	Nội bộ, bên ngoài
LAO ĐỘNG THỬ VIỆC	Đào tạo hoà nhập Huấn luyện kèm cặp	Nội bộ



VINASEED - 50 NĂM ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

702

LAO ĐỘNG

78%

CÓ TRÌNH ĐỘ
ĐẠI HỌC TRỞ LÊN

1402

TỶ ĐỒNG

ĐẦU TƯ CHO KHCN
HIỆN ĐẠI HOÁ CSVC VÀ
ĐẦU TƯ M&A (2013-2018)

HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI

29

ĐƠN VỊ
THÀNH VIÊN

ĐẠI LÝ CẤP 1
KHẮP CẢ NƯỚC **1711**

TỐC ĐỘ
TĂNG TRƯỞNG
BÌNH QUÂN
(2011-2018)

40%

NĂM

VỐN CHỦ SỞ HỮU

1052

TỶ ĐỒNG

ĐÓNG GÓP HƠN

100

TỶ ĐỒNG

CHO NGÂN SÁCH
QUỐC GIA
(2011-2018)

LỢI NHUẬN

252

TỶ ĐỒNG

GIÁ TRỊ SẢN PHẨM
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

1200

TỶ ĐỒNG

DOANH THU

1605

TỶ ĐỒNG

Thành lập năm 1968, sinh ra trên vùng châu thổ sông Hồng, 50 năm, bằng sự nỗ lực không ngừng của nhiều thế hệ, hạt giống Vinaseed ươm mầm ngày nào nay đã phát triển trở thành cây lớn mạnh, mang đến năng lượng của tri thức và công nghệ hiện đại, đóng góp cho sự phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam.

Vinaseed là doanh nghiệp KHCN đầu tiên trong ngành giống cây trồng Việt Nam.

Công ty đã nghiên cứu, chọn tạo chuyển giao 45 giống cây trồng các loại, có 4 giống lúa nằm trong TOP 10 giống lúa phổ biến nhất Việt Nam.

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018 - HỢP NHẤT

NỘI DUNG	ĐVT	KH 2018	TH 2018	CK 2017	TH/KH	TH/CK
Doanh thu	Trđ	1.625.000	1.605.380	1.512.602	99%	106%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	256.000	252.702	234.615	99%	108%
Lợi nhuận sau thuế CD công ty mẹ	Trđ	217.000	238.798	210.797	110%	113%
EPS	Đ/cp		13.588	10.659		127%
Cổ tức	%	20%	30% (dk)	30%		
• Bằng tiền	%		30%	15%		
• Bằng cổ phiếu	%			15%		

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 5 NĂM (2014 - 2018)

CÁC CHỈ TIÊU	2014	2015	2016	2017	2018
Doanh thu	713	1.249	1.330	1.512	1.605
Lợi nhuận sau thuế	124	157	192	234,6	252,7
Tổng tài sản	953	1.558	1.486	1.561	1.561
Vốn chủ sở hữu	751	1.003	1.085	1.059	1.052



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 5 NĂM (2014 - 2018)

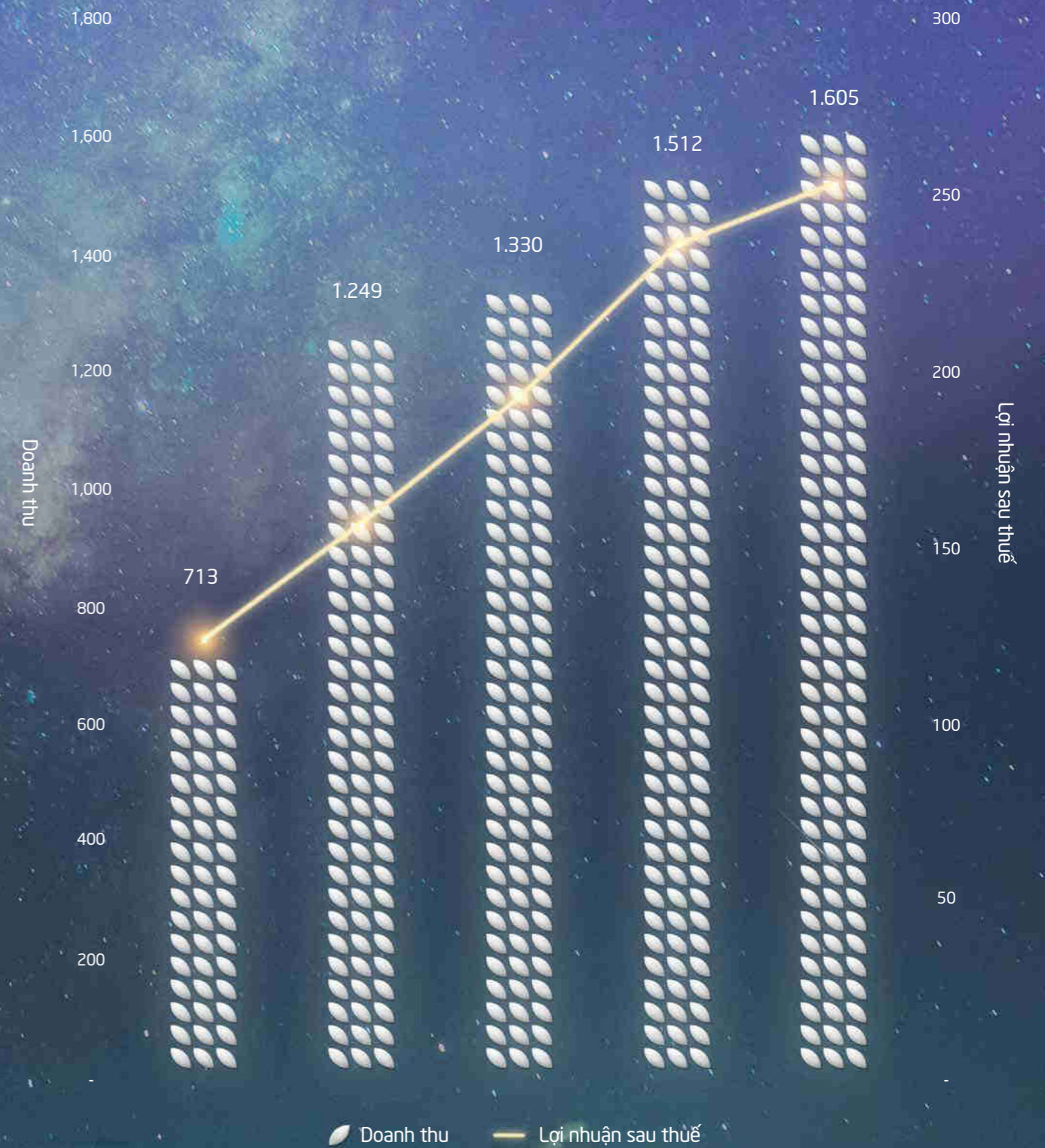


Tổng tài sản trong 5 năm (2014 - 2018)



Vốn chủ sở hữu trong 5 năm (2014 - 2018)

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế trong 5 năm (2014 - 2018)



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018 (tt)

Các chỉ tiêu tăng trưởng qua các năm:

CHỈ TIÊU	2013		2014		2015		2016		2017		2018		2018/ 2013 (Lần)	Tăng trưởng/ năm
	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH		
Doanh thu	598	598	650	713	1.200	1.249	1.277	1.330	1.514	1.512	1.625	1.605	2,7	24,2%
Lợi nhuận sau thuế	96	96	115	124	170	157	200	192	228,5	234,6	256,0	252,7	2,6	21,6%
Tổng tài sản		440		953		1.558		1.486		1.561		1.561	3,6	36,1%
Vốn CSH		323		751		1.003		1.085		1.059		1.052	3,3	34,2%
Vốn Điều lệ	100	100	153	153	153	153	153	153	153	153		176	1,8	13,5%

Các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động
qua các năm:

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
ROA	%	17,0%	19,9%	21,9%	13,0%	10,1%	12,9%	15,0%	16,2%
ROE	%	29,0%	29,2%	30,0%	16,5%	15,7%	17,7%	22,2%	24,0%
EBIT	Tỷ đ	64,2	80,1	99,1	126,8	187,0	226,5	263,2	289,0
Khấu hao		6,3	9,0	9,9	10,4	20,2	32,2	32,6	33,6
EBITDA		70,4	89,1	109,0	137,2	207,2	258,7	295,8	322,6
EPS	đ/CP	7.331	7.737	9.518	8.293	8.124	10.316	10.659	13.588
Tỷ lệ cổ tức	%	30,0%	50,0%	30,0%	30,0%	30,0%	30,0%	30,0%	30% (dk)
Trong đó:									
• Bằng tiền	%	30,0%	30,0%	30,0%	30,0%	30,0%	30,0%	15,0%	30,0%
• Bằng cổ phiếu	%		20,0%					15,0%	

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN 2018

NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN	THỰC HIỆN NĂM 2018		GHI CHÚ
			GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG	THỰC HIỆN	
Dự án Trung tâm CN chế biến hạt giống và nông sản Đồng Tháp	NSC & SSC	342.611.329.730	17.592.517.450	6.486.901.000	Đang thực hiện. Dự kiến T10/2019 xong
Trong đó:					
Hạng mục đã ký hợp đồng trong năm 2018 (Khảo sát địa chất địa hình, tư vấn thiết kế và dự toán, thẩm tra thiết kế và dự toán, giám sát thi công, san lấp mặt bằng, báo cáo TĐMT, PCCC,...)		30.345.664.872	17.592.517.450	6.486.901.000	
Dự án nhà máy CBBQ Thanh Hóa (DT: 1.800m ² , CS CBĐG: 2.000 tấn, nhà khung thép tiền chế Jamin, lợp tôn cách nhiệt)	NSC	16.422.845.000	13.175.250.700	13.175.250.700	Đã hoàn thành
Dự án kho CBBQ Quảng Nam (DT: 1.424m ² . CS CBĐG: 1.000 tấn)	QSC	6.795.000.000	6.125.152.741	6.125.152.741	Đã hoàn thành
Dự án kho CBBQ Cờ Đỏ	SSC	12.500.000.000	11.630.000.000	11.630.000.000	Đã hoàn thành
Dự án nâng cấp hệ thống sấy CB Cai Lậy	SSC	2.061.000.000	2.061.000.000	2.061.000.000	Đã hoàn thành
Khác (cải tạo NSC Thái Bình, NSC Khoái Châu, NSC Ba Vì, NSC Hưng Yên, SSC miền Trung và Văn phòng SSC)	NSC & SSC	4.485.137.000	4.411.016.000	4.360.604.000	Đã hoàn thành
TỔNG CỘNG		384.875.311.730	54.994.936.891	43.838.908.441	

CÁC THÀNH TỰU NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG, CHUYỂN GIAO KHCN NĂM 2018

CÁC THÀNH TỰU CHÍNH

48

Giống triển vọng đang khảo nghiệm

20

Giống triển vọng cho PTSP

02

Giống được công nhận giống mới

TỔNG SỐ THUẾ ĐƯỢC MIỄN GIẢM NĂM 2018

41,16

Tỷ đồng

Giống triển vọng đang khảo nghiệm: 48 giống. Trong đó:

Lúa thuần: 19 giống (VS18, VS20, VS22, VNR1 đến VNR9,...).

Lúa lai: 2 giống (TNR476, TNR622)

Giống ngô: 7 giống (2 giống ngô nếp, 3 ngô ngọt, 2 ngô tẻ)

Giống triển vọng cho PTSP: 20 giống

Lúa: 10 giống. (Lúa thuần: VNR10, VNR18, VNR20, Đài thơm 10, MN17-34; MN17-14, MN 18-1,...).

Ngô: 3 giống (MX10 New, SSC577 New, SSC131 New)

Rau đậu: 7 giống (Dưa lưới: 02 giống, Khổ qua BG 3, dưa hấu rồng đỏ 118, Lucky 0, Bí đỏ Pum 664, bầu sao New Star 99).

Công nhận giống mới: Kim Cương 111 (MT và TN), Dự Hương, J0, công nhận sx thử VNR10, HN92.

Năm 2018, NSC và SSC đảm bảo được tỷ lệ cơ cấu sản phẩm bản quyền trên 80%. Do đó được hưởng chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp Khoa học công nghệ (Nghị định 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 của Chính phủ về doanh nghiệp KHCN). Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm:

- NSC: 32,11 tỷ đồng.
- SSC: 9,05 tỷ đồng.

Tổng cộng thuế được miễn giảm năm 2018: 41,16 tỷ đồng.

Toàn bộ số thuế miễn giảm được bổ sung vào Quỹ đầu tư và phát triển công ty để tái đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KHCN và đầu tư cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu và sản xuất kinh doanh của Công ty.



THÀNH LẬP TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TẬP ĐOÀN

Để thống nhất về định hướng mục tiêu và quản lý hoạt động nghiên cứu, phát huy thế mạnh về nguồn gen, cơ sở vật chất và đội ngũ, thực hiện định hướng chiến lược thành lập Viện nghiên cứu trong tương lai. Ngày 14/01/2019, HĐQT thông qua Nghị quyết số 12/NQ-VINASEED-HĐQT thành lập Trung tâm nghiên cứu và phát triển Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam (VRDC) trên cơ sở hợp nhất và tổ chức lại hoạt động trung tâm nghiên cứu của các công ty thành viên. Trung tâm là đơn vị trực thuộc Tập đoàn Vinaseed Group, có chức năng nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực giống cây trồng phục vụ cho sự phát triển của Tập đoàn. Trung tâm quản lý, sử dụng toàn bộ đất đai, cơ sở vật chất và nguồn nhân lực phục vụ nghiên cứu; nguồn vật liệu, các kết quả nghiên cứu, ứng dụng của Tập đoàn.



HỢP TÁC QUỐC TẾ NĂM 2018



Trong năm 2018, đã đón tiếp 24 đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc tại Công ty.

Hợp tác với tập đoàn Sojitz xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo theo quy trình Nhật bản. Bước đầu đã đưa sản phẩm Dự án (VJ Peal rice và VJ Crystal rice) vào tiêu thụ.

Hợp tác với tập đoàn Nagoya: khảo nghiệm trình diễn các giống Japonica CLC, ký hợp đồng MOU hợp tác phát triển giống lúa CLC và hợp tác xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo Japonica phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.

Triển khai hệ thống phần mềm Smart Farm với Cropin và Buhler.

Hợp tác nghiên cứu với Viện nghiên cứu lúa IRRI, các đối tác nước ngoài nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm giống mới. Đã chọn được 4 giống lúa thuần, 01 giống lúa lai, 01 giống ngô nếp lai, 01 giống ngô đường, và trên 20 dòng lúa lai triển vọng.

Hợp tác với tập đoàn Bayer thử nghiệm xử lý hạt giống kích kháng đạo ôn.

Hợp tác với tập đoàn Taki, Hagihara, Nantoseed, Lionseed khảo nghiệm các giống dưa mới và đã xác định được 4 giống dưa triển vọng.

Hợp tác với công ty Maruwa Bio ứng dụng công nghệ màng phủ mới trong sản xuất NNCNC.



ĐẦU TƯ M&A CÁC CÔNG TY TRONG NGÀNH NĂM 2018: 189,7 TỶ ĐỒNG

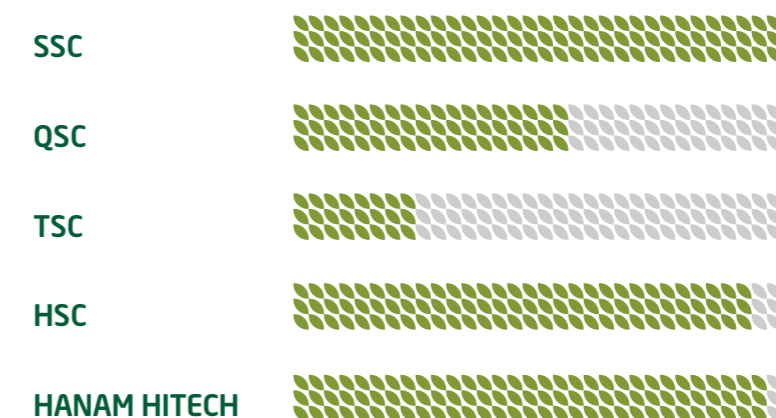
Số liệu đầu tư năm 2018

Đầu tư M&A	Sở hữu 01/01/2018			M&A trong năm 2018		Sở hữu 31/12/2018		
	CP	%/ VĐL	% CP biểu quyết	CP mua	CF Đầu tư (Trđ)	CP	%/ VĐL	% CP biểu quyết
SSC	10.123.804	67,50%	74,90%	2.671.058	187.174	12.794.862	85,34%	94,66%
Cộng					189.674			

Quá trình đầu tư M&A các công ty trong ngành trong những năm qua:

CÔNG TY	TỶ LỆ SỞ HỮU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT						
	2011	2013	2014	2015	2016	2017	2018
QSC	32,20%	60,24%	84,17%	90,02%	90,02%	90,02%	90,02%
TSC			6,24%	10,03%	10,03%	10,03%	10,03%
SSC			40,16%	61,49%	61,74%	74,90%	94,66%
HSC	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%
HANAM HITECH					35,58%	100,00%	100,00%

Số liệu đầu tư năm 2018



PHÁT HÀNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

TT	NỘI DUNG	TRƯỚC KHI THAY ĐỔI	SAU KHI THAY ĐỔI	GHI CHÚ
1	Vốn điều lệ (đ)	152.950.000.000	175.869.880.000	
2	Tổng số cổ phiếu	15.295.000	17.586.988	
3	Số cổ phiếu quỹ	12.472	12.472	
4	Số cổ phiếu có quyền biểu quyết lưu hành	15.282.528	17.574.516	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017: 15% theo NQ 25/NQ-ĐHĐCĐTN 2018 ngày 19/4/2018, ngày phát hành 3/10/2018



PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU NSC: 107 TỶ

Ngày 14/5/2018, công ty phát hành riêng lẻ trái phiếu NSC 2018 theo Nghị quyết HĐQT số 22/NQ-CTG-HĐQT ngày 20/4/2018, Tổng giá trị phát hành: 107 tỷ đồng với lãi suất trái phiếu cố định 9%/năm trong suốt kỳ hạn trái phiếu.



ĐỔI TÊN CÔNG TY, RA MẮT BỘ NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU MỚI

Để khởi đầu cho một hành trình mới, một vóc dáng mới khẳng định vị thế, và phù hợp với tầm nhìn chiến lược trở thành tập đoàn cung cấp các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững hàng đầu Việt Nam, vươn tầm quốc tế. Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, Vinaseed đã chính thức thực hiện tái cấu trúc tổ chức công ty theo mô hình tập đoàn. Đổi tên công ty thành công ty cổ phần Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam và ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới. Thời điểm chính thức đổi tên công ty, thay đổi logo và bộ nhận diện mới kể từ 11/01/2019.



9 HẠT GIỐNG VÀNG TIỀN PHONG NÔNG NGHIỆP VIỆT

Với chiến lược và quyết tâm hành động, Vinaseed đặt mục tiêu cho đến 2021, tầm nhìn 2025 sẽ chi phối thị trường giống cây trồng Việt Nam. “Hành trình phía trước còn nhiều gian nan, thử thách, chúng tôi tin rằng, với trí tuệ và năng lực khoa học công nghệ, sức mạnh tinh thần đoàn kết, kỷ cương, với khát vọng được cống hiến cho nông nghiệp Việt Nam các sản phẩm giống cây trồng tốt nhất góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng, Vinaseed sẽ không ngừng vươn xa mang đến những bình minh ngày càng tươi sáng cho người nông dân Việt Nam”

Chủ tịch HĐQT, TGĐ Vinaseed - Trần Kim Liên

HÌNH VUÔNG VÀ 9 HẠT GIỐNG



HÌNH VUÔNG

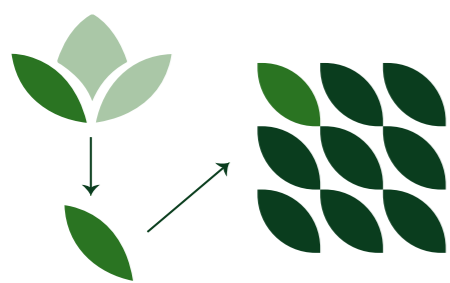
Trong văn hoá người Việt, hình vuông biểu trưng cho Đất, cho sự vững bền, chắc chắn, đáng tin cậy.

SỐ 9

Tượng trưng cho Trời, đại diện cho sự may mắn, quyền lực, và sự hoàn thiện.

Hình ảnh 9 lá mầm đặt trong khối vuông thể hiện sự trưởng thành, bền vững cùng khả năng định hướng thị trường, công ty đầu ngành giống cây trồng nói riêng và phát triển nền nông nghiệp bền vững nói chung.

KẾ THỪA VÀ PHÁT TRIỂN



Kế thừa hình ảnh mầm cây ba lá từ logo cũ, logo Vinaseed nay thừa sức mạnh nhân ba tốc độ với 9 hạt giống quý tượng trưng cho nhiều mảng sản phẩm đa dạng của doanh nghiệp, phát triển và kế thừa trên nền tảng dẫn đầu ngành giống cây trồng Việt Nam.

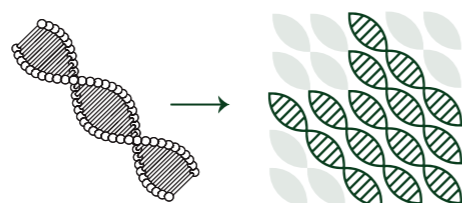
9 lá mầm vừa đặt theo hàng lối vừa đặt theo khối vuông, thể hiện hướng mũi tên theo đà tăng trưởng, tiềm năng phát triển dồi dào trên nền tảng phong phú, đa dạng từ nguồn giống của Vinaseed.

CHUỖI GEN

Là nguồn gốc của sự sống, biểu tượng chuỗi gen ADN đại diện cho chiến lược ứng dụng công nghệ cao là đòn bẩy, động lực cho sự phát triển của Vinaseed.

Việc áp dụng khoa học công nghệ cùng đội ngũ chuyên gia hàng đầu đã giúp Vinaseed tạo ra các giống, các sản phẩm với ưu thế vượt trội so với các thương hiệu khác.

CHUỖI GEN VÀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC



SẢN PHẨM CỐT LÕI

HÌNH NHẬN DIỆN

9 HẠT GIỐNG

đại diện cho những sản phẩm thể mạnh của Vinaseed:



Hình nhận diện hạt giống đại diện cho các loại giống rau củ quả của Vinaseed

Hình nhận diện hạt giống đại diện cho chuỗi gen công nghệ đa dạng sinh học, nền tảng cốt lõi của Vinaseed

Hình nhận diện hạt giống đại diện cho các giống lúa năng suất, chất lượng của Vinaseed

Hình nhận diện hạt giống đại diện cho các loại giống ngô của Vinaseed

Hình nhận diện hạt giống đại diện cho hệ thống nông sản hữu cơ của Vinaseed

Ý NGHĨA CỦA MÀU SẮC VÀ LOGOTYPE



MÀU XANH LỤC ĐẬM

tượng trưng cho sự trưởng thành, vững chắc, tin cậy, phù hợp với vai trò doanh nghiệp lâu đời, uy tín hàng đầu trong ngành nông nghiệp Việt Nam.

MÀU NÂU ĐẬM

màu của đất mẹ thể hiện sự chu đáo, tận tâm và tấm lòng nhân hậu, với mong ước được sát cánh cùng người nông dân làm giàu trên chính mảnh đất của mình.

LOGOTYPE

Typography thể hiện tính cách sáng tạo, đi đầu trong khoa học kỹ thuật cùng kiểu chữ không chân với những đường nét cắt hiện đại. Hình đồ hoa logo với góc hướng sang bên trái, nét cắt tại chữ A nối với chữ S tạo thành một góc hướng sang bên phải, hai góc kết hợp tạo cho tổng thể logo một sự hài hoà.

NHẬN DIỆN MỚI – HÀNH TRÌNH MỚI



HÌNH MẪU THƯƠNG HIỆU

Nhà cải cách nhân hậu

TÍNH CÁCH THƯƠNG HIỆU

Uy tín
Cách tân, sáng tạo
Nhân hậu, chu đáo

Việc thay đổi nhận diện thương hiệu là cột mốc đánh dấu sự phát triển tiếp theo của công ty, là nỗ lực làm mới mình với hình mẫu thương hiệu Nhà cải cách nhân hậu và định hình 3 nét tính cách khác biệt của Vinaseed trong giai đoạn mới.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2018

Đặc điểm tình hình

Tổng quan kết quả hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2018

Báo cáo quản trị doanh nghiệp của HĐQT năm 2018

Báo cáo ban điều hành năm 2018

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH



Thuận lợi:

Kinh tế vĩ mô ổn định, Chính phủ ban hành nhiều chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp.

Thời tiết vụ Đông Xuân 2018 tương đối thuận lợi, lúa được mùa.

Khó khăn:

Cơ cấu cây trồng khu vực Bắc và Bắc Trung bộ thay đổi, quy mô diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp (diện tích lúa giảm 200 nghìn ha so với 2017), nhiều vùng nông dân bỏ sản xuất vụ Đông ảnh hưởng đến kinh doanh ngô và rau màu.

Thời vụ Đông Xuân muộn, vụ kinh doanh kéo dài đến Quý I-2019.



TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ KINH DOANH NĂM 2018

ĐÁNH GIÁ CHUNG VINASEED

Sản xuất cơ bản đáp ứng kịp thời kinh doanh, chất lượng giống đảm bảo

67.476 tấn
(121,5%CK)

Quan hệ hợp tác quốc tế mở rộng cơ hội kinh doanh và hợp tác nghiên cứu.

24 đoàn quốc tế

KINH DOANH

74.227 Tấn giống
(116%CK)

19% Thị phần
(103,2%CK)

1.605 Tỷ doanh thu
(106,2%CK)

252,7 Tỷ lợi nhuận
(107,7%CK)

TỔNG ĐẦU TƯ

233,5 Tỷ

Phát hành tăng vốn điều lệ từ 152,95 tỷ lên:

175,87 Tỷ

Phát hành trái phiếu

107 Tỷ

R&D

48 giống khảo nghiệm mới

20 giống phát triển sản phẩm

05 giống công nhận mới

ĐÀO TẠO
629 lượt

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Kết quả hoạt động kinh doanh công ty mẹ năm 2018:

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2018	CK 2017	TH/CK
DOANH THU	Trđ	981.488	944.733	104%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Trđ	200.214	189.821	105%
ROS (LN/DT)	Trđ	20,4%	20,0%	102%
EBIT	Trđ	218.948	206.177	106%
EBITDA	Trđ	233.769	223.072	105%

Các chỉ số khả năng thanh toán công ty mẹ năm 2018:

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2018	CK 2017
KHẢ NĂNG THANH TOÁN TIỀN MẶT (TIỀN, TĐT/ NỢ NGẮN HẠN)	LẦN	0,41	0,31
KHẢ NĂNG THANH TOÁN HIỆN HÀNH (TÀI SẢN NGẮN HẠN/NỢ GẮN HẠN)	LẦN	1,76	1,50
KHẢ NĂNG THANH TOÁN NHANH (TS NGẮN HẠN - H TỒN KHO)/NỢ NGẮN HẠN	LẦN	1,01	0,93
KHẢ NĂNG THANH TOÁN TỨC THỜI (TIỀN, TĐT + ĐT TÀI CHÍNH NGẮN HẠN)/NỢ NGẮN HẠN	LẦN	0,42	0,31

TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ KINH DOANH NĂM 2018 (tt)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2018:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2018	TH 2018	CK 2017	TH/KH	TH/CK
DOANH THU	Trđ	1.625.000	1.605.380	1.512.602	99%	106%
LỢI NHUẬN GỘP	Trđ		573.000	560.718		102%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Trđ		276.816	255.595		108%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Trđ	256.000	252.702	234.615	99%	108%
ROS (LN/DT)	%	15,7%	15,7%	15,5%	100%	101%
EBIT	Trđ		288.981	263.246		110%
EBITDA	Trđ		322.602	295.810		109%
ROA	%		16,2%	15,0%		108%
ROE	%		24,0%	22,2%		108%
EPS	Đ/CP		13.588	10.659		127%
CỔ TỨC	%	20%	30% (dk)	30%	-	-
• CỔ TỨC TIỀN MẶT	%		30%	15%	-	-
• CỔ TỨC BẰNG CP	%			15%	-	-

Tốc độ tăng trưởng công ty hợp nhất:

CHỈ TIÊU	2018/2017
DOANH THU	106%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	108%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	108%
EBIT	110%
EBITDA	109%
ROA	108%
ROE	108%
EPS	127%

Hiệu quả quản lý tài sản công ty hợp nhất:

CHỈ TIÊU	ĐVT	2018	2017	2018/2017
TỔNG TÀI SẢN	Trđ	1.561.198	1.561.421	100%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	Trđ	1.052.594	1.059.271	99%
VÒNG QUAY HÀNG TỒN KHO (GV/HTK)	Vòng	2,92	3,00	97%
VÒNG QUAY KHOẢN PHẢI THU (DT/KPT)	Vòng	6,76	4,24	159%
VÒNG QUAY TÀI SẢN (DT/TTS)	Vòng	1,03	0,97	106%

TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ KINH DOANH NĂM 2018 (tt)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Cấu trúc vốn công ty hợp nhất:

CHỈ TIÊU	ĐVT	2018	2017	2018/2017
TỔNG NGUỒN VỐN	Trđ	1.561.198	1.561.421	100%
HỆ SỐ NỢ (NỢ PHẢI TRẢ/(VỐN CSH))	%	48,3%	47,4%	102%
HỆ SỐ ĐÒN BẢY (TTS/VỐN CSH)	%	148,3%	147,4%	101%

Các chỉ số khả năng thanh toán hợp nhất năm 2018:

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2018	CK 2017
KHẢ NĂNG THANH TOÁN TIỀN MẶT (TIỀN, TĐT/ NỢ NGẮN HẠN)	Lần	0,72	0,41
KHẢ NĂNG THANH TOÁN HIỆN HÀNH (TÀI SẢN NGẮN HẠN/NỢ GẮN HẠN)	Lần	2,20	1,89
KHẢ NĂNG THANH TOÁN NHANH (TS NGẮN HẠN - H TỒN KHO)/NỢ NGẮN HẠN)	Lần	1,32	1,20
KHẢ NĂNG THANH TOÁN TỨC THỜI (TIỀN, TĐT + ĐT TÀI CHÍNH NGẮN HẠN)/NỢ NGẮN HẠN)	Lần	0,72	0,41



BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

TỔ CHỨC CÁC PHIÊN HỌP HĐQT NĂM 2018

NĂM 2018, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ TỔ CHỨC 04 PHIÊN HỌP HĐQT TRỰC TIẾP, 04 LẦN LẤY Ý KIẾN VĂN BẢN, BAN HÀNH 08 NGHỊ QUYẾT, BIÊN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HĐQT. CÁC PHIÊN HỌP ĐỀU CÓ SỰ THAM DỰ HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

Thông tin về các phiên họp HĐQT năm 2018:

TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	Ngày bắt đầu/ không còn là TVHĐQT	Số buổi dự họp	Tỷ lệ
1	Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	19/3/2012	4/4	100%
2	Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT	19/3/2012	4/4	100%
3	Bà Nguyễn Thị Trà My	Ủy viên HĐQT	21/3/2013	4/4	100%
4	Ông Nguyễn Khắc Hải	Ủy viên HĐQT	19/3/2012	4/4	100%
5	Ông Trần Đình Long	Ủy viên HĐQT	19/3/2012	4/4	100%
6	Ông Đỗ Bá Vọng	Ủy viên HĐQT Phó Tổng giám đốc	19/3/2012	4/4	100%
7	Ông Nguyễn Quang Trường	Ủy viên HĐQT Phó Tổng giám đốc	18/4/2017	4/4	100%

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành năm 2018:

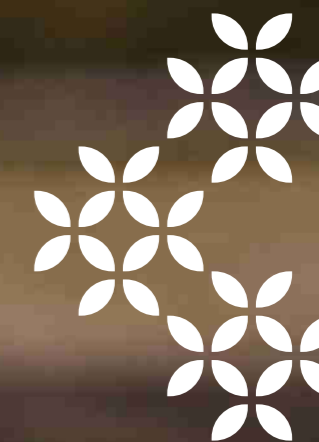
Văn bản	Ngày	Nội dung
35/BC-CTG	11/01/2018	Báo cáo quản trị công ty niêm yết năm 2017
11/NQ-CTG- HĐQT	12/01/2018	Thông qua báo cáo hoạt động SXKD, đầu tư, XDCB năm 2017, kế hoạch 2018. Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ TN 2018. Thông qua Phương án đổi tên công ty theo mô hình tập đoàn và bộ nhận diện thương hiệu mới trình ĐHĐCĐ TN 2018. Giải thể chi nhánh Hà Nội và sáp nhập hoạt động Chi nhánh vào kinh doanh văn phòng công ty. Thông qua chủ trương đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu lên 100% tại công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC), công ty CP Giống cây trồng TW Quảng Nam, đầu tư tăng cường cơ sở vật chất. Thông qua các nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty phù hợp Luật DN 2014 và các văn bản pháp luật có liên quan.
19/NQ-CTG- HĐQT	09/3/2018	Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018
20/NQ-CTG- HĐQT	19/3/2018	Thông qua Phương án chào mua công khai cổ phiếu công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC)
245/UQ-CTG	28/03/2018	Ủy quyền người thực hiện CBTT: Ông Nguyễn Quang Trường - ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc thay ông Phạm Ngọc Lý.
22/NQ-CTG- HĐQT	20/04/2018	Thông qua Phương án phát hành riêng lẻ Trái phiếu CTCP Giống cây trồng TW.
30/NQ-CTG- HĐQT	21/6/2018	Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và nông sản tại ĐBSCL.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018 (tt)

TỔ CHỨC CÁC PHIÊN HỌP HĐQT NĂM 2018

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành năm 2018:

36/NQ-CTG- HĐQT	19/7/2018	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, đầu tư XDCB Quý II và 6TĐN2018, kế hoạch 6TCN 2018. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ và niêm yết bổ sung vốn tại Sở GDCK TP HCM (trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu theo NQ 25/NQ-CTG-ĐHĐCĐTN2018).
36/BC-CTG	19/7/2018	Báo cáo quản trị công ty niêm yết 6 tháng đầu năm 2018
41/NQ- VINASEED- HĐQT	27/9/2018	Thông qua và ủy quyền cho Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện ngay các nội dung công việc phục vụ cho Dự án Đồng Tháp (ký hợp đồng thuê đặc bản đồ 1/500, thực hiện thủ tục ký quỹ theo giấy chứng nhận đầu tư, ký hợp đồng lập báo cáo khả thi, thiết kế, lập dự toán xây lắp và đầu tư hạ tầng, hợp đồng khảo sát địa hình, địa chất, hợp đồng san lấp mặt bằng, hợp đồng thuê đơn vị lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường, hồ sơ thiết kế và thẩm định PCCC) trước khi trình phê duyệt Dự án nghiên cứu khả thi và phê duyệt Tổng dự toán.
46/NQ- VINASEED- HĐQT	18/10/2018	Thông qua chủ trương cho SSC cùng tham gia góp vốn đầu tư Dự án Đồng Tháp.



HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG NĂM 2018



Tiểu ban Quản trị và Nhân sự, pháp chế:

Tham gia, hỗ trợ công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

Tư vấn pháp lý hoạt động đầu tư, công bố thông tin, quản trị rủi ro.

Tham gia sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty phù hợp những thay đổi của Pháp luật (luật Doanh nghiệp 2014) và yêu cầu hoạt động thực tế của Công ty.

Tham gia xây dựng Phương án thưởng hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2017 của ĐHCĐ.

Tiểu ban Đầu tư:

Tham gia xây dựng Phương án phát hành trái phiếu NSC, phương án phát hành tăng vốn Điều lệ, Phương án đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC).

Tham gia xây dựng, hỗ trợ triển khai và giám sát quá trình đầu tư, xây dựng cơ bản. Đặc biệt phê duyệt và tham gia triển khai Dự án Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản tại cụm công nghiệp Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, quy mô 5 ha, công suất chế biến hạt giống 30.000 tấn và công suất chế biến nông sản giai đoạn 1 từ 50.000 - 60.000 tấn/năm.

Tiểu ban Khoa học kỹ thuật:

Tư vấn đầu tư và quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực phục vụ nghiên cứu và phát triển. Tư vấn xác định giá trị bản quyền nghiên cứu khoa học trong quá trình chuyển giao, thuê chuyên gia hợp tác.

Tư vấn thành lập và tổ chức hoạt động trung tâm nghiên cứu và phát triển Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam trên cơ sở hợp nhất và tổ chức lại hoạt động trung tâm nghiên cứu của các đơn vị thành viên.

Hỗ trợ thông tin về các tiến bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp trong nước và quốc tế, tư vấn định hướng công tác nghiên cứu của Công ty.

Tìm kiếm, giới thiệu các đối tác phục vụ cho nghiên cứu và phát triển của công ty.

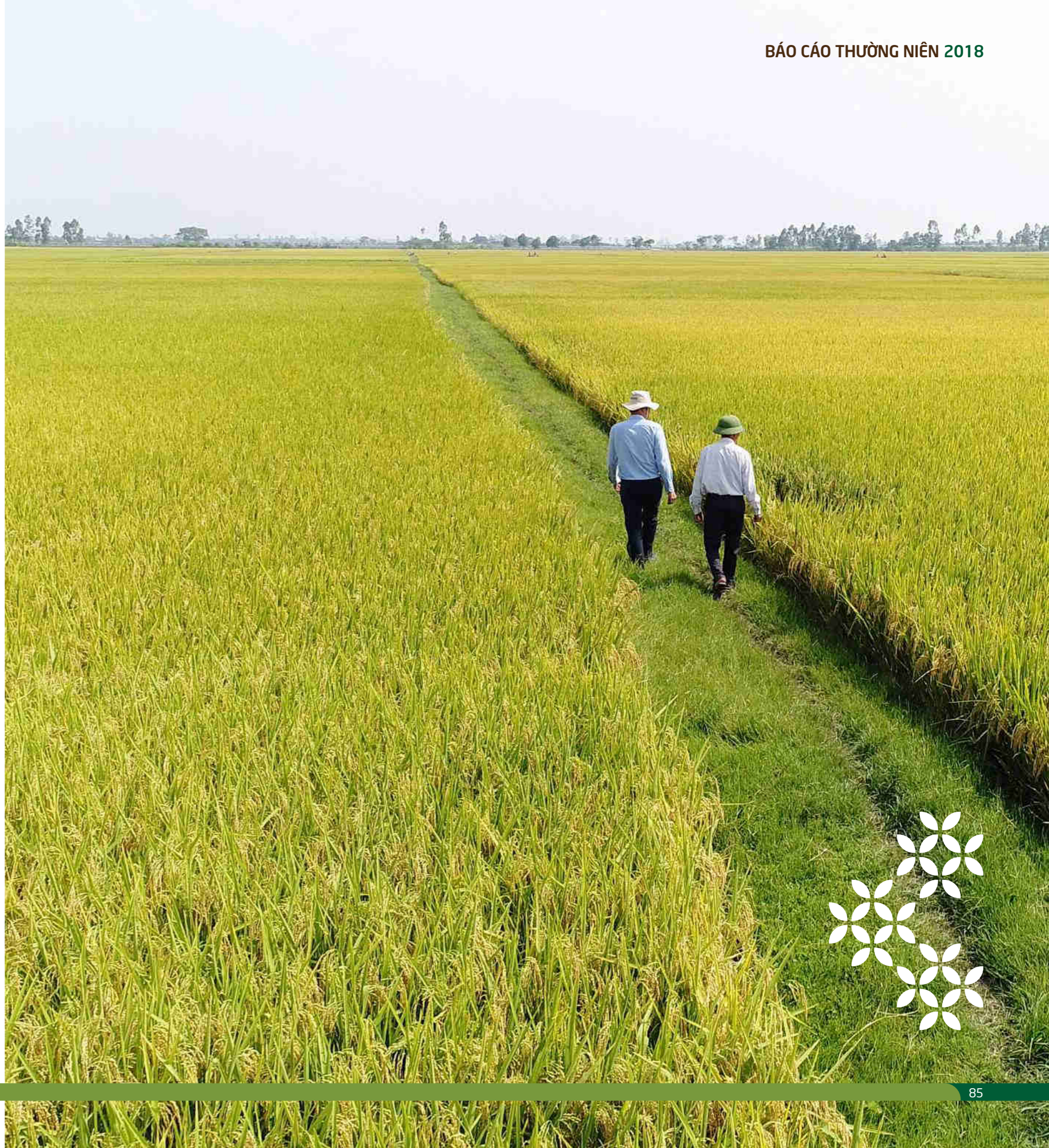
Tham gia thẩm định, đánh giá kết quả nghiên cứu KHKT.

ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ CÔNG TY

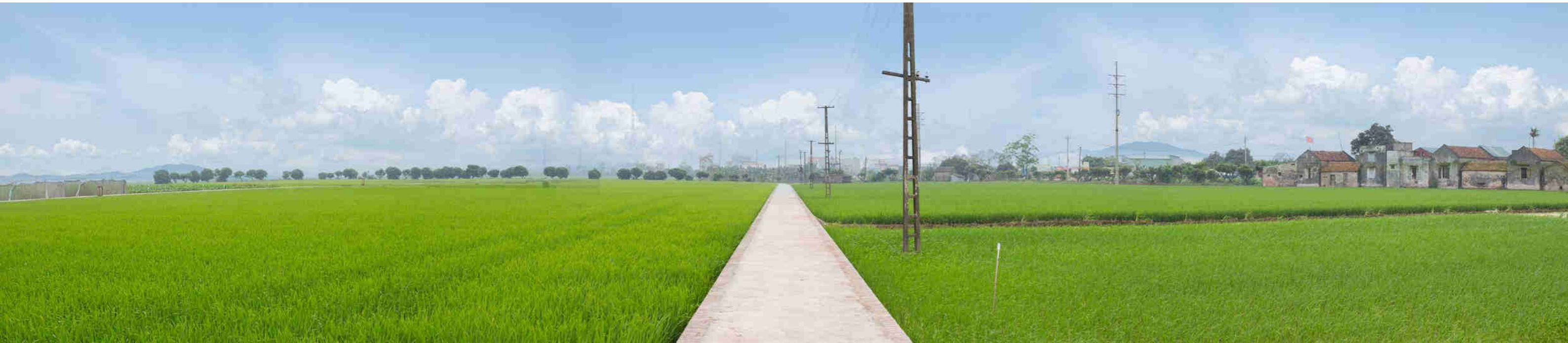
HIỆN TẠI CÔNG TY CÓ 03
CHỨC CHỈ QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT:

TT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Khắc Hải	Ủy viên HĐQT
2	Ông Nguyễn Quang Trường	Ủy viên HĐQT, Phó TGD, người CBTT
3	Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng giám đốc, Thư ký HĐQT

Ngoài ra, công ty tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, phổ biến các quy định mới trong lĩnh vực quản trị công ty và công bố thông tin do Sở GDCK TP HCM và Sở GDCK TP Hà Nội tổ chức.



HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO, GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH



Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc thực hiện căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ công ty, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết HĐQT trong năm 2018.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và tiến hành các hoạt động giám sát thường xuyên, định kỳ hàng Quý đối với Bộ máy điều hành đảm bảo hoạt động của Công ty đúng định hướng phát triển, tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty:

- Chỉ đạo, giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các nghị quyết HĐQT.
- Chỉ đạo và giám sát hoạt động đầu tư dự án, đôn đốc Ban Tổng giám đốc thực hiện kế hoạch kinh doanh, đầu tư và xây dựng cơ bản.
- Chỉ đạo thực hiện nghiêm chế độ BCTC, báo cáo quản trị định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBCKNN và Sở GDCK TP.HCM đảm bảo thông tin minh bạch và công bằng giữa các cổ đông, tôn trọng lợi ích của các bên có liên quan. Các Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và các thông tin liên quan được công bố công khai, kịp thời trên phần mềm hệ thống IDS, gửi UBCKNN, Sở GDCK TP.HCM, đăng tải trên website công ty theo đúng quy định công bố thông tin của UBCK và Quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM.

Qua chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, HĐQT công ty đánh giá hoạt động của Ban điều hành trong năm 2018 đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong sự tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ và các quy chế hoạt động của Công ty:

1. Ban Tổng giám đốc đã thực thi nhiệm vụ đúng chức năng, thẩm quyền phân cấp quản trị, thực hiện đầy đủ các Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ.
2. Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty hoàn thành tốt mục tiêu năm 2018. Hoạt động đúng định hướng chỉ đạo của HĐQT.
3. Các hoạt động đầu tư, XD/CB thực hiện đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và quy định pháp luật. Dự án

triển khai đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

4. Quản lý tài chính tốt, cân đối nguồn vốn phục vụ đầu tư, sản xuất kinh doanh, không có nợ xấu. Báo cáo tài chính năm 2017, Quý I/2018, bán niên, 9 tháng năm 2018 và báo cáo tài chính năm 2018 được lập đúng tiến độ, phản ánh đầy đủ, chính xác theo các chuẩn mực kế toán.
5. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.
6. Kỷ cương công ty được duy trì và không ngừng nâng cao.
7. Chấp hành nghiêm các quy định công bố thông tin, cung cấp đầy đủ chính xác thông tin cho HĐQT.

HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO, GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH (tt)

Số liệu thù lao HĐQT, BKS năm 2018 tính đến 31/12/2018:

HĐQT/BKS	CHỨC DANH	KẾ HOẠCH	ĐÃ CHI
THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		1.200.000.000	1.200.000.000
Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT	171.428.580	171.428.580
Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT	171.428.570	171.428.570
Nguyễn Thị Trà My	Ủy viên HĐQT	171.428.570	171.428.570
Nguyễn Khắc Hải	Ủy viên HĐQT	171.428.570	171.428.570
Trần Đình Long	Ủy viên HĐQT	171.428.570	171.428.570
Đỗ Bá Vọng	Ủy viên HĐQT	171.428.570	171.428.570
Nguyễn Quang Trường	Ủy viên HĐQT	171.428.570	171.428.570
THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT		250.000.000	250.000.000
Nguyễn Khánh Quỳnh	Trưởng ban Kiểm soát	83.333.333	83.333.333
Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên BKS	83.333.333	83.333.333
Vũ Thị Lan Anh	Thành viên BKS từ 19/4/2018	57.870.370	57.870.370
Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên BKS đến 19/4/2018	25.462.964	25.462.964



BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH



Thuận lợi:

Kinh tế vĩ mô ổn định, Chính phủ ban hành nhiều chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp.

Thời tiết vụ Đông Xuân 2018 tương đối thuận lợi, lúa được mùa.

Khó khăn:

Cơ cấu cây trồng khu vực Bắc và Bắc Trung bộ thay đổi, quy mô diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp (diện tích lúa giảm 200 nghìn ha so với 2017), nhiều vùng nông dân bỏ sản xuất vụ Đông ảnh hưởng đến kinh doanh ngô và rau màu.

Thời vụ Đông Xuân muộn, vụ kinh doanh kéo dài đến Quý I-2019.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Kết quả hoạt động kinh doanh công ty mẹ năm 2018:

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2018	CK 2017	TH/CK
DOANH THU	Trđ	981.488	944.733	104%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Trđ	200.214	189.821	105%
ROS (LN/DT)	Trđ	20,4%	20,0%	102%
EBIT	Trđ	218.948	206.177	106%
EBITDA	Trđ	233.769	223.072	105%

Các chỉ số khả năng thanh toán công ty mẹ năm 2018:

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2018	CK 2017
KHẢ NĂNG THANH TOÁN TIỀN MẶT (TIỀN, TĐT/ NỢ NGẮN HẠN)	LẦN	0,41	0,31
KHẢ NĂNG THANH TOÁN HIỆN HÀNH (TÀI SẢN NGẮN HẠN/NỢ NGẮN HẠN)	LẦN	1,76	1,50
KHẢ NĂNG THANH TOÁN NHANH (TS NGẮN HẠN - H TỒN KHO)/NỢ NGẮN HẠN	LẦN	1,01	0,93
KHẢ NĂNG THANH TOÁN TỨC THỜI (TIỀN, TĐT + ĐT TÀI CHÍNH NGẮN HẠN)/NỢ NGẮN HẠN	LẦN	0,42	0,31

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH (tt)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2018:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2018	TH 2018	CK 2017	TH/KH	TH/CK
DOANH THU	Trđ	1.625.000	1.605.380	1.512.602	99%	106%
LỢI NHUẬN GỘP	Trđ		573.000	560.718		102%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Trđ		276.816	255.595		108%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Trđ	256.000	252.702	234.615	99%	108%
ROS (LN/DT)	%	15,7%	15,7%	15,5%	100%	101%
EBIT	Trđ		288.981	263.246		110%
EBITDA	Trđ		322.602	295.810		109%
ROA	%		16,2%	15,0%		108%
ROE	%		24,0%	22,2%		108%
EPS	Đ/CP		13.588	10.659		127%
CỔ TỨC	%	20%	30% (dk)	30%	-	-
☛ CỔ TỨC TIỀN MẶT	%		30%	15%	-	-
☛ CỔ TỨC BẰNG CP	%			15%	-	-

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Năm 2018, sản xuất cơ bản đã đáp ứng đầy đủ cho kinh doanh.

VINASEED GROUP	ĐVT	TH	CK	TH/CK
QUY MÔ	Ha	21.202	18.971	111,8%
SẢN LƯỢNG	Tấn	67.476	55.548	121,5%
☛ Tr.đó: Hạt lai	Tấn	6.331	4.286	147,7%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ 2018

Giống triển vọng đang khảo nghiệm: 48 giống.

Trong đó:

Lúa thuần: 19 giống (VS18, VS20, VS22, VNR1 đến VNR9,...).

Lúa lai: 2 giống (TNR476, TNR622)

Giống ngô: 7 giống (2 giống ngô nếp, 3 ngô ngọt, 2 ngô tẻ)

Giống triển vọng cho PTSP: 20 giống

Lúa: 10 giống. (Lúa thuần: VNR10, VNR18, VNR20, Đài thơm 10, MN17-34; MN17-14, MN 18-1,...).

Ngô: 3 giống (MX10 New, SSC577 New, SSC131 New)

Rau đậu: 7 giống (Dưa lưới: 02 giống, Khổ qua BG 31, dưa hấu rồng đỏ 118, Lucky 01, Bí đỏ Pum 664, bầu sao New Star 99).

Công nhận giống mới:

Kim Cương 111 (MT và TN), Dự Hương, J01, công nhận sx thử VNR10, HN92.

Năm 2018, NSC và SSC đảm bảo được tỷ lệ cơ cấu sản phẩm bản quyền trên 80%. Do đó được hưởng chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp Khoa học công nghệ (Nghị định 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 của Chính phủ về doanh nghiệp KHCN). Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm:

☛ **NSC: 32,11 tỷ đồng.**

☛ **SSC: 9,05 tỷ đồng.**

Tổng cộng thuế được miễn giảm năm 2018: 41,16 tỷ đồng.

Toàn bộ số thuế miễn giảm được bổ sung vào Quỹ đầu tư và phát triển công ty để tái đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KHCN và đầu tư cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu và sản xuất kinh doanh của Công ty.

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH (tt)



THÀNH LẬP TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TẬP ĐOÀN

Để thống nhất về định hướng mục tiêu và quản lý hoạt động nghiên cứu, phát huy thế mạnh về nguồn gen, cơ sở vật chất và đội ngũ thực hiện định hướng chiến lược thành lập Viện nghiên cứu trong tương lai. Ngày 14/01/2019, HĐQT thông qua Nghị quyết số 12/NQ-VINASEED-HĐQT thành lập Trung tâm nghiên cứu và phát triển Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam (VRDC) trên cơ sở hợp nhất và tổ chức lại hoạt động trung tâm nghiên cứu của các đơn vị thành viên.

Trung tâm là đơn vị trực thuộc Tập đoàn Vinaseed Group, có chức năng nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực giống cây trồng phục vụ cho sự phát triển của Tập đoàn. Trung tâm quản lý, sử dụng toàn bộ đất đai, cơ sở vật chất và nguồn nhân lực phục vụ nghiên cứu; nguồn vật liệu, các kết quả nghiên cứu, ứng dụng của Tập đoàn.

HỢP TÁC QUỐC TẾ NĂM 2018

Trong năm 2018, đã đón tiếp 24 đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc tại Công ty.

Hợp tác với tập đoàn Sojitz xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo theo quy trình Nhật bản. Bước đầu đã đưa sản phẩm Dự án (VJ Peal rice và VJ Crystal rice) vào tiêu thụ.

Hợp tác với tập đoàn Nagoya: khảo nghiệm trình diễn các giống Japonica CLC, ký hợp đồng MOU hợp tác phát triển giống lúa CLC và hợp tác xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo Japonica phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.

Triển khai hệ thống phần mềm Smart Farm với Cropin và Buhler.

Hợp tác nghiên cứu với Viện nghiên cứu lúa IRRI, các đối tác nước ngoài nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm giống mới. Đã chọn được 4 giống lúa thuần, 01 giống lúa lai, 01 giống ngô nếp lai, 01 giống ngô đường, và trên 20 dòng lúa lai triển vọng.

Hợp tác với tập đoàn Bayer thử nghiệm xử lý hạt giống kích kháng đạo ôn.

Hợp tác với tập đoàn Taki, Hagihara, Nantoseed, Lionseed khảo nghiệm các giống dưa mới và đã xác định được 4 giống dưa triển vọng.

Hợp tác với công ty Maruwa Bio ứng dụng công nghệ màng phủ mới trong sản xuất NNCNC.

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH (tt)

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



Tái cấu trúc về tổ chức, nhân sự, hệ thống quy chế và thị trường toàn công ty:

- Kiện toàn tổ chức, nhân sự tại các đơn vị thành viên trong toàn công ty (Khối sản xuất, phòng kinh doanh, CN Hà Nam, CN KD nông sản, thành lập trung tâm nghiên cứu và phát triển Tập đoàn.
- Bổ sung, sửa đổi hệ thống quy chế: Điều lệ công ty, quy chế quản lý Hành chính, quy chế kinh doanh, quy chế lương thưởng và chế độ đối với người lao động.
- Phân chia lại thị trường kinh doanh cho hợp lý, phù hợp với điều kiện và năng lực của các đơn vị.
- Tin học hóa công tác văn phòng: thực hiện quản lý đội ngũ kinh doanh bằng phần mềm DMS, vận hành phần mềm nhân sự Online, triển khai cấu trúc truyền hình họp trực tuyến, phần mềm văn phòng điện tử Eoffice, phần mềm truy suất nguồn gốc,...

Tổ chức 48 khóa đào tạo với tổng số 733 lượt đào tạo.

Tổ chức thành công lễ ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới và kỷ niệm 50 năm ngày thành lập công ty. Thực hiện thủ tục đổi tên công ty, triển khai bộ nhận diện thương hiệu mới của Vinaseed.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG HÀ TÂY (HSC)

Thông tin doanh nghiệp:

Tên giao dịch: Công ty cổ phần Giống cây trồng Hà Tây

Tên tiếng Anh: Ha Tay Seed Joint Stock Company

Giấy chứng nhận ĐKKD: 0500437239 do sở KHĐT TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/04/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 18/01/2017.

Địa chỉ: Số 02, Ba La, Phú Lãm, Hà Đông, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 024. 33530655 / Fax: 024. 33535421.

NSC sở hữu: 53,80% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Quá trình hình thành và phát triển:

Năm 1996: Công ty Giống cây trồng Hà Tây thành lập trên cơ sở hợp nhất trại giống cây trồng và trại đầu tằm tơ Phù Lưu Tế (Quyết định 997/QĐ/UB ngày 17/12/1996 của UBND tỉnh Hà Tây).

Năm 2003: Công ty cổ phần hóa theo Quyết định 272/QĐ-UB ngày 11/3/2003 UBND tỉnh Hà Tây thành công ty cổ phần Giống cây trồng Hà Tây.

Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng, nông sản, thức ăn chăn nuôi và vật tư nông nghiệp.

Kinh doanh máy móc, thiết bị dịch vụ thương mại tổng hợp.

Lữ hành nội địa, du lịch sinh thái và các dịch vụ du lịch khác.

Dịch vụ kho vận.

Đơn vị thành viên:

Trại giống cây trồng Phù Lưu Tế.

Địa chỉ: Xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Trại giống cây trồng Phương Bảng.

Địa chỉ: xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Tình hình tài chính năm 2018 HSC:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH2018	TH2018	CK2017	TH/KH (%)	TH/CK (%)
Doanh thu	Tr đ	29.000	29.637	28.467	102%	104%
Lợi nhuận gộp	Tr đ	11.000	11.047	10.184	100%	109%
Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	4.200	4.235	4.003	101%	106%
Lợi nhuận sau thuế	Tr đ	3.360	3.388	3.232	101%	105%
Tổng tài sản	Tr đ		21.006	16.158		130%
Vốn chủ sở hữu	Tr đ		14.851	13.745		108%
Vốn điều lệ	Tr đ	5.689	5.689	5.689	100%	100%

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH (tt)

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW QUẢNG NAM (QSC)

Thông tin doanh nghiệp

Tên giao dịch: Công ty cổ phần Giống cây trồng TW Quảng Nam (QSC)

Tên tiếng Anh: Quang Nam National Seed Joint Stock Company.

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4000107543 do sở KHĐT tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20/3/2019.

Địa chỉ: Km943 QL1A, Thôn Bồ Mung 1, Điện Thắng Bắc, TX. Điện Bàn, Quảng Nam.

Điện thoại: (0235) 3869455 Fax: (0235) 3869253

NSC sở hữu: 90,02% cổ phần có quyền biểu quyết.

Quá trình hình thành và phát triển:

Năm 2002: Công ty giống NLN Quảng Nam thành lập theo Quyết định 479/2002/QĐ-UB ngày 21/02/2002 của UBND tỉnh Quảng Nam trên cơ sở đổi tên từ Nông trường Chiên Đàn và tiếp nhận Trại

thực nghiệm giống NN BìnhTrung và tiếp nhận Trại giống cây trồng TW Miền Trung.

Năm 2005: Công ty cổ phần hóa theo Quyết định 3595/QĐ-UB ngày 26/9/2005 của UBND tỉnh Quảng Nam đổi tên thành công ty CP giống NLN Quảng Nam.

Năm 2016: Công ty đổi tên thành công ty CP giống cây trồng TW Quảng Nam theo Quyết định: 3676/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Ngành nghề kinh doanh:

Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh giống cây trồng nông lâm nghiệp.

Mua bán vật tư nông nghiệp.

Chế biến nông sản.

Các đơn vị thành viên:

Xí nghiệp Giống Nông lâm nghiệp Chiên Đàn.

Địa chỉ: xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, Quảng Nam.

Xí nghiệp Giống Nông nghiệp Bình Trung.

Địa chỉ: Xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, Quảng Nam.

Tình hình tài chính năm 2018 QSC:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH2018	TH2018	CK2017	TH/KH (%)	TH/CK (%)
Lượng hàng bán	Tấn	5.063	4.420	4.373	87%	101%
Doanh thu	Tr đ	95.293	87.381	83.295	92%	105%
Lợi nhuận gộp	Tr đ	26.756	25.002	21.739	94%	115%
L.nhuận trước thuế	Tr đ	12.000	12.571	11.207	105%	112%
L.nhuận sau thuế	Tr đ	9.600	10.008	8.921	104%	112%
Tổng tài sản	Tr đ		49.782	38.760		128%
Vốn chủ sở hữu	Tr đ		32.838	24.025		137%
Vốn điều lệ	Tr đ		5.000	5.000		100%



CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM (SSC)

Thông tin chung

Tên giao dịch: Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam

Tên tiếng anh : Southern Seed Coporation (SSC)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302634683, cấp lần đầu ngày 24/06/2002, thay đổi lần 8, ngày 09/01/2017.

Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38442414- Fax: 028.38442387

Website: <http://www.ssc.com.vn>

NSC sở hữu: 94,66% cổ phần có quyền biểu quyết.

Ngành nghề kinh doanh chính:

Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất kinh doanh và XNK giống cây trồng.

Sản xuất, kinh doanh các loại nông sản và vật tư nông nghiệp.

Các đơn vị thành viên:

Chi nhánh Trà Vinh

Chi nhánh Trại giống cây trồng Cờ Đỏ (Cần Thơ)

Trạm giống cây trồng Cai Lậy (Tiền Giang)

Trạm giống cây trồng Củ Chi (TP.HCM)

Trại giống cây trồng Tân Hiệp (Bình Dương)

Trại giống cây trồng Lâm Hà (Lâm Đồng)

Chi nhánh miền Trung (Quảng Nam)

Chi nhánh Campuchia

Văn phòng đại diện Lào.

Các công ty con của SSC:

Công ty cổ phần Giống cây trồng Nam An

Địa chỉ: Xã Diễn Thịnh, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An.

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản,

Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng, SSC sở hữu 70% vốn điều lệ.

Công ty cổ phần Cơ khí giống cây trồng miền Nam

Địa chỉ trụ sở chính: 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng. SSC sở hữu 83,74% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp.
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- Xây dựng công nghiệp, xây dựng dân dụng.

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH (tt)

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

Tình hình tài chính năm 2018 SSC:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH2018	TH2018	CK2017	TH/KH (%)	TH/CK (%)
Lượng hàng bán	Tấn	37.372	33.608	26.740	90%	126%
Doanh thu	Tr đ	612.940	608.631	550.546	99%	111%
Lợi nhuận gộp	Tr đ		186.281	158.906		117%
L.nhuận trước thuế	Tr đ	86.207	101.516	74.122	118%	137%
L.nhuận sau thuế	Tr đ	73.420	92.482	64.681	126%	143%
Tổng tài sản	Tr đ		476.704	404.340		118%
Vốn chủ sở hữu	Tr đ		346.724	299.003		116%
Vốn điều lệ	Tr đ		149.924	149.924		100%

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HÀ NAM

Thông tin doanh nghiệp

Tên giao dịch: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HÀ NAM

Tên tiếng Anh: HANAM HIGH TECH AGRICULTURAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT JSC.

Tên viết tắt: HANAM HITECH

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0700778275 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 04/10/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 25/01/2018.

Địa chỉ: Xóm 2, xã Nhân Khang, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Điện thoại: (0226) 365 2888 Fax: (0226) 365 2666

NSC sở hữu: 100% cổ phần có quyền biểu quyết.

Ngành nghề kinh doanh chính:

Sản xuất, kinh doanh và chuyển giao công nghệ sản xuất dưa lưới và rau quả nông sản cao cấp theo mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Tổng lượng hàng bán: 360 tấn, tăng 290% so với cùng kỳ năm 2017 (123 tấn).

Doanh thu: 12,97 tỷ đồng, tăng 280% so với cùng kỳ 2017 (4,6 tỷ đồng).

Phát triển hệ thống kênh phân phối từ Đà Nẵng trở ra với hệ thống các siêu thị lớn như Big C, Lotte, Kmart, Coopmart, Các sản phẩm dưa lưới đạt tiêu chuẩn Global Gap.

Khảo nghiệm giống mới: năm 2018, công ty đã thực hiện nhiệm vụ khảo nghiệm giống mới: 98 giống mới (Dưa lưới: 56, Dưa Hấu: 3, Cà chua: 10, Dưa chuột: 8, Khoai Tây: 15, Ớt: 3, Cà tím: 1 giống, Ngô: 2).





**ĐỊNH HƯỚNG
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
ĐẾN NĂM 2021**



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2021

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Thuận lợi:

Thị trường ngày càng mở rộng do môi trường xã hội thay đổi, trình độ dân trí cao, đời sống được cải thiện dẫn đến thay đổi tập quán tiêu dùng, tỷ lệ sử dụng giống hàng hóa tăng.

Cơ hội hợp tác sản xuất kinh doanh sang các nước trong khu vực ngày càng lớn khi Việt Nam chính thức tham gia các hiệu định thương mại quốc tế.

Chính sách vĩ mô của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn 2016-2020 tập trung vào phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Yêu cầu tái cấu trúc nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá và xuất khẩu theo hướng các sản phẩm chất lượng.

Sự phân hoá và đào thải sát nhập các doanh nghiệp nhỏ lẻ.

Công ty có hệ thống quản trị tiên tiến theo các chuẩn mực quốc tế và luôn được cải tiến trong quá trình hoạt động, nguồn nhân lực trẻ, có tinh thần và thái độ làm việc tốt, tính tuân thủ và tự giác cao, trình độ chuyên môn vững, đặc biệt bộ máy điều hành tập hợp được đội ngũ, năng động, có trình độ và khả năng thích ứng tốt.

Hệ thống kênh phân phối mạnh: bao phủ rộng, đa dạng, nhiều đơn vị thành viên. Thị phần lớn, thương hiệu có uy tín, sản phẩm đa dạng và có khả năng đáp ứng nhanh chóng nhu cầu khách hàng.

Tiềm lực tài chính mạnh.

Khó khăn:

Áp lực cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp nước ngoài (Đây là các đối thủ mạnh về sản phẩm, tài chính và công tác tiếp thị và PT thị trường).

Quá trình đô thị hoá và công nghiệp hoá phân công lại lao động trong nông nghiệp dẫn đến chất lượng lao động trong nông nghiệp suy giảm.

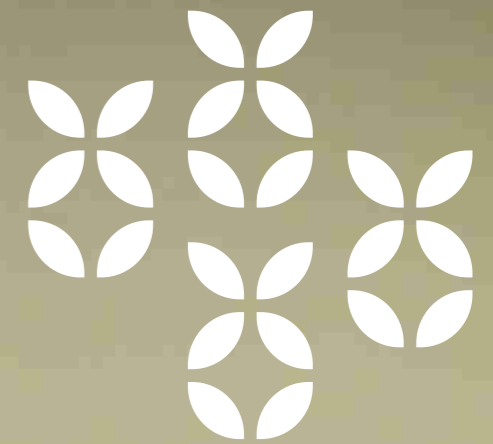
Chính sách trợ giá, trợ cước, chính sách bảo hộ của một số địa phương.

Dự báo sản xuất lúa gạo khó khăn giá nông sản liên tục giảm, giá đầu vào tăng cao → khó khăn trong sản xuất.

Biến đổi khí hậu diễn ra nhanh hơn dự đoán → nghiên cứu chưa theo kịp.

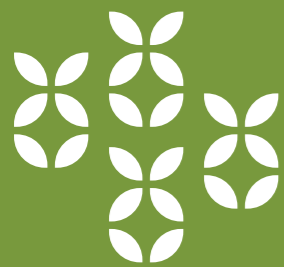
Sự không ổn định về các nhà cung cấp, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất.

Sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ trên thế giới, vòng đời sản phẩm ngày càng ngắn, sự phát triển của dòng sản phẩm GMO.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2021 (tt)

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2021



MỤC TIÊU KINH DOANH
ĐẾN NĂM 2021

2.650 Tỷ
đồng

Doanh thu đến năm 2021

MỤC TIÊU THỊ PHẦN
ĐẾN NĂM 2021

35%

Thị phần giống cây trồng cả nước

Mục tiêu thị phần 2021:

Chi phối thị trường giống cây trồng Việt Nam (mảng cây lương thực và rau), chiếm lĩnh 35% thị phần giống cây trồng cả nước:

- Chi phối thị trường Đồng bằng sông Hồng (43%).
- Chiếm lĩnh thị trường TDMN phía Bắc (32% - 35%).
- Mở rộng thị phần Bắc trung bộ và DH miền Trung (25%), ĐBSCL: 15% - 20%, các vùng thị trường khác 10%.

Thị trường xuất khẩu: Tập trung phát triển thị trường Lào, Campuchia, Myanmar, Nam Trung Quốc như Quảng Tây, Quảng Đông và Vân Nam để mở rộng quy mô trong giai đoạn từ 2019 - 2021.

Định vị sản phẩm mục tiêu:

Nâng tỷ trọng sản phẩm bản quyền, dịch chuyển sang cơ cấu sản phẩm giá trị kinh tế cao nâng cao hiệu quả kinh doanh, giảm áp lực cơ sở hạ tầng. Cụ thể, đến 2021:

Lĩnh vực giống cây trồng: Tập trung phát triển các

dòng sản phẩm năng suất, chất lượng, chống chịu sâu bệnh, thích ứng biến đổi khí hậu (chịu hạn, chịu úng, chịu mặn, ...).

Nông sản: Xây dựng 02 chuỗi giá trị kinh doanh nông sản, tập trung phát triển các dòng sản phẩm thương hiệu, sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tập trung phân khúc nội địa cao cấp và xuất khẩu, góp phần tái cấu trúc ngành nông nghiệp Việt Nam.

Các hoạt động mang tính chiến lược:

Liên tục đổi mới trong quản trị doanh nghiệp, đầu tư xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực có trình độ, có đủ năng lực hội nhập và xây dựng văn hóa doanh nghiệp tạo môi trường gắn kết và cơ hội phát triển.

- Tiếp tục tái cấu trúc công ty, bố trí sắp xếp, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tuyển dụng bổ sung nhân sự đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô Công ty.
- Nâng cấp hệ thống quản trị tiên tiến, minh bạch và đặc biệt chú trọng đến hoàn thiện quy trình làm việc, công tác quản trị rủi ro, áp dụng phần mềm toàn diện trong quản trị.



- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, xây dựng chính sách đãi ngộ tốt cho đội ngũ CBNV đặc biệt đối với đội ngũ chuyên gia, cán bộ nghiên cứu, đội ngũ cán bộ cấp trung và kế cận xây dựng nền tảng phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

Tiếp tục đầu tư để mở rộng quy mô công ty và đổi mới công nghệ nâng cao năng lực cạnh tranh.

Tập trung vào nghiên cứu tạo các dòng sản phẩm có năng suất, chất lượng vượt trội có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và đáp ứng với mục tiêu tái cấu trúc sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển sản xuất và mở rộng quy mô kinh doanh theo chuỗi giá trị, ứng dụng chuyển giao tiến bộ KHCN vào sản xuất, góp phần hình thành vùng sản xuất nông nghiệp chuyên môn hóa, đưa nông dân tham gia vào chuỗi sản xuất, tiên phong ứng dụng nông nghiệp 4.0.



BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT & QUẢN TRỊ RỦI RO

Báo cáo của ban kiểm soát
trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

Báo cáo quản trị rủi ro



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong năm 2018 Ban kiểm soát đã tiến hành họp và kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại Trụ sở chính và các đơn vị, chi nhánh trực thuộc của Công ty.

Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018 như sau:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 6 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải kiểm tra bất thường đối với hoạt động của Công ty.



CÁC PHIÊN HỌP VÀ BIÊN BẢN HỌP BAN KIỂM SOÁT:

TT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là TV BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Nguyễn Khánh Quỳnh	Trưởng BKS	19/3/2012	2/2	100%
2	Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên BKS	19/3/2012	2/2	100%
3	Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên BKS	19/4/2018	0/2	0% (Từ nhiệm từ 19/4/2018)
4	Vũ Thị Lan Anh	Thành viên BKS	19/4/2019	2/2	100%

STT	SỐ BIÊN BẢN	NGÀY	NỘI DUNG
1	BKS-BB-2018-01	17/8/2018	Tổng kết các đợt làm việc định kỳ 6 tháng đầu năm của BKS tại các chi nhánh trực thuộc và tại trụ sở chính để thống nhất nội dung Báo cáo kết quả làm việc của BKS.
2	BKS-BB-2018-02	10/3/2019	Tổng kết các đợt làm việc định kỳ 6 tháng cuối năm của BKS tại các chi nhánh trực thuộc và tại trụ sở chính để thống nhất nội dung Báo cáo BKS trình ĐHCĐ 2019.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018 (tt)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018

Kết quả kinh doanh hợp nhất:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2018	TH 2018	CK 2017	TH/KH	TH/CK
Doanh thu thuần	Trđ	1.625.000	1.605.380	1.512.603	99%	106%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	256.000	252.702	234.615	99%	108%
Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ	Trđ	217.000	238.798	210.797	110%	113%

Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành ở mức 99% Kế hoạch ĐHCĐ 2018 ở chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất, và vượt 10% Kế hoạch ở chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ.

So với năm 2017, Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông công ty mẹ tăng trưởng 13,3%, cao hơn mức tăng trưởng doanh thu (tăng 6%) và lợi nhuận sau thuế hợp nhất (tăng 8%).



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2018

Trong năm, Công ty đã đầu tư 189,67 tỷ đồng cho hoạt động M&A để tăng tỷ lệ sở hữu tại hai công ty con (SSC và Ha Nam Hitech) và 43,83 tỷ đồng xây dựng cơ bản để cải tạo, nâng cấp hệ thống kho bảo quản, thiết bị sản xuất ở các chi nhánh trực thuộc, các công ty thành viên và triển khai dự án Đồng Tháp.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan:

- Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập là công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Số liệu kế toán được công bố không có sự thay đổi trọng yếu khi so sánh số liệu không kiểm toán hàng quý và số liệu đã soát xét, kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Công ty chấp hành đầy đủ các quy định về việc công bố thông tin, kiểm toán và thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính theo đúng quy định của Luật chứng khoán và các văn bản dưới luật áp dụng đối với công ty niêm yết.

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

Năm 2018, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp, cộng tác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban trong Công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin về các vấn đề cần xem xét, kiểm tra.

Các tài liệu hợp và các Nghị quyết của HĐQT được cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ban Kiểm soát theo đúng quy định.

Ban Kiểm soát đã có đóng ý kiến góp ý đối với công tác quản trị doanh nghiệp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, từ đó góp phần cùng Ban Điều hành giải quyết các vấn đề rủi ro có thể phát sinh.

Công tác quản trị, công bố thông tin, và trao đổi thông tin giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã được thực hiện đầy đủ theo điều lệ Công ty và các Quy định của UBCK Nhà nước đối với Công ty niêm yết.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018 (tt)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG TY TẠI CÁC ĐƠN VỊ

Các đơn vị, chi nhánh, và văn phòng Công ty cơ bản đã thực hiện nghiêm túc và tuân thủ các quy chế, quy trình Công ty ban hành về sản xuất, chế biến, bán hàng, vận chuyển và các hoạt động khác.

So với các năm trước, tỷ trọng các giao dịch bằng tiền mặt đã giảm dần, tuy nhiên số dư tiền mặt tại quỹ duy trì khá cao ở một số đơn vị, đặc biệt là những thời điểm cuối năm tài chính và mùa vụ sản xuất.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trong năm 2018, HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định luật Doanh nghiệp, Nghị quyết ĐHĐCĐ và quy chế công ty.

Ban điều hành đã xem xét nghiêm túc các kiến nghị của Ban kiểm soát trong các kỳ trước và đã thực hiện các biện pháp nhằm hoàn thiện các quy trình sản xuất kinh doanh, như cập nhật lại các định mức hao hụt trong sản xuất và chế biến bảo quản, có chính sách khuyến khích khách hàng thanh toán qua chuyển khoản để giảm thiểu giao dịch tiền mặt, tăng cường kiểm kê hàng tồn kho cuối vụ.

Trân trọng!

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban



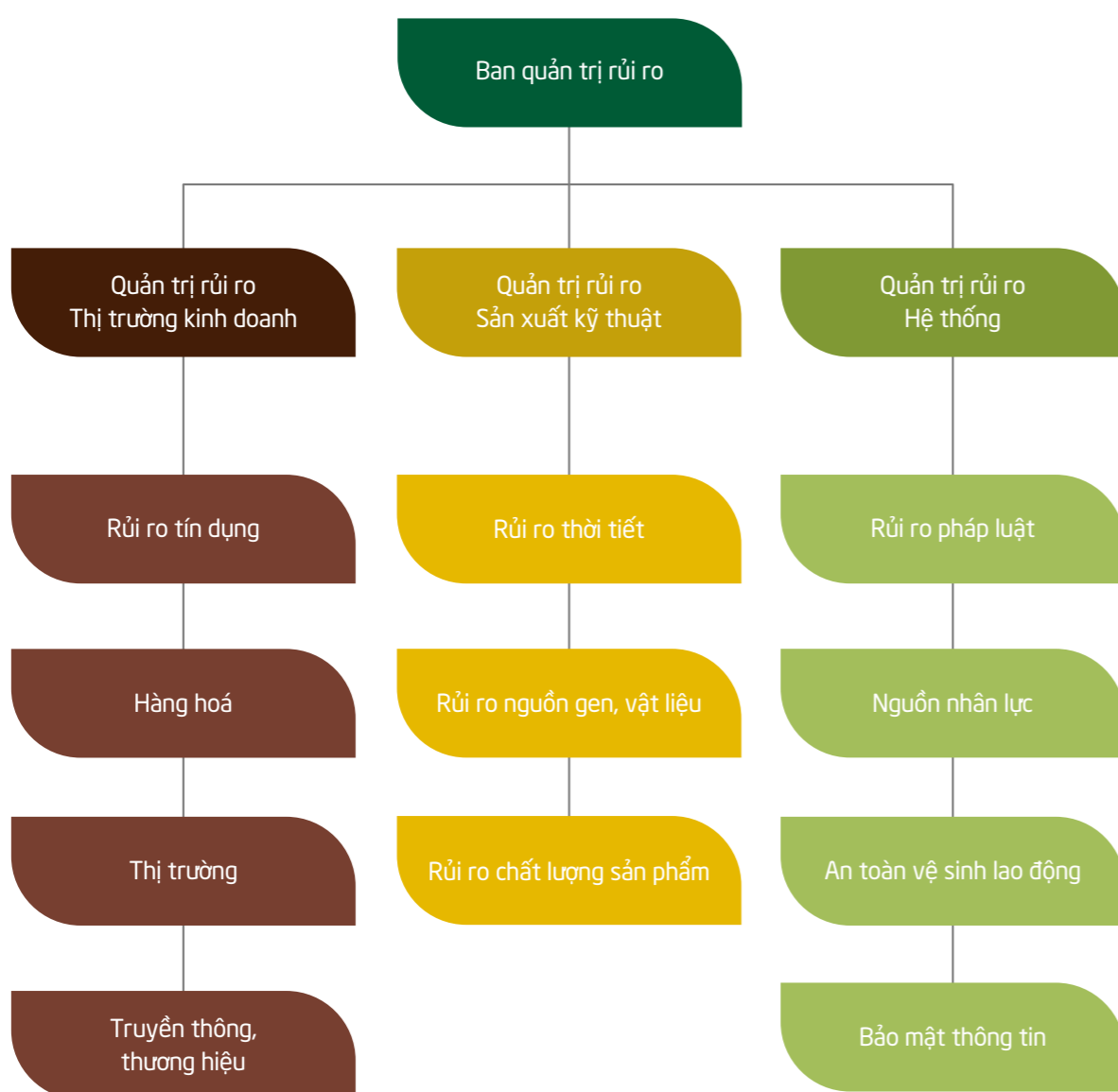
Nguyễn Khánh Quỳnh



BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Vinaseed xây dựng khung quản trị rủi ro theo chuẩn Quốc tế COSO. Hệ thống quản trị rủi ro của Vinaseed (bao gồm hệ thống quy chế, quy trình quản trị rủi ro, ban Kiểm soát nội bộ, Ban ứng phó với các tình huống khẩn cấp, ban an toàn lao động,...) được xây dựng để phân tích, đánh giá đầy đủ các rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, tối ưu hóa giữa tương quan rủi ro và cơ hội, thực hiện các giải pháp khắc phục khi rủi ro xảy ra để đạt được mục tiêu doanh nghiệp.

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO



QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

Xây dựng môi trường kiểm soát rủi ro:

Thiết lập hệ thống quy tắc làm việc (với 20 Quy chế, 31 quy trình làm việc trên các lĩnh vực quản lý chung, kinh doanh, kỹ thuật sản xuất, tài chính kế toán, nhân sự, hành chính, các chuẩn mực đạo đức, ứng xử).

Xây dựng các giá trị nền tảng của tổ chức (Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, định hướng chiến lược, chính sách phát triển bền vững).

Thiết lập hệ thống cơ cấu tổ chức:

- Đảm bảo sự phù hợp giữa sứ mệnh doanh nghiệp và cơ cấu tổ chức.
- Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và các mối quan hệ trong tổ chức.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự có đạo đức nghề nghiệp, năng lực, nhiệt huyết và khả năng thích ứng công việc.
- Thiết lập hệ thống báo cáo quản trị phù hợp đảm bảo thông tin thông suốt và chính xác trong toàn Công ty.
- Thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát.

Kiểm soát rủi ro:

Thiết lập các tầng phòng vệ, tập trung nguồn lực cho các hoạt động kiểm soát rủi ro trọng yếu.

Thiết lập các chốt rủi ro.

Áp dụng các biện pháp kiểm soát. Thiết lập các chuẩn mực trong kiểm soát nội bộ.

Quy trình cải tiến khắc phục sau đánh giá và báo cáo kết quả khắc phục phòng ngừa.

Xây dựng hệ thống giám sát (GRC): giám sát thường xuyên, định kỳ để hệ thống vận hành hiệu quả.

Thiết lập ngưỡng rủi ro (khẩu vị) cho hoạt động:

Rủi ro và cơ hội đi liền với nhau, công ty thực hiện phân tích đầy đủ các loại rủi ro, và chấp nhận rủi ro trong giới hạn một cách cẩn trọng và có kiểm soát, đảm bảo tính hợp lý giữa chi phí kiểm soát và mức độ tổn thất rủi ro mang lại để đạt được mục tiêu kinh doanh.

Nhận diện và đánh giá rủi ro:

Phân rã chi tiết mọi hoạt động của Công ty để đánh giá nhận diện và kiểm soát rủi ro:

Nhìn vào hoàn cảnh để nhận diện rủi ro.

Nhận diện rủi ro cho từng hoạt động với đầy đủ 3 thành phần: Nguyên nhân - Rủi ro - Ảnh hưởng từ đó thiết lập danh mục rủi ro. Đánh giá xác suất và mức độ tác động của rủi ro để quyết định mức độ quan tâm xử lý đối với từng loại rủi ro.

Xác định các yếu tố thành công quan trọng để tập trung nguồn lực kiểm soát rủi ro.

Truyền thông rủi ro:

Thiết lập hệ thống truyền thông rủi ro phù hợp ở các cấp và cơ chế phản hồi thông tin trong Công ty.

Truyền thông nhận thức về vai trò, trách nhiệm và biện pháp kiểm soát rủi ro đến ban quản lý đơn vị và nhân viên.

CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

TRƯỚC NHỮNG BIẾN ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG VỚI NHIỀU RỦI RO TIỀM ẨN, VINASEED THỰC HIỆN NGHIÊM TÚC CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT, XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUY CHẾ VÀ QUY TRÌNH LÀM VIỆC ĐỒNG BỘ, KIỂM SOÁT VÀ ĐẢM BẢO TÍNH TUÂN THỦ, TRUNG THỰC VÀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NHÂN VIÊN TOÀN CÔNG TY. LIÊN TỤC CẢI TIẾN QUY TRÌNH LÀM VIỆC, NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐIỀU HÀNH. VINASEED CŨNG CHỦ ĐỘNG XÁC ĐỊNH VÀ ĐỀ RA CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ CÁC YẾU TỐ RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA TRONG TỔ CHỨC:

RỦI RO LUẬT PHÁP:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinaseed chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, pháp luật giống cây trồng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Trong điều kiện khung pháp lý và luật pháp Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nên thường xuyên có những điều chỉnh, thay đổi. Vinaseed đã thực hiện quản trị hệ thống hóa các văn bản pháp luật có liên quan để đảm bảo thượng tôn pháp luật:

- Hệ thống hóa các quy định trong luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán
- Hệ thống quy định pháp luật về Công bố thông tin.
- Hệ thống văn bản pháp luật về Giống cây trồng.
- Hệ thống pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ.
- Hệ thống pháp luật môi trường, quản lý chất thải, hóa chất, PCCC.
- Hệ thống quy định pháp luật lao động.
- Hệ thống các quy định, chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, doanh nghiệp KHCCN.

Vinaseed luôn tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật Việt Nam, không tham gia các hoạt động chính trị, xã hội hoặc các hoạt động khác pháp luật Việt Nam nghiêm cấm.



RỦI RO VỀ THỜI TIẾT:

Thời tiết được đánh giá là rủi ro trọng yếu ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đến chất lượng và sản lượng tiêu thụ hạt giống của Vinaseed. Để đối phó với rủi ro này Vinaseed đã có những giải pháp chủ động ứng phó với diễn biến thời tiết cực đoan:

- Mở rộng vùng sản xuất và diện tích sản xuất tại các vùng sinh thái khác nhau trên cả nước nhằm đảm bảo lượng hàng cung ứng liên tục cho thị trường.
- Đầu tư xây dựng kho bãi bảo quản hàng hóa để đảm bảo đầy đủ lượng hàng hóa cung cấp trong trường hợp thiên tai xảy ra trên diện rộng.
- Hoạch định chiến lược trong hoạt động nghiên cứu phát triển: tập trung phát triển các dòng sản phẩm phạm vi thích ứng rộng, chống chịu hạn, lụt, chịu mặn và kháng sâu bệnh.
- Phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất trong nhà kính, nhà màng đảm bảo chủ động điều kiện môi trường sản xuất.



CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU (tt)



RỦI RO TÀI CHÍNH

Tín dụng:

Đây là rủi ro có nguyên nhân chính là do các đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện chậm so với thời hạn quy định.

Để phòng ngừa rủi ro này, công ty đã ban hành và thực hiện quy trình thẩm định năng lực khách hàng (tình hình tài chính, đánh giá khả năng tiêu thụ, nắm bắt thông tin khách hàng, quy luật thanh toán và xác định thời điểm thuận lợi để tập trung thu công nợ khách hàng) từ đó đề ra hạn mức nợ áp dụng đối với từng khách hàng, phát hiện kịp thời các dấu hiệu mất khả năng thanh toán để có biện pháp giải quyết kịp thời.

Bên cạnh đó, công ty cũng yêu cầu đảm bảo tính pháp lý trong các thủ tục bán hàng phòng ngừa tranh chấp pháp lý có thể xảy ra, thường xuyên theo dõi, đối chiếu và chốt sổ dư công nợ. Với những biện pháp kiểm soát chặt chẽ này, năm 2017 công ty không để xảy ra nợ xấu, nợ khó đòi.

Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi công ty gặp khó khăn trong việc chuyển đổi tài sản thành tiền hay thiếu tài sản để thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khách hàng, nhà cung cấp. Tại Vinaseed, công tác quản trị dòng tiền được quan tâm và thực hiện tốt nên đã hạn chế tối đa khả năng xảy ra rủi ro thanh khoản. Từ năm 2004 đến nay, công ty chưa từng xảy ra trường hợp mất thanh khoản nào.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Để hạn chế rủi ro về hoạt động đầu tư, Vinaseed đã thành lập Ban đầu tư HĐQT với nhiệm vụ phụ trách tư vấn đánh giá hiệu quả các hoạt động đầu tư cho Công ty. Ngoài ra Công ty còn luôn tổ chức đào tạo xây dựng đội ngũ cán bộ để bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu mở rộng của Công ty.

RỦI RO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Để phòng ngừa rủi ro trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, công ty yêu cầu đối với Ban kiểm soát nội bộ công ty, thủ trưởng đơn vị phòng ban:

Theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện quy chế, quy trình, thủ tục, quy định trong toàn Công ty, đề xuất bổ sung, sửa đổi nội dung kịp thời để phòng ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình sử dụng tài chính của từng đơn vị trực thuộc và toàn Công ty.

Kiểm soát hoạt động kế toán tài chính công ty (hệ thống các nghiệp vụ kế toán tài chính, các báo cáo tài chính, kiểm soát chi phí phát sinh tại các đơn vị trực thuộc công ty) để đảm bảo tính tuân thủ luật Kế toán, luật Thuế và các quy định khác của Nhà nước và quy chế công ty.

Kiểm soát công tác quản lý hàng hóa, kho tàng. Kiểm soát hao hụt.

Kiểm soát tính chính xác, kịp thời trong các báo cáo quản trị (báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo thị trường, báo cáo bán hàng, báo cáo tồn kho, báo cáo tiền mặt, tiền gửi định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo công ty).

Kiểm tra quy trình giao việc của đơn vị: từ ký kết mục tiêu năm, 6 tháng, kế hoạch làm việc tháng, tuần.

Kiểm soát việc giải quyết các chế độ đối với người lao động theo quy chế (tiền lương, thưởng, phúc lợi).



CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU (tt)

BẢO MẬT THÔNG TIN:

Phân cấp thẩm quyền tiếp cận thông tin kinh doanh của công ty.

Cẩn trọng trong việc cung cấp thông tin ra bên ngoài.

Các file thông tin được bảo mật bằng mật khẩu.

Chống xâm phạm hòm thư cá nhân bằng cách định kỳ thay đổi mật khẩu, hạn chế vào hòm thư tại máy tính của người khác, tắt hòm thư đúng cách, thường xuyên kiểm tra hoạt động tài khoản hòm thư và đăng xuất từ xa (trường hợp sử dụng gmail).

Hạn chế tối đa người khác sử dụng máy tính của mình và phải đứng cạnh giám sát trực tiếp (nếu có).

Định kỳ lưu trữ file mềm để tránh bị mất dữ liệu thông tin.

Đặc biệt chú ý trong bảo mật thông tin trong quản lý nguồn gen và bí mật công nghệ của công ty.

RỦI RO AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG:

Công ty áp dụng hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS:

Vinaseed liên tục cải tiến hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp dựa trên các kết quả đánh giá, đo lường phân tích để đảm bảo hệ thống vận hành tốt nhất, phòng ngừa tối đa các rủi ro mất an toàn và đảm bảo sức khỏe người lao động. Chính sách an toàn lao động này sẽ được truyền đạt tới mọi nhân viên trong toàn công ty hiểu rõ và thành thạo áp dụng trong thực tế.

Công ty xem xét hồ sơ lao động của tất cả nhân viên, bao gồm các hoạt động thuê ngoài, nhà thầu, nhà cung cấp để đánh giá các rủi ro lao động có liên quan. Tổ chức bố trí sắp xếp lao động hợp lý phù hợp với tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe của người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc các chương trình bảo hiểm y tế tự nguyện là một trong những hình thức đảm bảo an toàn sức khỏe người lao động.

Xác định các mối nguy an toàn và sức khỏe nghề nghiệp:

Xác định các mối nguy và rủi ro ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng đến sức khỏe và an toàn của nhân viên hoặc người khác (bao gồm cả lao động tạm thời và nhân viên nhà thầu, hoặc bất kỳ người nào khác tại nơi làm việc của công ty).

Đưa ra các biện pháp nhằm loại bỏ/ hạ thấp rủi ro, hậu quả trong trường hợp xảy ra.

Thành lập Ban an toàn lao động:

Đôn đốc và kiểm tra, giám sát mọi người trong Công ty chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn và vệ sinh lao động, bảo quản các thiết bị an toàn và sử dụng các thiết bị bảo vệ cá nhân, nhắc nhở, hướng dẫn các biện pháp làm việc an toàn đối với công nhân mới tuyển dụng hoặc mới chuyển đến làm việc.

Tham gia góp ý đơn vị trong việc đề xuất kế hoạch bảo hộ lao động, các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện làm việc.

Kiến nghị với cấp trên thực hiện các chế độ về BHLĐ, biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị và nơi làm việc.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Công ty rà soát và điều chỉnh chính sách môi trường và xã hội của Công ty dựa trên những thay đổi của pháp luật, yêu cầu thực tiễn, giám sát kết quả hoạt động môi trường và xã hội của công ty dựa trên các yếu tố: Tiêu thụ tài nguyên, chất thải, sử dụng hóa chất và tiếng ồn. Định kỳ công ty đều có báo cáo tác động của các yếu tố này và trong phương án đầu tư, xây dựng hoặc kế hoạch triển khai sản xuất kinh doanh đều đề ra các giải pháp tối ưu hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường, sức khỏe người lao

động và cộng đồng dân cư xung quanh.

Công ty xác định và đánh giá những rủi ro về môi trường thông qua việc xem xét kỹ lưỡng đầu ra, đầu vào của tất cả các quy trình kinh doanh, bao gồm cả những quy trình liên quan đến các nhà cung cấp và các nhà thầu. Công ty có những biện pháp ưu tiên và đánh giá rủi ro. Đánh giá rủi ro được rà soát sao cho phù hợp với tình hình thực tế theo định kỳ và bất cứ khi nào mở rộng sản xuất kinh doanh.





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng quan về phát triển bền vững

Thông điệp của Chủ tịch/ Tổng giám đốc về phát triển bền vững

Chiến lược và các phương thức phát triển bền vững

Báo cáo hoạt động phát triển bền vững



TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Như nguồn gió mát lành mang hạt giống bay xa hình thành sự sống chân trời mới, cũng nhờ gió mà hương thơm lan xa mang điều tươi đẹp đến cho cuộc đời, chiến lược phát triển bền vững của Vinaseed được ví như mạch sống có khả năng lan toả năng lượng vô hạn này. Thẩm thấu trong từng hoạt động của doanh nghiệp, từng sản phẩm từ nguồn gốc tự nhiên mang thương hiệu và tâm huyết con người Vinaseed, chiến lược phát triển bền vững được hiện thực hoá bằng những hành động thiết thực có tính lan toả điều tốt đẹp và tồn tại lâu dài, tiêu biểu trong đó là trọng tâm hướng tới giá trị sống của xã hội qua những sản phẩm lành mạnh hữu hình và sức mạnh của tri thức cho thế hệ viết tiếp tương lai.

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Là một trong số những quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước các tác động của biến đổi khí hậu trên toàn cầu, Việt Nam đang phải hứng chịu nhiều ảnh hưởng nặng nề do con người gây ra, bao gồm các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, bão lũ; tình trạng nước biển dâng, xâm nhập mặn, cũng như sự bất thường của lượng mưa và các hình thái thời tiết khác.

Mặc dù Việt Nam đã có những tiến bộ vượt bậc trong việc phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo trong hai thập niên vừa qua, song thành tựu đó đang bị đe dọa trong những năm gần đây do biến đổi khí hậu và có nguy cơ bị đảo ngược nếu kịch bản xấu nhất xảy ra.

Theo tính toán, nếu biến đổi khí hậu không được giảm thiểu một cách hiệu quả, thì đến cuối thế kỷ 21 này, Việt Nam sẽ mất đi ít nhất 12,2% diện tích đất, hiện đang là nơi cư trú của 23% dân số, và thậm chí là mất đi một con số lớn hơn diện tích đất màu mỡ bao gồm một nửa khu vực châu thổ trũng thấp, cũng chính là một trong những vựa lúa quan trọng nhất của thế giới do lũ lụt và xâm thực mặn.

Với sứ mệnh gắn bó cùng chặng đường hội nhập và phát triển của người Nông dân Việt Nam hướng đến nền Kinh tế thị trường, hòa cùng dòng chảy Thế giới, Công ty nhận định tầm quan trọng của Khoa học và tri thức đóng vai trò quyết định sức cạnh tranh của các sản phẩm Nông sản Việt Nam, cũng như giải quyết những thách thức do biến đổi khí hậu đặt ra.

Do đó, chúng tôi không ngừng nỗ lực nghiên cứu nhằm tìm ra các giải pháp nhằm chung tay giải quyết những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu như suy giảm diện tích đất trồng, giảm năng suất, mất mùa do yếu tố thời tiết diễn biến bất thuận.

Báo cáo phát triển bền vững của Vinaseed được thực hiện trên căn cứ trên Bộ tiêu chí của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) và hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững của IFC nhằm đề cập đầy đủ tác động của mô hình phát triển bền vững, đó là gắn kết tăng trưởng Kinh tế - Xã hội - Môi trường và gắn kết các bên hữu quan. Vấn đề phát triển bền vững được thực hiện xuyên suốt toàn Công ty từ cấp Hội đồng quản trị đến Ban điều hành, các chi nhánh, xí nghiệp thành viên và phòng ban chức năng của Công ty.



CHIẾN LƯỢC VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC QUAN TRỌNG ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐƯỢC LỒNG GHÉP VÀO CÁC TIÊU CHUẨN, QUI TRÌNH, KIỂM SOÁT VÀ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY.

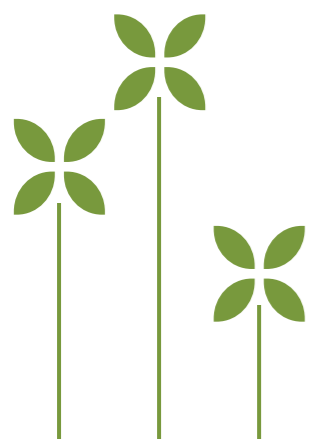
Tiêu chuẩn: Tất cả các chi nhánh, phòng ban, dự án thuộc quyền kiểm soát của Vinaseed phải áp dụng Các Nguyên tắc Hoạt động chung, Quy tắc Hành nghề và các Tiêu chuẩn Sức khỏe, An toàn, An ninh và Môi trường.

Qui trình: Vinaseed xem xét các yếu tố môi trường, xã hội trước khi đưa ra các quyết định đầu tư và khi lập kế hoạch cho các dự án mới. Phát triển bền vững là tiêu chí đóng vai trò then chốt khi Vinaseed áp dụng để xác định các khoản khen thưởng.

Quản trị: Vấn đề phát triển bền vững được thực hiện xuyên suốt toàn Công ty từ cấp Hội đồng quản trị đến Ban điều hành, các chi nhánh, xí nghiệp thành viên và phòng ban chức năng của Công ty, tại Vinaseed, chúng tôi xác định phát triển bền vững là trách nhiệm không chỉ của Ban Lãnh đạo mà cần sự chung tay của tất cả thành viên trong Vinaseed:

- Hội đồng quản trị: Ban hành chiến lược phát triển bền vững triển khai trong toàn công ty.
- Ban điều hành: Triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế của doanh nghiệp thông qua xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng phòng/ Ban chức năng và các chi nhánh, xí nghiệp thành viên.
- Chi nhánh, xí nghiệp thành viên: Triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế của chi nhánh, Xí nghiệp thành viên: Xây dựng mục tiêu, triển khai, giám sát kết quả thực hiện của đơn vị và báo cáo lên Công ty mẹ.
- Phòng ban: Triển khai theo các hoạt động hướng đến phát triển bền vững theo kế hoạch và chỉ tiêu xây dựng từ đầu năm.

Vinaseed đã thành lập Ban phát triển bền vững và phòng ngừa rủi ro. Ban hành Bộ chính sách phát triển bền vững của Công ty.



CHIẾN LƯỢC VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC QUAN TRỌNG ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

HOẠT ĐỘNG NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ BỀN VỮNG

BẰNG KHEN, GIẢI THƯỞNG NĂM 2018



Cờ Thi đua Chính phủ năm 2018

TOP 32

Doanh nghiệp có năng lực quản trị tài chính tốt nhất



Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam 2018

TOP 50

Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam giai đoạn 2014 - 2018

Trong suốt những năm qua, Công ty luôn duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu lợi nhuận ở mức cao và ổn định ở mức 25-30%/năm, duy trì đều đặn mức chi trả cổ tức bình quân 30% bằng tiền mặt, chủ động công bố và minh bạch các thông tin để đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông. Công ty đã liên tục nhận được sự công nhận của Chính phủ và Cộng đồng Doanh nghiệp trong nước cũng như Quốc tế, với các giải thưởng ghi nhận những nỗ lực và đóng góp của Vinaseed, trong đó chỉ tính riêng trong năm 2018 công ty đã vinh dự nhận được các bằng khen, giải thưởng:

Cờ Thi đua Chính phủ năm 2018. Vinaseed vinh dự là 1 trong 7 doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc toàn quốc trong phong trào thi đua được nhận Cờ thi đua Chính phủ.

Danh hiệu Doanh nghiệp có năng lực quản trị tài chính tốt nhất sàn chứng khoán Việt Nam và đứng đầu ngành trồng trọt năm 2018. Vinaseed vinh dự là 1 trong 32 doanh nghiệp trên sàn GDCK được vinh danh. Danh hiệu do VCCI phối hợp với Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA), Báo Diễn đàn doanh nghiệp, Viện INBUS trao tặng.

Danh hiệu doanh nghiệp vì nhà nông 2018 năm 2018. Vinaseed vinh dự là 1 trong 53 doanh nghiệp tiêu biểu toàn quốc được vinh danh vì những đóng góp vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng.

Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam 2018. Trong tổng số 45 sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu toàn quốc, Vinaseed vinh dự góp mặt 03 sản phẩm (lúa Thơm RVT, Đai Thơm 8, Dưa lưới Hanam Hitech) do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng.

TOP 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam giai đoạn 2014 - 2018, bảng xếp hạng được Vietnam Report và Báo Vietnamnet công bố dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập của Vietnam Report.

TOP 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2018 do Vietnam Report phối hợp với báo Vietnamnet tổ chức để vinh danh các doanh nghiệp có khả năng sinh lời tốt, trở thành trụ cột cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế, đồng thời góp phần quảng bá thương hiệu doanh nghiệp Việt tới công đồng quốc tế.

TOP 10 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất do Sở GDCK TP HCM và Sở GDCK Hà Nội phối hợp trao tặng năm 2018, BCTN của Công ty đã được đánh giá cao ở nội dung minh bạch, khát vọng vươn lên và giàu tính nhân văn với thiết kế ấn tượng, trình bày nhất quán và minh bạch.



Không chỉ ghi nhận những kết quả tăng trưởng bền vững trong hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty, là một Công ty chuyên cung cấp các giải pháp Công nghệ cao ứng dụng trong Nông nghiệp công nghệ cao, Vinaseed tự hào đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội, đảm bảo an ninh lương thực Quốc gia, nâng cao đời sống của người Nông dân Việt Nam:

Phát triển vùng nguyên liệu năm trong định hướng chiến lược phát triển bền vững của công ty. Công ty đã quy hoạch được các vùng sinh thái sản xuất ổn định, tập trung, đặc biệt phát triển vùng sản xuất quy mô lớn tại ĐBSCL đã góp phần đáp ứng nhu cầu giống và lúa thương phẩm phục vụ kinh doanh.

Cung cấp trên 70.000 tấn hạt giống, với cơ cấu 80% sản phẩm bản quyền, chi phối 19% thị phần cả nước tương đương gần 2 triệu ha gieo trồng cả nước góp phần giúp nông dân nâng cao hiệu quả trồng trọt, có điều kiện cải thiện đời sống

Hàng năm, Vinaseed tổ chức triển khai gần 3 vạn ha sản xuất giống trên khắp cả nước thông qua hình thức liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm, hàng chục vạn hộ nông dân trên khắp cả nước đã được đào tạo nghề, chuyển giao công nghệ miễn phí, góp phần thay đổi tư duy trong sản xuất nông nghiệp, tạo công ăn việc làm ổn định và gia tăng thu nhập cải thiện đời sống của người nông dân, xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng quan hệ bền vững với các nhà đầu tư, tối đa hóa giá trị Công ty bằng những hoạt động kinh tế hợp lý: Công ty luôn đặt lợi ích của cổ đông là kim chỉ nam cho mọi hoạt động. Công ty duy trì tốc độ tăng trưởng đều đặn 20% về doanh thu và lợi nhuận qua các năm; Duy trì đều đặn việc chi trả cổ tức 30% bằng tiền mặt; Chủ động công bố và minh bạch thông tin qua các phương tiện truyền thông.

CHIẾN LƯỢC VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC QUAN TRỌNG ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TT)

TÓM LƯỢC VỊ THẾ DOANH NGHIỆP TRONG HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Vinaseed là doanh nghiệp có quy mô lớn nhất trong ngành giống cây trồng Việt Nam, có vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của nông nghiệp Việt Nam với nền tảng là nguồn nhân lực và công nghệ, tiên phong trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Vinaseed là doanh nghiệp khoa học công nghệ đầu tiên trong ngành giống cây trồng Việt Nam, đi đầu trong các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KHCN, cung cấp các giải pháp công nghệ mới, sản phẩm mới mang tính định hướng nhu cầu người tiêu dùng.

Trình độ quản trị minh bạch theo các chuẩn mực quốc tế, với mạng lưới hợp tác rộng lớn trong và ngoài nước.

Tâm huyết với ngành nông nghiệp và người dân, với nguồn nhân lực chuyên môn sâu, nỗ lực chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật và tri thức mới cho nông dân, vì sự phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TÂM NHÌN



Cung cấp các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững hàng đầu Việt Nam

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

20%

Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế bình quân

TÂM NHÌN

Vinaseed phấn đấu trở thành Tập đoàn cung cấp các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững hàng đầu Việt Nam. Thực hiện ước mơ cải thiện thu nhập và điều kiện sống của nông dân Việt Nam.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nhằm thực hiện 3 mục tiêu: Duy trì tăng trưởng kinh tế, xây dựng xã hội và bảo vệ môi trường một cách bền vững. Để thực hiện các định hướng Chiến lược phát triển bền vững. Mục tiêu định hướng phát triển bền vững Vinaseed đặt ra:

Về quản trị doanh nghiệp:

Đây là yếu tố cốt lõi để doanh nghiệp thực hiện phát triển bền vững trong dài hạn, góp phần xây dựng và củng cố niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông:

Thực hiện quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quốc tế: Công khai, minh bạch trong mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Đảm bảo quyền lợi của cổ đông, đối xử công bằng với các nhà đầu tư, có trách nhiệm giải trình và duy trì cơ cấu hoạt động hiệu quả.

Liên tục cải tiến, đổi mới đáp ứng yêu cầu thay đổi.

Về Kinh tế:

Duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế bình quân 20%/năm.

Chấp hành nghiêm túc, đầy đủ và kịp thời tất cả các quy định pháp luật Nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Quản lý chi phí hoạt động hiệu quả.

Về xã hội:

Phát triển các dòng sản phẩm năng suất cao, chất lượng tốt. Áp dụng quy trình sản xuất xanh, an toàn cho xã hội góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng.

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả. Duy trì văn hóa Vinaseed. Đào tạo, phát triển đội ngũ Vinaseed luôn đầy ắp khát vọng vươn lên chinh phục những đỉnh cao mới, gắn bó, tâm huyết, ý thức kỷ luật tốt.

Thành lập Quỹ tấm lòng nhân ái Vinaseed tình nguyện chung sức thực hiện các hoạt động xã hội, từ thiện bằng tất cả tình cảm và trách nhiệm của mình.

Về môi trường:

Tập trung nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm chống chịu sâu bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu. Áp dụng quy trình sản xuất hữu cơ và các biện pháp phòng trừ tổng hợp ICM.

Tiết kiệm năng lượng điện, nước, sử dụng nguồn năng lượng sạch, nguyên liệu thân thiện với môi trường để giảm thiểu hiệu ứng nhà kính.

Tạo dựng môi trường, cảnh quan nơi làm việc xanh, sạch, đẹp. Bảo vệ giữ gìn môi trường xung quanh công ty.

Bảo vệ giữ gìn môi trường xung quanh công ty.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CAM KẾT CỘNG ĐỒNG

Vinaseed - Công ty cổ phần tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam là doanh nghiệp khoa học công nghệ hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất kinh doanh giống cây trồng và chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông lâm nghiệp. Từ một đơn vị quy mô vốn nhỏ, cơ sở vật chất lạc hậu, khoa học công nghệ chưa phát triển, sản phẩm chủ yếu chỉ là một số giống lúa phổ thông, không có sản phẩm bản quyền, kinh doanh kém hiệu quả Vinaseed trở thành một Tập đoàn nông nghiệp có quy mô và thị phần lớn nhất ngành giống cây trồng Việt Nam, với sản lượng tiêu thụ (năm 2018) trên 70.000 tấn hạt giống, với cơ cấu 80% sản phẩm bản quyền, chi phối 20% thị phần, tương đương với gần 2 triệu ha gieo trồng cả nước, công ty liên tục nằm trong TOP 50 doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam, tốc độ tăng trưởng cao, bền vững, hoạt động có trách nhiệm và đóng góp lớn cho cộng đồng xã hội.

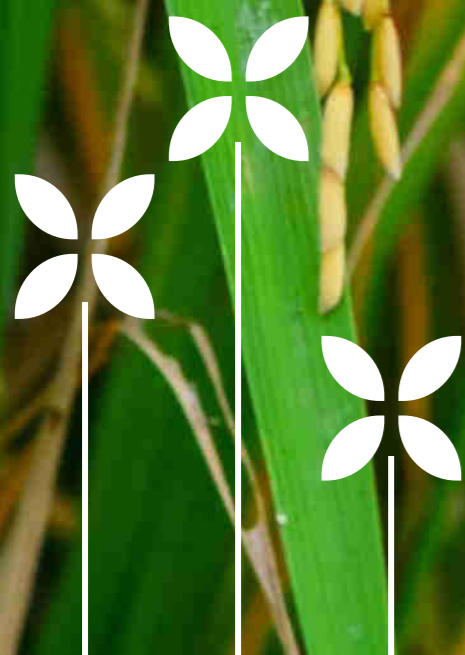
Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Vinaseed luôn gắn trách nhiệm của mình với các bên liên quan. Vinaseed đưa ra nguyên tắc và cam kết cộng đồng và truyền thông rộng rãi để thể hiện sự nghiêm túc và quyết tâm thực hiện của mình:

Khách hàng: Với quan điểm Khách hàng là trung tâm, Vinaseed đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu để phát triển các sản phẩm tối ưu, đáp ứng tối đa nhu cầu của Khách hàng.

Cổ đông: Vinaseed cam kết thực hiện đầy đủ quyền lợi của Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành, cũng như tuân thủ việc thực hiện Điều lệ và các quy định liên quan. Chúng tôi ý thức được yêu cầu phải cung cấp thông tin cho Cổ đông và Nhà đầu tư một cách đầy đủ, minh bạch, kịp thời và liên tục, thực hiện nhiều giải pháp để đáp ứng công tác thông tin cho cổ đông.

Đối tác: Vinaseed trân trọng các Đối tác kinh doanh và mong muốn duy trì mối quan hệ hợp tác này một cách bền vững, trên cơ sở hài hòa lợi ích cho tất cả các bên liên quan.

Nhân viên: Vinaseed đánh giá cao yếu tố con người và coi đây là nhân tố hàng đầu trong sự thành công của doanh nghiệp. Quan điểm của Vinaseed trong chính sách nhân sự: "Người lao động chỉ có thể toàn tâm, toàn ý cống hiến hết mình cho doanh nghiệp khi người lao động được tôn trọng, được tạo môi trường thuận lợi để làm việc và phát triển năng lực bản thân, thu nhập của họ được bảo đảm". Chính vì vậy, Vinaseed luôn nỗ lực tạo dựng môi trường làm việc tiện nghi, an toàn, cơ hội đào tạo, thăng tiến cho mọi người lao động, tiền lương công bằng và ở mặt



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

bằng cao có tính cạnh tranh, thực hiện chi trả các chế độ phúc lợi rất tốt cho người lao động như chương trình ESOP, bảo hiểm Health care, bảo hiểm nhân thọ, các chính sách hỗ trợ người lao động khi gia đình họ gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống, đặc biệt quan tâm chăm sóc và tạo điều kiện cho lao động nữ có cơ hội được đào tạo, thăng tiến và dành thời gian quan tâm đến gia đình. Có thể nói thành công lớn nhất của Vinaseed sau thời gian đổi mới chính là xây dựng được nguồn nhân lực chất lượng cao, nhiệt huyết và trách nhiệm trở thành giá trị cốt lõi, nền tảng tạo nên sự khác biệt của Vinaseed.

Cam kết của Vinaseed đối với người lao động:

- Cung cấp điều kiện làm việc tiện nghi và an toàn cho tất cả cán bộ nhân viên trong công ty.
- Thực hiện đầy đủ chế độ tiền lương, thưởng, BHXH, BHYT các chế độ phúc lợi khác đối với người lao động. Nguyên tắc chi trả lương thưởng thực hiện dựa trên kết quả công việc.
- Công ty tạo cơ hội đào tạo, thăng tiến công bằng cho tất cả cán bộ nhân viên. Công ty cam kết không phân biệt đối xử về giới, tôn giáo, tín ngưỡng, hoàn cảnh gia đình, tuổi tác, hình thức,... không sử dụng những yếu tố này trong đánh giá xếp loại lao động và không cho phép CBCNV bình phẩm những vấn đề này tại nơi làm việc.

Chính phủ: Vinaseed cam kết tuân thủ pháp luật, kinh doanh có hiệu quả, công khai, minh bạch, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ Ngân sách.

Xã hội: Vinaseed tình nguyện thực hiện các hoạt động đóng góp xã hội bằng tất cả tình cảm và trách nhiệm của mình, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng. Việc này được thực hiện:

- Hàng năm công ty cam kết hỗ trợ cộng đồng thực hiện an sinh xã hội coi đây là nhiệm vụ được ban lãnh đạo cũng như tập thể cán bộ công nhân viên VINASEED quan tâm, giành thời gian, tâm sức và nguồn lực để thực hiện. Đây là hoạt động xã hội có ý nghĩa, thể hiện trách nhiệm xã hội của công

ty với cộng đồng.

- Không chỉ thông qua những đóng góp cụ thể bằng vật chất mà còn bằng những hoạt động đào tạo, hướng dẫn nghề, chuyển giao công nghệ miễn phí cho người dân: Công ty cam kết đào tạo nghề miễn phí cho các vùng sản xuất hàng hóa của công ty. Hình thành các làng nghề sản xuất giống cây trồng tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho bà con nông dân.
- Công ty không sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nhà cung ứng lạm dụng sức lao động trẻ em.

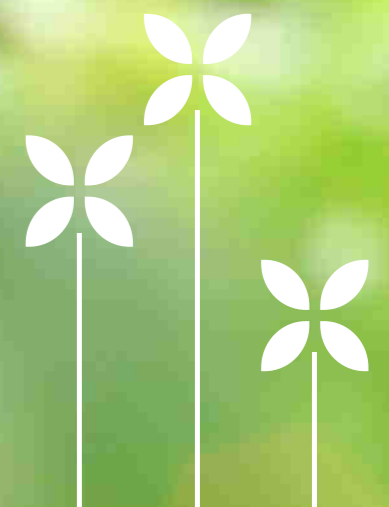
Môi trường: Vinaseed nhận thức được nhiệm vụ bảo vệ môi trường là đảm bảo sự phát triển bền vững lâu dài của doanh nghiệp. Trách nhiệm được thể hiện:

Tạo dựng môi trường, cảnh quan nơi làm việc xanh, sạch, đẹp. Bảo vệ môi trường khu dân cư xung quanh công ty.

Định hướng phát triển đến các dòng sản phẩm xanh, những sản phẩm có khả năng chống chịu với sâu bệnh, sinh trưởng và phát triển được ở cả những vùng có điều kiện canh tác và khí hậu khắc nghiệt. Quy trình sản xuất hữu cơ bền vững sử dụng ít phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật kết hợp với các quy trình canh tác tổng hợp, tập trung, tưới tiêu kiệm nước sẽ giảm thiểu tác động tới môi trường trong sản xuất và tạo ra các dòng sản phẩm sạch an toàn với sức khỏe người tiêu dùng.

Tiết kiệm năng lượng:

- Chú ý đến yếu tố tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên trong thiết kế nhà làm việc, nhà xưởng.
- Thay đổi về bao bì (sử dụng nhiều hơn các loại bao bì có thể tái sử dụng nhiều lần), thay đổi bằng nguồn năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng trong sấy, chế biến.
- Đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, sử dụng tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng các nguồn nguyên liệu sạch.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

MỐI QUAN HỆ VỚI NHÀ CUNG CẤP

Công ty cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam tạo lập các quy tắc đạo đức và ứng xử cơ bản áp dụng trong doanh nghiệp và cho các nhà cung cấp, nhà thầu có quan hệ làm việc với Công ty phù hợp với sứ mệnh cam kết Vinaseed đã đề ra. Bộ quy tắc được 2 bên ký cam kết thực hiện là một bộ phận không tách rời hợp đồng kinh tế với nội dung yêu cầu như sau:

Đạo đức kinh doanh:

Quan hệ giao dịch trung thực:

Vinaseed cam kết đối xử công bằng với tất cả các nhà cung cấp có tiềm năng hợp tác. Các quyết định lựa chọn nhà cung cấp được thực hiện dựa trên các tiêu chí đánh giá khách quan như giá cả, chất lượng, tiến độ cung cấp, uy tín, kinh nghiệm của nhà cung cấp cũng như khả năng ứng phó đối với những biến động, rủi ro xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Vinaseed nghiêm cấm cán bộ nhân viên công ty nhận hoa hồng, hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào từ phía nhà cung cấp. Nhà cung cấp nhận được những đòi hỏi, yêu sách từ phía CBNV Vinaseed để nghị thông tin lại cho Ban lãnh đạo Công ty để có những biện pháp xử lý kịp thời.

Nhà cung cấp phải thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về chất lượng, tiến độ sản phẩm, dịch vụ mình cung cấp. Nghiêm cấm việc cung cấp các thông tin thiếu trung thực dẫn đến quyết định sai trong việc lựa chọn nhà cung cấp của Vinaseed.

Bảo vệ và tôn trọng người lao động:

Vinaseed đề nghị các nhà cung cấp bảo vệ và tôn trọng người lao động:

Nhà cung cấp không được sử dụng các hình thức lao động cưỡng bức, khổ sai, bắt ép người lao động làm việc. Không được sử dụng lao động trẻ em dưới bất kỳ hình thức nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trừ một số trường hợp pháp luật Việt Nam không cấm.

Nhà cung cấp phải tôn trọng sự khác biệt và phải đảm bảo đối xử công bằng đối với tất cả nhân viên. Không được sử dụng các yếu tố về dân tộc, tôn giáo,

giới tính, tuổi tác, ngoại hình, hoàn cảnh gia đình trong việc đánh giá, xếp loại lao động.

Môi trường làm việc an toàn, tiện nghi:

Vinaseed yêu cầu nhà cung cấp phải tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường và điều kiện làm việc của CBNV.

Thực hiện đầy đủ các biện pháp, phương tiện phòng ngừa các tổn hại về sức khỏe và nguy cơ mất an toàn đối với người lao động trước mắt cũng như lâu dài. Các tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn lao động Vinaseed đặt ra đối với nhà cung cấp như sau:

Đối với các công việc tiếp xúc thường xuyên với môi trường làm việc độc hại, cháy nổ, hỏa hoạn hoặc dễ xảy ra tai nạn lao động: Người lao động phải được cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân, được tham gia vào các khóa đào tạo, tập huấn an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.

Phải có bộ phận theo dõi, giám sát chặt chẽ các nguy cơ, các tác nhân hóa học phải được đánh giá và kiểm soát. Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì, thay thế kịp thời các trang thiết bị vận hành để đảm bảo tối đa an toàn cho người lao động làm việc.

Khuyến khích nhà cung cấp thực hiện chế độ bảo hiểm tự nguyện, thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động để sớm phát hiện các bệnh nghề nghiệp, thực hiện luân chuyển cán bộ đối với các vị trí làm việc thường xuyên tiếp xúc với môi trường làm việc độc hại.

Xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp xảy ra, các phương án đối phó phải ưu tiên đến việc giảm thiểu tối đa tổn thất về con người và tác động môi trường.

Nhà cung cấp phải đảm bảo tiền lương và chế độ đối với người lao động:

Vinaseed đề nghị các nhà cung cấp thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ tiền lương và phúc lợi đối với người lao động. Các trường hợp nhà cung cấp nợ đọng tiền lương người lao động kéo dài sẽ là điều kiện để Vinaseed chấm dứt quan hệ hợp tác.

Tuân thủ pháp luật:

Nhà cung cấp phải tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật Việt Nam, không tham gia các hoạt động chính trị, xã hội hoặc các hoạt động khác pháp luật Việt Nam nghiêm cấm.

Đảm bảo chất lượng hàng hóa và dịch vụ:

Thực hiện nghiêm túc các thỏa thuận với khách hàng về chất lượng sản phẩm, tiến độ cung ứng và những vấn đề liên quan và có trách nhiệm đến cùng với sản phẩm và dịch vụ công ty cung cấp. Liên tục có các

giải pháp đề xuất, cải tiến để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

Bảo vệ môi trường:

Nhà cung cấp phải thực hiện nghiêm túc các quy định bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật Việt Nam. Các hóa chất độc hại trong quá trình lưu trữ, sử dụng phải được quản lý chặt chẽ, các chất thải độc hại trước khi thải ra môi trường phải được xử lý và loại bỏ hoàn toàn các yếu tố độc hại gây ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường và cộng đồng.

Tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, tăng cường việc sử dụng các nguồn nguyên liệu sạch, sử dụng nguyên liệu tái chế để hạn chế thấp nhất nguồn chất thải độc hại ra môi trường.

Tuyệt đối không được sử dụng các sản phẩm lâm sản không rõ nguồn gốc, vi phạm quy định pháp luật bảo vệ rừng.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

QUẢN TRỊ VÀ NUÔI DƯỠNG NGUỒN NHÂN LỰC

Trách nhiệm xã hội trong văn hoá doanh nghiệp:

Điều khiến chúng tôi luôn tự hào trong suốt hành trình đổi mới và phát triển, là một nền văn hóa doanh nghiệp gắn kết để thành công. Mọi thứ chúng tôi cùng các nhà khoa học có và đang làm tại Vinaseed được vun đắp bởi niềm tin vào một tương lai tốt đẹp và niềm say mê cống hiến không ngừng trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất trên thị trường.

Dù kinh doanh ở bất kỳ vùng miền nào, chúng tôi cũng luôn quan tâm đến trách nhiệm với cộng đồng sinh sống, trách nhiệm xây dựng xã hội tươi đẹp và phồn thịnh. Với tư cách của một Công ty Kinh doanh Giống cây trồng, Vinaseed không chỉ góp phần nuôi dưỡng hạt mầm Nông nghiệp mà còn ươm mầm giá trị sống trong mỗi con người, bắt đầu từ chính những hạt giống trong tập thể Vinaseed, với việc khuyến khích nỗ lực trau dồi kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn. Bên cạnh đó, Cán bộ Công nhân viên Vinaseed luôn không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức và phong cách chuyên nghiệp, chân thành trong công việc, xây dựng văn hóa Vinaseed tận tâm trong Kinh doanh - nhiệt huyết trong cuộc sống, nhân ái với cộng đồng, đề cao tinh thần trách nhiệm trong mỗi hành động & quyết định, để mỗi thành viên trong gia đình Vinaseed khi bước ra xã hội sẽ như làn gió lưu hương, góp phần làm lan tỏa thái độ tích cực, hướng thiện trong cuộc sống. Không chỉ dừng lại ở việc nâng cao năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức của mỗi cá nhân thuộc tập thể đội ngũ cán bộ Vinaseed, chúng tôi xác định việc phát triển tiềm năng con người là trọng tâm trong chiến lược phát triển bền vững của Vinaseed. Trong đó, các hoạt động đào tạo chiến lược chú trọng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các hoạt động nghiên cứu và sản xuất của công ty, cập nhật những nguồn tri thức mới cho các mắt xích và các bên hữu quan trong chuỗi cung ứng của Vinaseed, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện thu nhập và chất lượng cuộc sống người Nông dân. Đồng thời, trong tương lai, Vinaseed sẽ chú trọng đẩy mạnh các hoạt động truyền thông và tuyên truyền



nhằm tăng cường hiểu biết của xã hội về các lĩnh vực như ý thức bảo vệ môi trường, công nghệ và giải pháp phát triển bền vững trong Nông nghiệp, từ đó truyền cảm hứng và nhóm lên ngọn lửa ý thức trách nhiệm xã hội trong mỗi con người. Mỗi con người sống trong một tập thể đều trực tiếp quyết định sự hưng thịnh của xã hội đó, cũng như gián tiếp tác động đến tiềm năng phát triển của cộng đồng đó trong các thế hệ kế cận. Do đó, tầm nhìn của chúng tôi định vị việc phát triển tiềm năng con người chính là yếu tố tiên quyết và quan trọng nhất

trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty, bằng việc xây dựng những giá trị cao đẹp mang tính vượt thời gian, nâng cao nhận thức và hiểu biết của xã hội, từ đó truyền cảm hứng và nâng cao nhận thức về ý nghĩa và vai trò của tư duy phát triển bền vững đến những hạt giống tiếp theo - những người sẽ kế tục sự phát triển của xã hội Việt Nam trong tương lai. Đó chính là giấc mơ phát triển bền vững của Vinaseed - được trở thành làn gió tươi mát, truyền lửa, gieo những hạt mầm tốt tươi trong mỗi người, cho hôm nay và cho muôn đời sau.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

QUẢN TRỊ VÀ NUÔI DƯỠNG NGUỒN NHÂN LỰC

Những chuẩn mực giá trị văn hóa làm nên con người Vinaseed:

Sự tuân thủ: Mọi thành viên trong công ty phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy định của công ty một cách tự giác và coi đó là một trong những chuẩn mực bắt buộc đối với mọi thành viên của VINASEED.

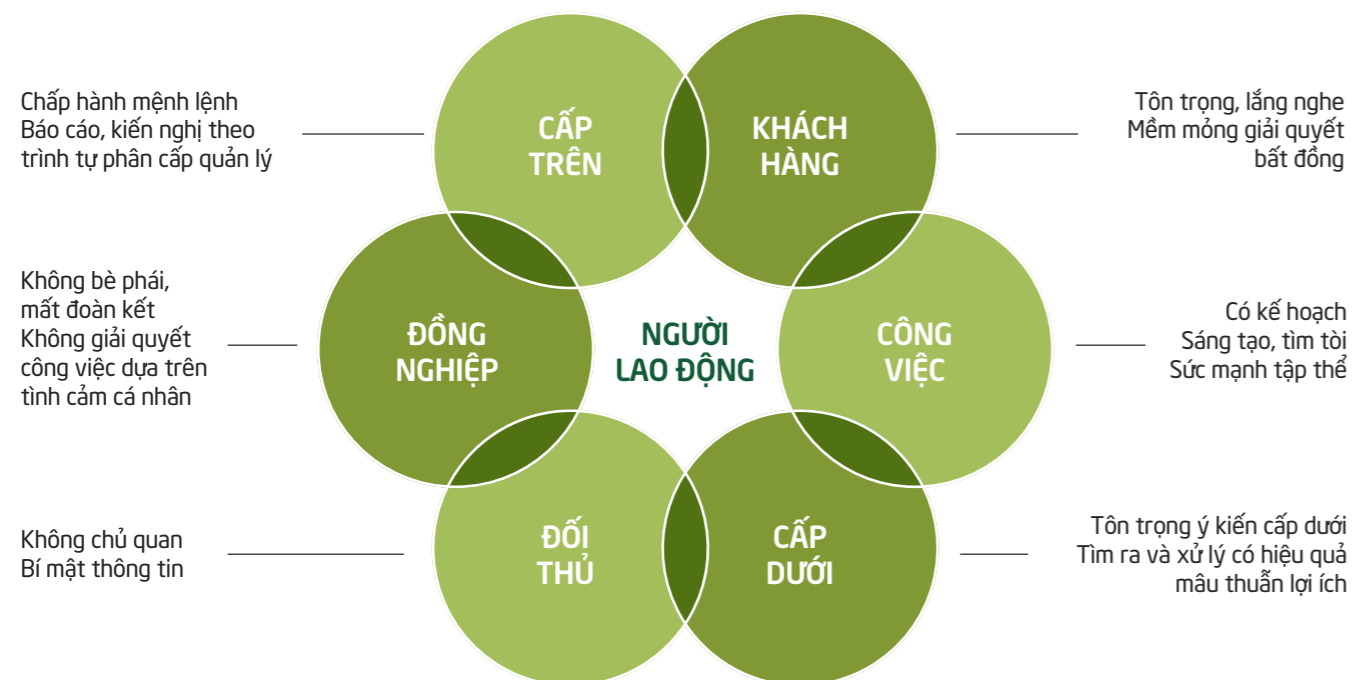
Bảo vệ uy tín, vì lợi ích công ty: Không được có những hành vi, ngôn từ làm ảnh hưởng đến uy tín của công ty. Mọi thành viên trong công ty phải hướng đến lợi ích chung của toàn công ty. Không vì tư lợi, lợi ích cục bộ của phòng ban, đơn vị làm ảnh hưởng đến lợi ích chung toàn công ty.

Tinh thần trách nhiệm, hợp tác: Phải đề cao trách nhiệm cá nhân, tinh thần hợp tác trong quá trình thực thi công việc.

Lắng nghe, chia sẻ, khuyến khích sự sáng tạo: Biết tôn trọng, lắng nghe, chia sẻ những ý kiến đóng góp, đề xuất, thường xuyên đưa ra các giải pháp sáng tạo và đột phá, không ngừng thử nghiệm các ý tưởng mới, những hướng đi mới.

Tôn trọng sự riêng tư: Công ty tôn trọng sự riêng tư của mỗi thành viên trong công ty, công ty nghiêm cấm bàn luận đời tư cá nhân làm ảnh hưởng đến uy tín của đồng nghiệp.

Các mối quan hệ ứng xử trong doanh nghiệp



Chính sách an toàn sức khỏe nghề nghiệp:

Giá trị cốt lõi của Vinaseed là nguồn nhân lực. Vinaseed quan niệm vấn đề đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp đối với người lao động được ưu tiên hàng đầu. Công ty có chính sách phù hợp với các yêu cầu về sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động theo Tiêu chuẩn của tổ chức Lao động quốc tế ILO. Thực hiện cam kết mạnh mẽ về các chính sách an toàn sức khỏe nghề nghiệp đối với người lao động như sau:

Tuân thủ mọi quy định pháp luật lao động về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát mọi rủi ro về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp.

An toàn lao động là trách nhiệm của tất cả CBNV trong công ty, các quy định về an toàn lao động của công ty là bắt buộc đối với mọi CBNV.

Công ty cam kết tạo dựng điều kiện làm việc an toàn, tiện nghi cho người lao động. Vinaseed quan tâm đến

việc trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cần thiết, xây dựng phương án tổ chức sản xuất an toàn, máy thiết bị phục vụ sản xuất luôn được bảo dưỡng định kỳ và thay thế kịp thời đảm bảo hoạt động ổn định, không có nguy cơ mất an toàn đối với người lao động.

Đào tạo, phổ biến đến mọi cán bộ nhân viên trong công ty kiến thức an toàn lao động, quy trình vận hành máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải; nâng cao ý thức bảo vệ sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động.

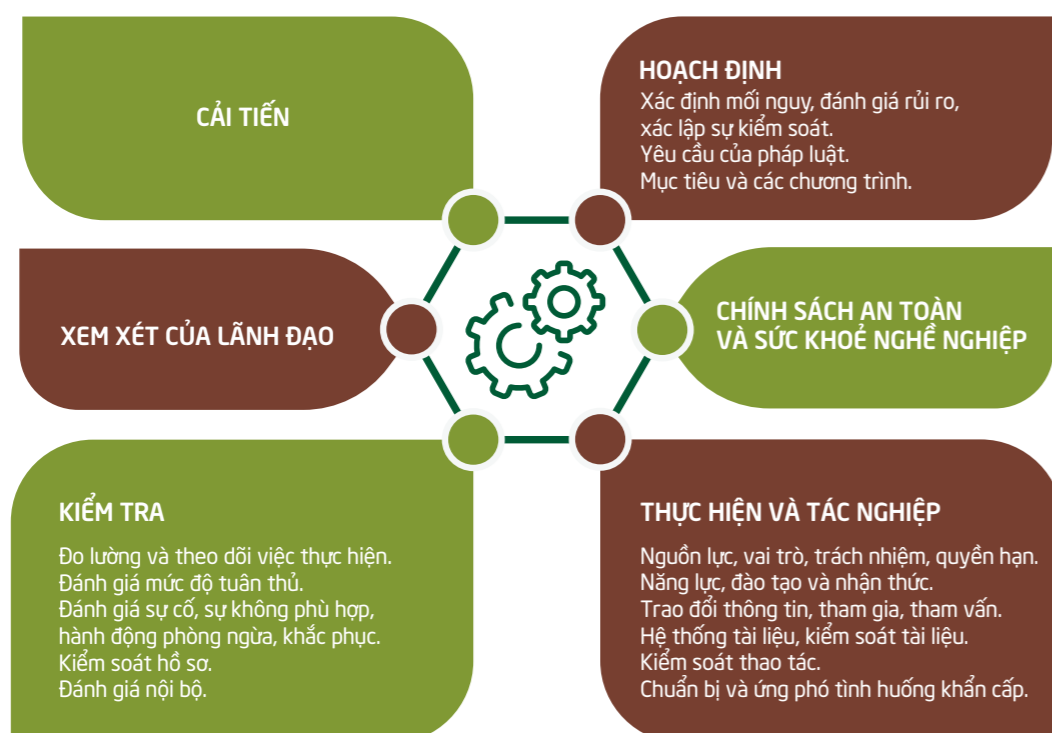
Thường xuyên kiểm tra, rà soát các yếu tố mất an toàn, bổ sung kịp thời các quy định cho phù hợp, thiết lập các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn tối đa cho từng cá nhân người lao động. Không một người lao động nào của Vinaseed phải làm việc trong điều kiện mất an toàn lao động.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

QUẢN TRỊ VÀ NUÔI DƯỠNG NGUỒN NHÂN LỰC

Áp dụng hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS:



Thành lập Ban an toàn lao động thực thi nhiệm vụ:

Nhận biết, đánh giá các nguy cơ, rủi ro, tình huống khẩn cấp liên quan đến an toàn có thể xảy ra tại công ty, nhà máy và đơn vị trực thuộc.

Thiết lập hệ thống Chính sách, quy trình, quy định, hướng dẫn cho các hoạt động liên quan đến các vấn đề an toàn dựa trên các đánh giá tình hình thực tế.

Tuyên truyền, hướng dẫn nghiệp vụ an toàn lao động, lên kế hoạch đào tạo và tập huấn ứng phó tình huống khẩn cấp cho cán bộ nhân viên và tham gia ứng cứu khi có xảy ra tình huống khẩn cấp trong Công ty.

Chuẩn bị, quản lý phương tiện, công cụ thích hợp đảm bảo an toàn lao động và sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra.

Giám sát việc tuân thủ các quy định về an toàn, ứng phó tình huống khẩn cấp tại công ty và đưa ra các khuyến nghị cải tiến, thay đổi.

Chủ động điều hành các nhân lực trực thuộc tham gia công tác đảm bảo an toàn, ứng phó tình huống khẩn cấp.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

QUẢN TRỊ VÀ NUÔI DƯỠNG NGUỒN NHÂN LỰC

Liên hệ với các tổ chức/ cơ quan bên ngoài trong các vấn đề liên quan đến an toàn và ứng phó tình huống khẩn cấp: Thanh tra, kiểm tra, đánh giá tuân thủ, hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan, báo cáo theo quy định...

Lưu trữ hồ sơ, báo cáo công tác an toàn, ứng phó tình huống khẩn cấp lên Ban Giám đốc Công ty.

Tham mưu, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về công tác an toàn và ứng phó tình huống khẩn cấp tại công ty.

Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động:

Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

Nhiệm vụ công tác an toàn, vệ sinh lao động: quy định về an toàn, vệ sinh lao động ở cơ sở; xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động; kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại, biện pháp phòng ngừa, cải thiện điều kiện lao động; xây dựng, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm; phân tích, đánh giá rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp; xây dựng hệ thống quản lý về an toàn, vệ sinh lao động; nghiệp vụ công tác tự kiểm tra;

Kiến thức tổng hợp về sử dụng máy móc thiết bị, vật tư; những yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động. Ban hành hồ sơ xác định các mối nguy an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, thực hiện các chương trình bảo hiểm tự nguyện (100% kinh phí do công ty chi trả) bao gồm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe toàn diện (người lao động được khám chữa bệnh miễn phí tại các bệnh viện lớn trên cả nước với chế độ cao, được khám sức khỏe định kỳ).

Phát động phong trào hành động An toàn - Vệ sinh lao động: "Thúc đẩy công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động để phòng ngừa các tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp" nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục cho mỗi CBCNV hiểu biết và nâng cao ý thức trách nhiệm của mình đối với công tác AT-VSLĐ, đồng thời để đạt được mục tiêu "AN TOÀN - ĐỔI MỚI - HIỆU QUẢ".

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

CÁC CHÍNH SÁCH THỂ HIỆN SỰ QUAN TÂM RIÊNG ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG NỮ

Bình đẳng giới:

Đảm bảo chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi công bằng.

Cơ hội đào tạo, phát triển chuyên môn, cơ hội thăng tiến.

Thành lập Ban vì sự phát triển phụ nữ, quan tâm đến điều kiện làm việc, thu nhập, đời sống và gia đình nữ lao động trong Công ty.

Tổ chức hội nghị về bình đẳng giới, thăm hỏi động viên, tổ chức các hoạt động kỷ niệm như 20/10, ngày gia đình Việt Nam 28/6, ngày Vinaseed,...

Các vị trí phù hợp với nữ giới sẽ được ưu tiên trong tuyển dụng vì vậy, tỷ lệ nữ giới đối với các vị trí này khá cao: Kiểm nghiệm; kế toán, nhân sự hành chính 67%, nghiên cứu 48%.

Thực hiện đầy đủ chế độ thai sản, đảm bảo công việc sau khi nghỉ thai sản.

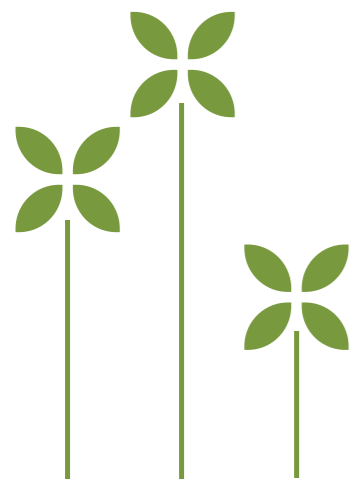
Hỗ trợ các nhân viên nữ trẻ tuổi, cho họ cơ hội học tập, mở rộng quan hệ và tầm hiểu biết.

Quan điểm hỗ trợ, chăm sóc trẻ cho người lao động:

Hỗ trợ tài chính: Chính sách hỗ trợ người lao động trong trường hợp gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, bản thân hoặc con cái ốm đau: mức hỗ trợ tối thiểu 5 triệu đồng/trường hợp. Đối với con cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn công ty sẽ hỗ trợ toàn bộ tiền học phí cho các con đến khi học xong phổ thông.

Chế độ thai sản trong chương trình bảo hiểm tự nguyện healthcare đảm bảo người lao động sinh con được hưởng các điều kiện chăm sóc y tế tốt nhất tại các bệnh viện lớn hoàn toàn miễn phí.

Đối với lao động nữ mang thai, nuôi con nhỏ công ty tạo điều kiện linh hoạt về thời gian làm việc, hạn chế đi công tác xa để thuận lợi cho việc chăm sóc con nhỏ, bố trí nghỉ thêm giờ trong ngày. Không bố trí các công việc nặng nhọc, nơi có khói bụi, độ cao, tiếng ồn lớn.



Bản dữ liệu nhân sự 2017:

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
GRI 400		
GRI 401: VIỆC LÀM		
Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	Số lượng tuyển mới Số lượng nghỉ việc	Tuyển dụng mới: 71 Nghỉ việc: 24, nghỉ hưu: 8
Phúc lợi ngoài lương		Chương trình bảo hiểm nhân thọ Chương trình bảo hiểm healthcare Chương trình thăm quan, học tập kinh nghiệm hàng năm, năm 2018: 7 đoàn thăm quan trong và ngoài nước với số lượt người tham gia: 605 lượt. Kinh phí: 4,48 tỷ đồng. Chương trình đào tạo hàng năm, công ty khuyến khích người lao động đi đào tạo, học tập nâng cao trình độ, được hưởng nguyên lương khi đi học, được xét nâng lương sau đào tạo từ ĐH lên cao học, tiến sỹ. Bảo hộ lao động cấp phát hàng năm theo vị trí, yêu cầu công việc. 5 triệu đồng/người.năm. Các chế độ lễ tết: Tết nguyên đán, tết dương lịch, ngày giỗ tổ, ngày 1/5, ngày 30/4, ngày quốc khánh, ngày 27/7, 22/12, tết thiếu nhi, trung thu, ngày sinh nhật, ngày 8/3, ngày 20/10. Chế độ ăn ca 1 triệu đồng/người.tháng. Thăm nom khi ốm đau. Hiếu hỷ: 1 triệu đồng/trường hợp. Hỗ trợ gia đình CBNV gặp khó khăn biến cố trong cuộc sống: 2 - 5 triệu đồng/trường hợp. CBNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn công ty sẽ hỗ trợ toàn bộ tiền học phí cho các con đến khi học xong phổ thông.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

Bản dữ liệu nhân sự 2017:

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
Phúc lợi ngoài lương		CBNV không may mắc bệnh hiểm nghèo, gia đình khó khăn cần sự hỗ trợ, công ty sẽ hỗ trợ tùy theo từng hoàn cảnh. Chế độ khi CBNV nghỉ hưu: ngoài chế độ theo quy định luật lao động, công ty chi trả 5 tháng lương đang nhận trước khi nghỉ hưu.

GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động.		55 người. (Công ty có Ban an toàn lao động, Ban ứng phó với các tình huống khẩn cấp, Tổ đội PCCC tại văn phòng và các đơn vị thành viên).
Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc.	Tổng số tai nạn lao động trong năm Tổng số vụ tai nạn tử vong Tổng số tai nạn thương tích phải nghỉ quá 3 ngày để hồi phục Tổng số ngày nghỉ do tai nạn	Không có
Số ngày làm việc trong 1 năm	Tính cả giờ làm thêm. Giả định 1 ngày làm việc 8h	Số ngày làm việc 1 năm: 250 - 260 ngày, số giờ làm thêm trung bình: 0 - 0,5 giờ

GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho nhân viên (đào tạo hội nhập, đào tạo theo luật pháp, đào tạo chuyên môn, đào tạo nâng cao...)	Danh sách tên khóa đào tạo đã thực hiện Thời điểm đào tạo của từng khóa Thời lượng đào tạo cho từng khóa (theo số giờ) Số lượt người tham gia đào tạo từng khóa	Trong năm 2018 đã thực hiện được 48 khóa đào tạo; Tổng số lượt CB đào tạo: 733 lượt CB
--	--	--

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
Cơ cấu trình độ	Trên đại học Đại học, cao đẳng Trung cấp, dạy nghề PTTH và lao động phổ thông khác	Trên đại học: 6% Đại học: 72% Trung cấp, dạy nghề: 10% PTTH và lao động phổ thông khác: 12%

GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

Có bao nhiêu khiếu nại từ nhân viên trong năm 2018. Tình trạng giải quyết (nếu có).		Không có
Công ty có hoạt động nào để thúc đẩy sự bình đẳng nam nữ không (về thu nhập, điều kiện làm việc, điều kiện sức khỏe...)		Đảm bảo chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi công bằng. Cơ hội đào tạo, phát triển chuyên môn, cơ hội thăng tiến. Thành lập Ban vì sự phát triển phụ nữ, quan tâm đến điều kiện làm việc, thu nhập, đời sống và gia đình nữ lao động trong Công ty. Tổ chức hội nghị về bình đẳng giới, thăm hỏi đồng viên, tổ chức các hoạt động kỷ niệm như 20/10, ngày gia đình Việt Nam 28/6, ngày Vinaseed,...
		Các vị trí phù hợp với nữ giới sẽ được ưu tiên trong tuyển dụng vì vậy, tỷ lệ nữ giới đối với các vị trí này khá cao: Kiểm nghiệm; kế toán, nhân sự hành chính 67%, nghiên cứu 52%. Hỗ trợ các nhân viên nữ trẻ tuổi, cho họ cơ hội học tập, mở rộng quan hệ và tầm hiểu biết. Tuân thủ pháp luật đối với lao động nữ.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

Bản dữ liệu nhân sự 2017:

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
GRI 406: KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ		Tôn trọng sự khác biệt và phải đảm bảo đối xử công bằng đối với tất cả nhân viên. Không sử dụng các yếu tố về dân tộc, tôn giáo, giới tính, tuổi tác, ngoại hình, hoàn cảnh gia đình trong việc đánh giá, xếp loại lao động. Khuyến nghị người lao động không bình phẩm về đời tư của người khác trong công ty.
GRI 407: TỰ DO LẬP HỘI/QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ		Công đoàn, Chi bộ Đảng, Hội phụ nữ, đoàn thanh niên, Hội người cao tuổi, Hội hưu trí. Công ty hỗ trợ một phần chi phí hoạt động đối với các tổ chức đoàn thể trong công ty.
GRI 408: LAO ĐỘNG TRẺ EM	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em.	Có trường hợp lao động trẻ em tại công ty hoặc Nhà cung cấp được phát hiện không?
GRI 409: LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc.	Không có trường hợp nào vi phạm việc lạm dụng lao động trẻ em trong công ty và đối với nhà cung cấp. Công ty yêu cầu nhà cung cấp phải ký biên bản cam kết tuân thủ nghiêm túc trong sử dụng lao động, bảo vệ môi trường và đạo đức kinh doanh.
		Không có trường hợp lao động cưỡng bức tại công ty hoặc Nhà cung cấp được phát hiện không?



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)



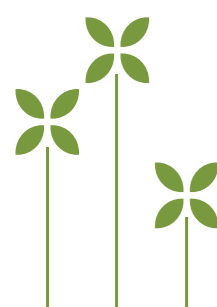
HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Nông nghiệp, Vinaseed luôn nhận thức được rõ ràng những tác động của môi trường đến cuộc sống của Con người và hiệu quả của hoạt động kinh doanh. Trong mọi hoạt động, Vinaseed đều hướng đến trách nhiệm của mình với môi trường, thể hiện qua việc gìn giữ môi trường tại nơi làm việc, môi trường sống của cộng đồng dân cư xung quanh, với những tiêu chuẩn khắt khe về quản lý hoạt động sản xuất, tiết kiệm tối đa các nhiên liệu sạch, vật liệu tái chế trong bảo quản, chế biến và đóng gói hàng hóa.

Giải pháp R&D:

Nghiên cứu, chọn tạo giống mới: Vinaseed nỗ lực và đã thành công trong định hướng phát triển đến các dòng sản phẩm xanh, những sản phẩm có khả năng chống chịu với sâu bệnh, sinh trưởng và phát triển được ở cả những vùng có điều kiện canh tác và khí hậu khắc nghiệt.

Giải pháp canh tác: Quy trình sản xuất hữu cơ bền vững kết hợp với các quy trình canh tác tổng hợp, tập trung, tưới tiêu kiệm nước SRI (3 giảm, 3 tăng) sẽ giảm thiểu tác động tới môi trường trong sản xuất và tạo ra các dòng sản phẩm sạch an toàn với sức khỏe người tiêu dùng. Các dự án Nông nghiệp công nghệ cao (Hà Nam, Khoái Châu, Ba Vì) được triển khai sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch, hữu cơ, không sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu đảm bảo sự phát triển nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.



- Trồng trong nhà kính ngăn côn trùng, sâu bệnh xâm nhập.
- Sử dụng màng phủ Ginagar tạo ánh sáng khuếch tán đồng đều, ngăn tia UV, chống hiện tượng sương nhỏ giọt trên cây trồng hạn chế phát sinh nấm bệnh.
- Bạt lót sàn màu trắng phản quang đến mặt dưới của lá giúp cây tăng thêm quang hợp, ngăn cản sự phát triển của sâu bệnh gây hại.
- Cây được trồng trên giá thể vô trùng, gồm mùn phân hữu cơ, phân xanh và đặt trên các khay cách ly chống nhiễm bệnh chéo.
- Nguồn nước được đưa qua 2 hồ lắng và qua hệ thống lọc để đảm bảo độ sạch.
- Phòng chống nấm bệnh bằng giải pháp điều khiển độ ẩm dưới ngưỡng phát triển của nấm bệnh.
- Cam kết 100% sản phẩm nông sản không sử dụng thuốc bảo quản.
- Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công ty đang áp dụng:

Sản phẩm	Tiêu chuẩn
Giống cây trồng	QCVN/2011/BNN
Gạo thương phẩm	Chứng chỉ HACCP. Được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 5603:2008 CAC/RCP1-1969 Rev.4-2003
Dưa lưới, rau	Chứng nhận GlobalGap số 1805/QDCN-IQC-GG

- Trong thiết kế nhà máy, văn phòng làm việc và lắp đặt công nghệ công ty đặc biệt chú ý đến yếu tố lấy sáng tự nhiên, thông gió và lựa chọn các công nghệ hiện đại tiết kiệm năng lượng và nguyên vật liệu (chú trọng kiến trúc đón ánh sáng và thông gió, sử dụng thiết bị điện tiết kiệm: đèn led,... , công tác bảo trì, bảo dưỡng, thay thế được thực hiện thường xuyên để máy móc vận hành trơn tru, hiệu suất sử dụng cao. Sử dụng tiết kiệm điện nước. Chú ý đến yếu tố cây xanh, cảnh quan, môi trường văn phòng nhà máy.
- Lập kế hoạch vận hành máy móc thiết bị tiêu thụ điện năng lớn ngoài giờ cao điểm.
- Thay đổi cấu trúc bao bì, chuyển đổi sử dụng nguyên liệu tái chế, bao bì tái sử dụng nhiều lần hoặc dễ phân hủy, ít độc hại.
- Các chất thải trong quá trình sản xuất chủ yếu là phụ phẩm, phế phẩm trong quá trình chế biến đóng gói (lõi ngô, trấu, kẹ) một phần được chuyển thành nhiên liệu phục vụ lò sấy, phần lớn được các bên thu mua làm phân bón và thức ăn chăn nuôi nên không tác động đến môi trường.
- Lựa chọn công nghệ mới, hiện đại trong sản xuất kinh doanh, hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao, hạn chế chất thải, khí thải ra môi trường.

Hàng năm công ty triển khai hoạt động 1 đổi 1 vì môi trường tại các địa phương trong cả nước để thu gom rác thải đối lấy sản phẩm của công ty, hoạt động dọn vệ sinh đường phố, đồng ruộng của Đoàn Thanh niên từ đó tạo môi trường sạch đẹp.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

Bảng dữ liệu về môi trường 2017

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
GRI 300: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG		
GRI 302: NĂNG LƯỢNG		
Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	Tổng lượng nhiên liệu tiêu thụ mà công ty sử dụng trong năm 2018: Điện, Xăng, dầu DO, FO, Than, trấu, củi... (theo kg hoặc lít)	Điện: 830.251 kWh Xăng: 8.331 lít Dầu DO: 0 FO: 0 Than: 28,03 tấn Trấu: 683.188,92 kg Củi: 0
Giảm tiêu hao năng lượng	Các số liệu liên quan đến tiết giảm sử dụng năng lượng trong công ty so với trước	Công ty đã phát động phong trào tiết kiệm trong toàn công ty, do vậy đã giảm thiểu được tỷ lệ sử dụng xăng, than 12%. Thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, đặc biệt là việc sử dụng nguyên nhiên vật liệu. Trước các vụ sản xuất, các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất đều được xây dựng kế hoạch, định mức tiêu hao cụ thể, trong quá trình sẽ được điều chuyển và phân phối để các cơ sở thực hiện chế biến sản phẩm. Việc kiểm soát được thực hiện hằng ngày dựa trên hệ thống báo cáo quản trị, do đó các yếu tố đầu vào luôn được kiểm soát chặt chẽ tránh lãng phí.
GRI 303: NƯỚC		
Lượng nước đầu vào theo nguồn	Lượng nước sử dụng trong năm: Nước máy Nước sông, kênh, mương Nước mưa Nước ngầm <i>Lưu ý: Tính cho tất cả các chi nhánh, văn phòng, trại, địa điểm sản xuất kinh doanh trực thuộc công ty</i>	Lượng nước sử dụng trong năm: Nước máy: 7329 m3 /năm Nước sông, kênh mương: 20 triệu m3/ năm Nước mưa: 10 triệu m3/ năm Nước ngầm: 2 triệu m3/ năm

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
Tuần hoàn và tái sử dụng nước	Các biện pháp để tuần hoàn/ tái sử dụng nước ở công ty Lượng nước tiết kiệm/ tái sử dụng được	Các biện pháp tuần hoàn/ tái sử dụng nước: Nước thải chủ yếu là nước sinh hoạt thải theo hệ thống thoát nước khu công nghiệp, khu dân cư; cán bộ nhân viên đều có ý thức sử dụng nước tiết kiệm và hợp lý. Trong sản xuất, công ty áp dụng quy trình canh tác SRI, 3 giảm (nước, phân bón, thuốc trừ sâu), 3 tăng giúp tiết kiệm nước tưới, giảm lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ảnh hưởng đến môi trường. Ứng dụng sản xuất NN công nghệ cao điều khiển bằng Smart phone, hệ thống tưới nhỏ giọt giúp tối ưu quá trình sản xuất, tiết kiệm nước tưới, thuốc bảo vệ thực vật và công lao động.
GRI 304: ĐA DẠNG SINH HỌC		
Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học	Mô tả dựa trên các bản DTM hoặc các kết luận của cơ quan quản lý môi trường	Sản xuất nông nghiệp tại các vùng không tác động lớn đến thay đổi cơ cấu cây trồng và có tính toán đến yếu tố đa dạng sinh học cho khu vực xung quanh. (Ví dụ: không sản xuất 1 loại SP với diện tích quá lớn tại 1 địa phương, luân canh cây trồng theo vụ,...).
Mô tả các biện pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học cho khu vực xung quanh		Hoạt động 1 đổi 1 vì môi trường: Công ty phối hợp với các địa phương và bà con nông dân tổ chức các phong trào thu gom rác thải, vỏ bao bì đối lấy sản phẩm của công ty từ đó tạo môi trường sạch đẹp.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

Bảng dữ liệu về môi trường 2017

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
	Mô tả các biện pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học cho khu vực xung quanh	<p>Hoạt động dọn vệ sinh đường phố, đồng ruộng của đoàn thanh niên công ty phối hợp với đoàn thanh niên các xã phường được triển khai liên tục trong năm.</p> <p>Các dự án nghiên cứu của công ty để nghiên cứu các giống cây trồng có khả năng chịu hạn, lụt, mặn, chống chịu sâu bệnh để tiết kiệm nguồn tài nguyên đất, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.</p> <p>Các dự án Nông nghiệp công nghệ cao (Hà Nam, Khoái Châu, Ba Vì) tổ chức sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch, hữu cơ, không sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, an toàn cho cộng đồng và môi trường.</p>
GRI 305: PHÁT THẢI		
Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	<p>Câu hỏi thay thế: Kết quả quan trắc chất lượng khí thải (từ ống khói lò hơi) thải ra môi trường mới nhất, ghi rõ ngày tháng lấy mẫu và địa điểm lấy mẫu.</p> <p>(Bụi, NOx, SOx, Pb, CO, nhiệt độ, lưu lượng, phenol ... Đính kèm file kết quả)</p>	<p>Phân xưởng gạo: Bụi: 2,03 mg/m³, NOx: 0,72 mg/m³, SO₂: 0,08 mg/m³, CO: 2,34 mg/m³, CO₂: 751 mg/m³, Tiếng ồn: 66,4 dBA.</p> <p>Phân xưởng giống: Bụi: 2,14 mg/m³, NOx: 0,98 mg/m³, SO₂: 0,15 mg/m³, CO: 3,6 mg/m³, CO₂: 776 mg/m³, Tiếng ồn: 67,2 dBA.</p> <p>Kho: Bụi: 1,98 mg/m³, NOx: 0,62 mg/m³, SO₂: 0,13 mg/m³, CO: 3,8 mg/m³, CO₂: 771 mg/m³, Tiếng ồn: 52,4 dBA.</p>
Biện pháp giảm/ kiểm soát khí thải ra môi trường đang áp dụng		Giữ gìn văn phòng, nhà máy sạch sẽ, gọn gàng đặc biệt các khu vực chế biến, đóng gói, khu vực xe tải đi vào bốc dỡ hàng, tưới nước đường đi, phun rửa phương tiện, máy móc thiết bị định kỳ để giảm bụi, bẩn.

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
Biện pháp giảm/ kiểm soát khí thải ra môi trường đang áp dụng		Trong nhà máy chế biến: Sử dụng các xyclon hút bụi để hút toàn bộ bụi phát sinh trong quá trình chế biến; Khí thải lò đốt được thoát ra ngoài phía sau qua quạt hút gió tốc độ cao đưa qua bộ phận lọc bụi xyclon bụi trong phòng kín và không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
GRI 306: NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI		
Tổng lượng nước thải theo chất lượng và địa điểm	Lượng nước thải từ hoạt động sản xuất tại những cơ sở hoạt động chính (tính theo mét khối)	<p>Lượng nước thải:</p> <p>Nước thải sản xuất: Quá trình chế biến không sử dụng nước.</p> <p>Nước thải sinh hoạt: 7.125 m³ /năm.</p>
Sự cố tràn đáng kể	Sự cố tràn, đổ nước/ chất thải ra môi trường	Không có
Lượng chất thải rắn thải ra môi trường của tất cả cơ sở hoạt động chính của công ty (tấn), gồm: i. Chất thải thông thường (Rác sinh hoạt, rác Công nghiệp); ii. Chất thải nguy hại		<p>Chất thải thông thường: 60 tấn/ năm.</p> <p>Chất thải nguy hại: số lượng rất ít, được thu gom thông qua các đơn vị có chứng nhận được phép thu gom, xử lý chất thải nguy hại.</p>
Mô tả thêm các biện pháp nhằm giảm/ kiểm soát chất thải rắn thải ra môi trường (nếu có)		<p>Các chất thải trong quá trình sản xuất chủ yếu là phụ phẩm, phế phẩm trong quá trình chế biến đóng gói (lõi ngô, trấu, kẹ) một phần được chuyển thành nhiên liệu phục vụ lò sấy, phần lớn được các bên thu mua làm phân bón và thức ăn chăn nuôi.</p> <p>Đối với rác thải sinh hoạt khối văn phòng ký HĐ xử lý chất thải với công ty xử lý chất thải trong khu công nghiệp hoặc địa phương.</p>

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

Bảng dữ liệu về môi trường 2017

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
Kết quả quan trắc chất lượng nước thải mới nhất tại nơi hoạt động chính, ghi rõ ngày tháng lấy mẫu và địa điểm lấy mẫu.	Ghi rõ chỉ số cơ bản (pH, BOD, COD, Coliform, TSS..., đính kèm file kết quả đo)	PH: 7,64, BOD5 (mg/l): 42,2, COD (mg/l): 98,2, TSS (mg/l): 76. Tổng Dầu mỡ khoáng (mg/l): 0,4 Coliform (MPN/100ml) : 4400 NO3-_N (mg/l): 27,4 NH4+_N (mg/l): 4,3

GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG

307-1 Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường	Số lần xảy ra sự cố môi trường Số lần bị phạt do không tuân thủ luật pháp về MT Tổng số tiền phạt do những vi phạm về môi trường(nếu có) Các hình thức phạt không bằng tiền do những vi phạm về môi trường	Số lần xảy ra sự cố: 0 Tổng số tiền phạt do vi phạm: 0 Phạt khác do vi phạm môi trường: 0
--	--	---

GRI 308: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MÔI TRƯỜNG

Tổng chi phí đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường của công ty trong năm	Chi phí lương, quản lý, hoạt động, đào tạo và các thủ tục môi trường Chi phí xây dựng, bảo trì, cải tạo, bổ sung các công trình Bảo vệ môi trường Chi phí mua sắm phục vụ BVMT	10,8 tỷ đồng
---	--	--------------



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)



HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

10 tỷ đồng
Quỹ tấm lòng nhân ái

99 suất học bổng
Cho các cháu học sinh nghèo học giỏi tại các địa phương

2 vạn hecta
Diện tích sản xuất giống qua hình thức liên kết sản xuất với người nông dân

CÙNG VỚI HOẠT ĐỘNG SXKD, CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG - VINASEED THỰC HIỆN NHỮNG CHƯƠNG TRÌNH ĐẦY Ý NGHĨA THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG

Công tác thiện nguyện:

Công ty có thành lập Quỹ tấm lòng nhân ái với vốn điều lệ đạt 10 tỷ đồng để tham gia các hoạt động từ thiện, các hoạt động công đồng:

Ngày 21/8/2018, đại diện Lãnh đạo công ty, Công đoàn phối hợp với Thành Đoàn Hà Nội tổ chức trao học bổng cho 48 học sinh. Trị giá mỗi suất học bổng là 3.000.000đ/học sinh.

Ngày 28/8/2018, đại diện lãnh đạo công ty, Công đoàn, phòng Marketing, phòng NSHC, phòng KD2, Huyện đoàn Vĩnh Tường tổ chức trao học bổng cho 25 em học sinh của huyện. Trị giá mỗi suất học bổng 3.000.000đ/học sinh và 10 cuốn vở.

Ngày 26/9/2018 Chi nhánh Vinh phối hợp với huyện đoàn Thanh Chương trao 18 suất học bổng năm học 2017-2018 và 7 suất học bổng năm 2018-2019 cho các em học sinh nghèo, học giỏi của huyện Thanh Chương. Trị giá mỗi suất học bổng 6.000.000đ/học sinh/năm.

Chi nhánh Hà Nam phối hợp với tỉnh đoàn Hà Nam trao thẩm định hồ sơ và trao 1 suất học bổng cho học sinh nghèo học giỏi, trị giá suất học bổng 12.000.000đ/học sinh/năm.

Đặc biệt, với mục tiêu hướng tới phát triển bền vững, Công ty triển khai các dự án nghiên cứu để nghiên cứu các giống cây trồng có khả năng chịu hạn, lụt, mặn, chống chịu sâu bệnh để tiết kiệm nguồn tài nguyên đất, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón. Tổ chức các hoạt động 1 đổi 1 vì môi trường: Công ty phối hợp với các địa phương và bà con nông

dân tổ chức các phong trào thu gom rác thải đối lấy sản phẩm của công ty từ đó tạo môi trường sạch đẹp.

Với diện tích sản xuất giống gần 2 vạn ha thông qua các hình thức liên kết sản xuất, người nông dân tham gia sản xuất tại công ty được chuyển giao khoa học công nghệ, đào tạo nghề miễn phí, ứng trước vật tư phân bón từ đó chủ động trong sản xuất, có việc làm ổn định và tăng thu nhập, thay đổi cách thức sản xuất tự cung tự cấp quy mô nhỏ sang tổ chức hàng hóa, quy mô lớn, xây dựng nên các làng nghề công nghệ.



Các dự án, chương trình, hoạt động liên quan đến cải thiện, nâng cao các vấn đề xã hội triển khai tại Công ty năm 2017:

- Dự án nghiên cứu chọn tạo và phát triển giống lúa thuần năng suất và chất lượng cao phù hợp với các tỉnh phía Bắc, Duyên hải Nam trung bộ - dự án thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Dự án Xây dựng mô hình nâng cao thu nhập của người dân thông qua liên kết tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ hạt giống lúa lai F1 và lúa thuần chất lượng cao phục vụ nội tiêu và xuất khẩu quy mô tập trung phục vụ xây dựng nông thôn mới tại 4 xã xây dựng nông thôn mới: Định Hòa (Yên Định, Thanh Hóa); Yên Khang (Ý Yên, Nam Định); Nguyên Xá (Vũ Thư, Thái Bình); Quang Hưng (Tứ Kỳ, Hải Dương) - Dự án thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- Với diện tích sản xuất giống gần 2 vạn ha thông qua các hình thức liên kết sản xuất, người nông dân tham gia sản xuất tại công ty được chuyển giao khoa học công nghệ, đào tạo nghề miễn phí, ứng trước vật tư phân bón từ đó chủ động trong sản xuất, có việc làm ổn định và tăng thu nhập, thay đổi cách thức sản xuất tự cung tự cấp quy mô nhỏ sang tổ chức hàng hóa, quy mô lớn, xây dựng nên các làng nghề công nghệ.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

Bảng dữ liệu về xã hội năm 2018:

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
GRI 400: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN XÃ HỘI		
GRI 411: QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA		
Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	Có bao nhiêu khiếu nại của người bản địa , hoặc vi phạm quyền người bản địa trong năm 2018? Tình trạng giải quyết (nếu có)?	Không có
Số lần họp với cộng đồng xung quanh	Họp với BQL KCN Họp với Ủy ban ND quận (huyện), phường (xã), thôn (xóm) Họp trực tiếp với cộng đồng dân cư xung quanh Họp với Cơ quan, tổ chức, nhóm đối tượng khác (ghi rõ)	Họp với BQL KCN: 5 Họp với Ủy ban ND quận (huyện), phường (xã), thôn (xóm): 12 lần. Nội dung họp liên quan đến các hoạt động phổ biến chính sách, quy định mới, phối hợp trong công tác an ninh trật tự tại địa phương và khu công nghiệp.
GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG		
Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	Liệt kê tên các chương trình từ thiện, cộng đồng mà công ty tham gia. Tổng số tiền tài trợ cho các chương trình?	Công ty có thành lập Quỹ tấm lòng nhân ái với vốn điều lệ đạt 10 tỷ đồng để tham gia các hoạt động từ thiện, các hoạt động công đồng: Ngày 21/8/2018, đại diện Lãnh đạo công ty, Công đoàn, Phòng NSHC, Phòng MARKETING phối hợp với Thành Đoàn Hà Nội tổ chức trao học bổng cho 48 học sinh. Trị giá mỗi suất học bổng là 3.000.000đ/học sinh. Ngày 28/8/2018, đại diện lãnh đạo công ty, Công đoàn, phòng Marketing, phòng NSHC, phòng KD2, Huyện đoàn Vĩnh Tường tổ chức trao học bổng cho 25 em học sinh của huyện. Trị giá mỗi suất học bổng 3.000.000đ/học sinh và 10 cuốn vở.

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	Liệt kê tên các chương trình từ thiện, cộng đồng mà công ty tham gia. Tổng số tiền tài trợ cho các chương trình?	Ngày 26/9/2018 Chi nhánh Vinh phối hợp với huyện đoàn Thanh Chương trao 18 suất học bổng năm học 2017-2018 và 7 suất học bổng năm 2018-2019 cho các em học sinh nghèo, học giỏi của huyện Thanh Chương. Trị giá mỗi suất học bổng 6.000.000đ/học sinh/năm. Chi nhánh Hà Nam phối hợp với tỉnh đoàn Hà Nam trao thẩm định hồ sơ và trao 1 suất học bổng cho học sinh nghèo học giỏi, trị giá suất học bổng 12.000.000đ/học sinh/năm. Đặc biệt, với mục tiêu hướng tới phát triển bền vững, Công ty triển khai các dự án nghiên cứu để nghiên cứu các giống cây trồng có khả năng chịu hạn, lụt, mặn, chống chịu sâu bệnh để tiết kiệm nguồn tài nguyên đất, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón. Tổ chức các hoạt động 1 đổi 1 vì môi trường: Công ty phối hợp với các địa phương và bà con nông dân tổ chức các phong trào thu gom rác thải đối lấy sản phẩm của công ty từ đó tạo môi trường sạch đẹp.
413-2	Những hoạt động có thể tác động tiêu cực hoặc đã gây tác động tiêu cực đáng kể với cộng đồng và địa phương	Các hoạt động của công ty Không có

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

Bảng dữ liệu về xã hội năm 2018:

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
GRI 416: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG		
Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ		Các sản phẩm gạo và nông sản của công ty được sản xuất theo tiêu chuẩn HACCP, Global Gap, organic, được sản xuất chế biến trên hệ thống dây chuyền, máy móc thiết bị của Nhật, CHLB Đức, Đan Mạch, sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu thị trường Nhật Bản và EU. Công ty thực hiện mua bảo hiểm cho các đối tác, khách hàng đến làm việc tại trụ sở công ty.
Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động	Tổng số vụ khiếu nại hoặc sự cố liên quan đến khách hàng Số vụ mất an toàn thực phẩm khi đưa sản phẩm ra thị trường Số vụ thu hồi sản phẩm do lỗi chất lượng hoặc an toàn thực phẩm	Không có
GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU		
Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ	Số vụ vi phạm về việc ghi thông tin và nhãn sản phẩm	Không có
Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị	Số vụ vi phạm liên quan đến truyền thông và tiếp thị	Không có
Liệt kê các tiêu chuẩn/chứng nhận tự nguyện mà công ty đã đạt được	Tiêu chuẩn ATTP Tiêu chuẩn Môi trường Tiêu chuẩn An toàn, xã hội Tiêu chuẩn khác	Chứng nhận Global Gap sản phẩm dưa lưới Gạo sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5603:2008 CAC/RCP1-1969 Rev.4-2003 (HACCP). Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của ISO/IEC 17025:2005; lĩnh vực: Sinh/ mã số VILAS 571.

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
GRI 418: QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG		
Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng		Không có
GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ- XÃ HỘI		
Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội	Tổng số vụ vi phạm liên quan đến các vấn đề quyền con người/ lao động/ an toàn/ xã hội; Tổng số tiền phạt Các hình thức phạt không bằng tiền bị áp dụng	Không có





BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2018

Thông tin chung

Báo cáo của ban tổng giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



THÔNG TIN CHUNG

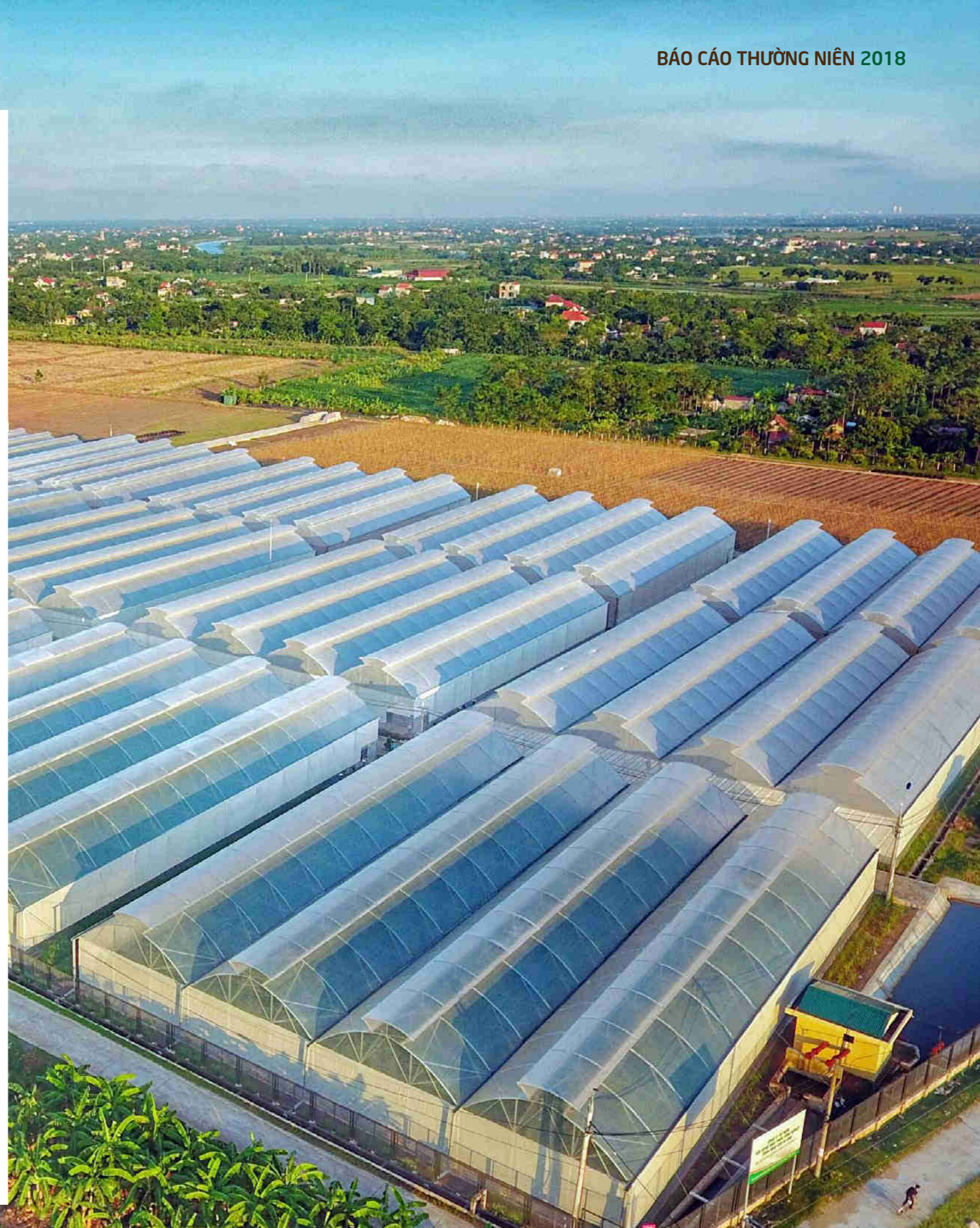
CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương, là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 1 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và có các đơn vị trực thuộc sau:

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ - Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội



THÔNG TIN CHUNG (tt)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:



Bà Trần Kim Liên
Chủ tịch



Bà Lê Thị Lệ Hằng
Phó Chủ tịch



Ông Trần Đình Long
Thành viên



Ông Nguyễn Khắc Hải
Thành viên



Ông Đỗ Bá Vọng
Thành viên



Bà Nguyễn Thị Trà My
Thành viên



Ông Nguyễn Quang Trường
Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:



Ông Nguyễn Khánh Quỳnh
Trưởng Ban



Ông Đỗ Tiến Sỹ
Thành viên



Ông Nguyễn Tuấn Anh
Thành viên
Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018



Bà Vũ Thị Lan Anh
Thành viên
Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

THÔNG TIN CHUNG (tt)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:



Bà Trần Kim Liên
Tổng Giám đốc



Ông Đỗ Bá Vọng
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Hải Thọ
Phó Tổng Giám đốc



Ông Dương Quang Sáu
Phó Tổng Giám đốc
bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2019



Ông Nguyễn Quang Trường
Phó Tổng Giám đốc



Ông Phạm Trung Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (tên trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Trần Kim Liên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61201380/20160383 - HN

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (tên trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương) ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1575-2018-004-1

Trần Thu Hà
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 2499-2018-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B01-DN/HN
Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đơn vị tính: VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		876.654.762.261	872.046.782.884
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	284.863.979.715	188.247.233.905
111	1. Tiền		205.213.979.715	175.747.233.905
112	2. Các khoản tương đương tiền		79.650.000.000	12.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	2.856.095.900	707.363.800
121	1. Chứng khoán kinh doanh		636.162.000	731.612.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(180.066.100)	(24.248.200)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.400.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		237.329.069.530	356.649.255.955
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	194.369.465.998	301.545.300.298
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	38.544.607.767	32.281.005.202
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	11.986.396.629	30.533.389.445
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1, 8	(7.571.400.864)	(7.711.158.196)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	719.206
140	IV. Hàng tồn kho	10	345.021.765.287	316.603.150.792
141	1. Hàng tồn kho		353.579.281.258	323.502.208.445
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.557.515.971)	(6.899.057.653)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.583.851.829	9.839.778.432
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	4.912.976.948	6.977.586.575
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.511.852.317	2.722.722.426
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		159.022.564	139.469.431

B01-DN/HN
Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đơn vị tính: VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		684.543.805.034	689.374.716.273
220	I. Tài sản cố định		480.397.357.299	471.536.085.635
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	272.752.908.963	261.237.076.334
222	Nguyên giá		475.465.947.595	436.265.861.222
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(202.713.038.632)	(175.028.784.888)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	207.644.448.336	210.299.009.301
228	Nguyên giá		232.179.691.187	231.117.691.187
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(24.535.242.851)	(20.818.681.886)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		13.193.010.235	13.228.911.424
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	13.193.010.235	13.228.911.424
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	15	26.049.020.000	13.333.640.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26.049.020.000	13.333.640.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		164.904.417.500	191.276.079.214
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	9.095.495.376	11.301.121.781
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	30.3	3.249.829.739	2.336.308.133
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.005.116.230	-
269	4. Lợi thế thương mại	16	151.553.976.155	177.638.649.300
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.561.198.567.295	1.561.421.499.157

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

B01-DN/HN
Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đơn vị tính: VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		508.604.518.070	502.150.112.743
310	I. Nợ ngắn hạn		397.693.718.394	461.448.578.292
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	100.290.893.103	100.249.655.109
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	51.547.686.494	103.105.984.669
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	10.936.927.137	9.417.207.157
314	4. Phải trả người lao động		30.235.341.459	41.108.807.777
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	9.386.827.253	7.619.944.397
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		328.878.000	337.530.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	86.241.608.826	43.929.776.045
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	21	81.253.352.792	137.032.781.260
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		27.472.203.330	18.646.891.878
330	II. Nợ dài hạn		110.910.799.676	40.701.534.451
337	1. Phải trả dài hạn khác		150.242.000	129.095.000
338	2. Vay và nợ dài hạn	21	77.764.047.998	7.165.026.040
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.3	32.996.509.678	33.407.413.411

B01-DN/HN
Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đơn vị tính: VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	22	1.052.594.049.225	1.059.271.386.414
410	I. Vốn chủ sở hữu		175.869.880.000	152.950.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu			
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		175.869.880.000	152.950.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ		(50.000.000)	(40.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		361.419.776.103	304.975.948.390
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		102.133.331.443	135.386.025.237
421a	(Lỗ)/lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(3.379.266.686)	35.015.314.759
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		105.512.598.129	100.370.710.478
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		81.975.533.829	134.753.884.937
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.561.198.567.295	1.561.421.499.157

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

B02-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.693.435.626.606	1.602.980.742.843
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	88.055.619.526	90.378.026.742
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	24.1	1.605.380.007.080	1.512.602.716.101
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	1.032.379.596.885	951.883.806.340
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		573.000.410.195	560.718.909.761
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	7.145.379.211	10.889.225.050
22	7. Chi phí tài chính		23.965.500.796	17.711.556.501
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	26	<i>12.165.515.463</i>	<i>7.651.206.285</i>
25	8. Chi phí bán hàng	27	128.864.289.700	126.528.473.823
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	151.273.050.901	175.133.574.358
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		276.042.948.009	252.234.530.129
31	11. Thu nhập khác	28	3.769.185.948	7.450.383.638
32	12. Chi phí khác	28	2.996.118.343	4.088.941.536
40	13. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		773.067.605	3.361.442.102
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		276.816.015.614	255.595.972.231
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	25.438.833.555	19.592.526.093

B02-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
52	16. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.3	(1.324.425.339)	1.388.219.704
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		252.701.607.398	234.615.226.434
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		238.797.753.551	210.797.004.116
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22.1	13.903.853.847	23.818.222.318
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	13.588	10.659
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	13.588	10.659

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý



Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B03-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		276.816.015.614	255.595.972.231
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phần bổ lợi thế thương mại)		59.577.667.542	58.111.565.247
03	Các khoản dự phòng		1.695.665.886	5.240.182.530
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(13.546.934)	1.269.748.242
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.603.133.675)	(10.141.540.675)
06	Chi phí lãi vay		12.165.515.464	7.651.206.285
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		345.638.183.897	317.727.133.860
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		106.922.298.710	(97.807.311.874)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(30.077.072.813)	21.699.117.202
11	Tăng các khoản phải trả		7.220.338.595	86.030.266.499
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		4.270.236.032	(81.203.126)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		95.450.000	446.658.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(12.798.501.619)	(7.695.308.546)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(23.491.283.006)	(23.343.868.775)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(57.185.803.647)	(45.704.783.143)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		340.593.846.149	251.270.700.097
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(44.490.473.317)	(63.090.987.392)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		203.909.090	1.300.105.545

B03-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
24	Tiền thu hồi cho vay		-	200.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(189.574.028.318)	(62.932.763.670)
26	Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác		500.000.000	7.221.523.425
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.206.872.524	8.982.842.491
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(227.153.720.021)	(108.319.279.601)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(10.000.000)	(98.859.337.909)
33	Tiền thu từ đi vay		369.671.221.475	255.677.185.560
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(354.851.627.985)	(242.467.621.049)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(31.646.520.742)	(46.609.229.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(16.836.927.252)	(132.259.002.398)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		96.603.198.876	10.692.418.098
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		188.247.233.905	177.548.165.322
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		13.546.934	6.650.485
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	284.863.979.715	188.247.233.905

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (“Công ty”), tên trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương, là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 1 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

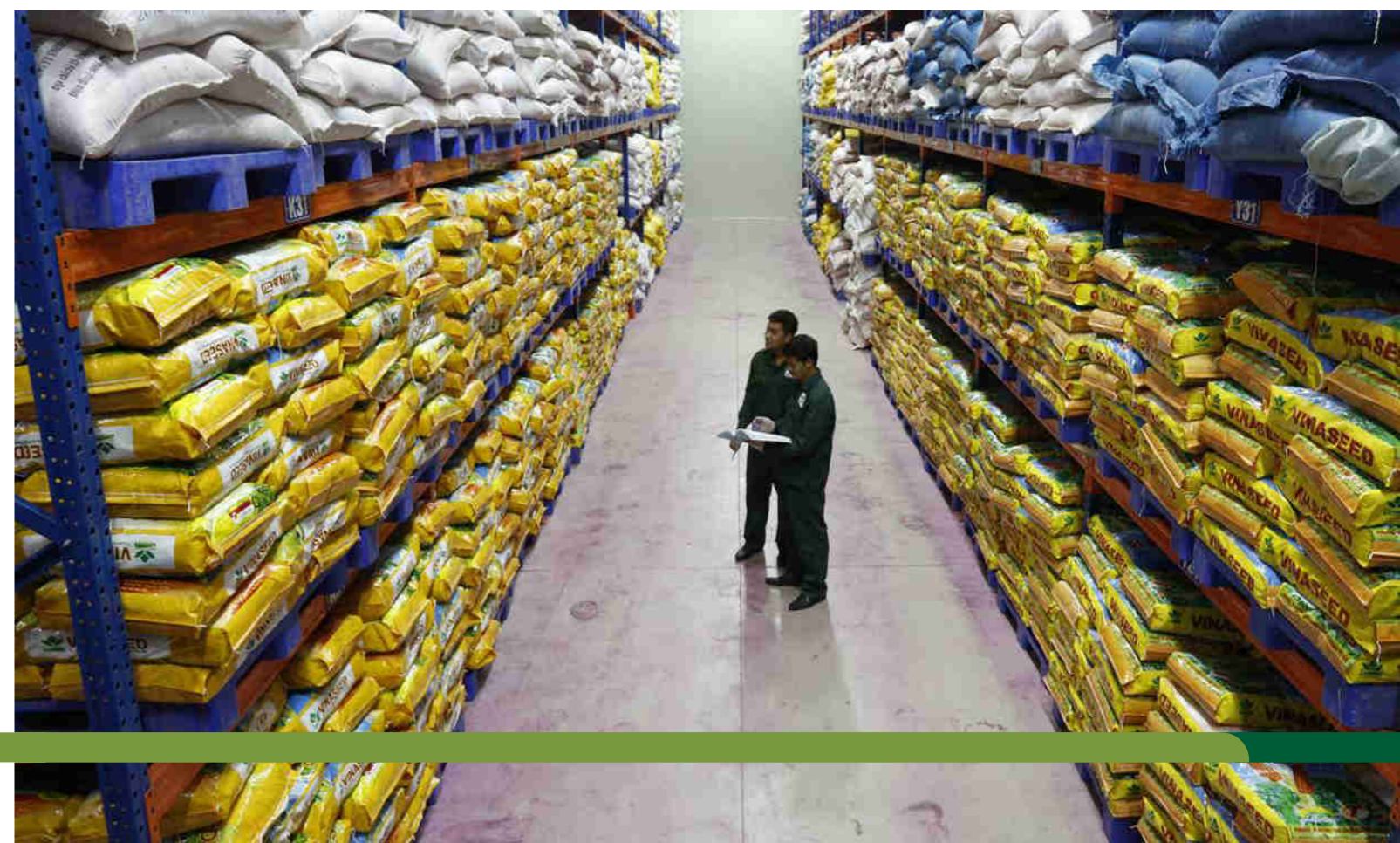
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và có các đơn vị trực thuộc sau:

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam- Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 719 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 712 nhân viên)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	Phường Phú Lãm, quận Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận.
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam (tên trước đây là "Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam")	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	94,66%	94,66%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	79,27%	83,74%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94%	94%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.

(*) Công ty nắm giữ công ty con này gián tiếp qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

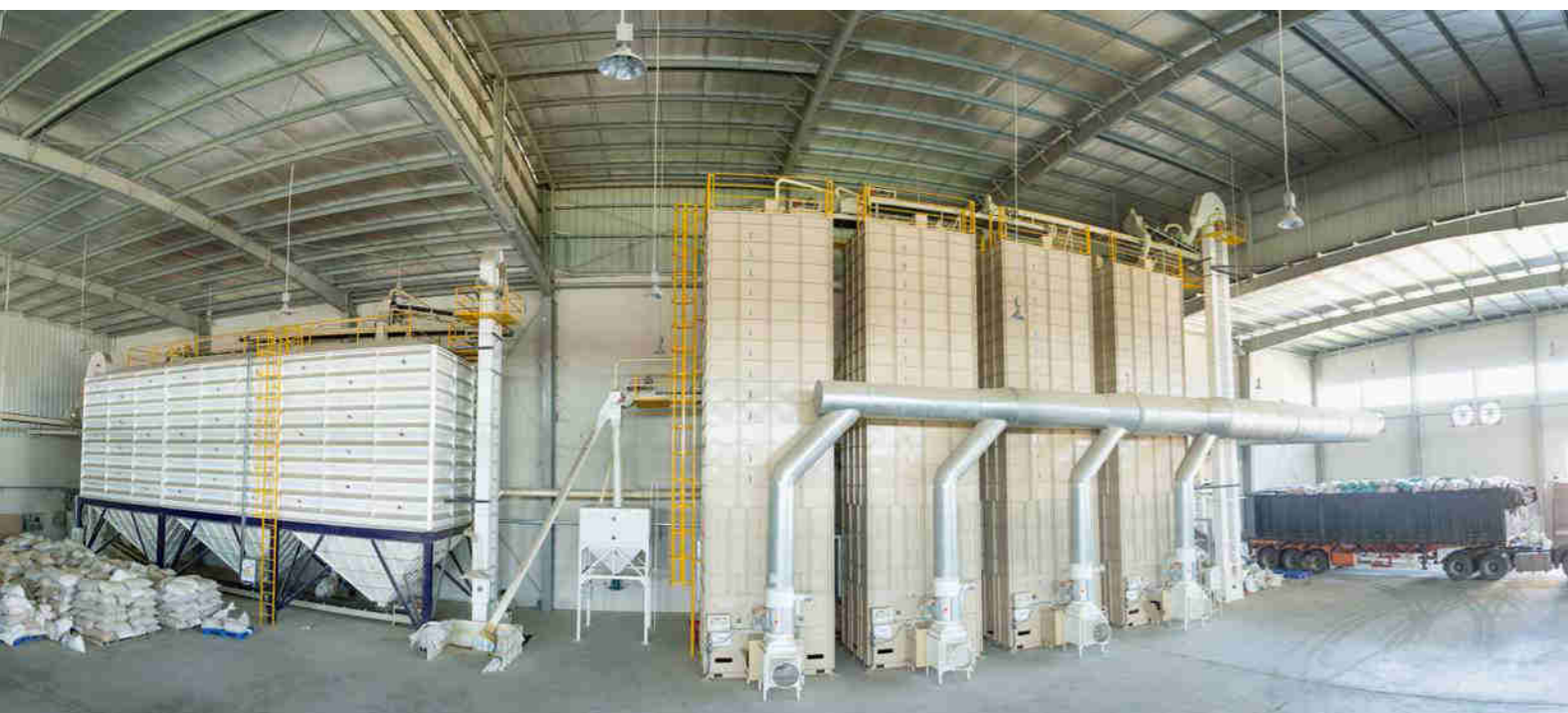
Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của Công ty thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	Giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống ngô và lúa được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty và các công ty con tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Bản quyền	2 - 5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 - 49 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho công nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty và các công ty con được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)



3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

3.22 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và các công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và các công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và các công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.



4. CÁC GIAO DỊCH MUA CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam

Trong năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 2.671.058 cổ phần của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam, một công ty con của Công ty. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty tại công ty con này tăng lên thành 94,66%.

Giá phí đã trả bằng tiền cho các giao dịch mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam là 187.174.028.318 VND. Phần chênh lệch giữa giá phí của khoản đầu tư thêm này và phần sở hữu tăng thêm trong giá trị tài sản thuần của công ty con này là 128.884.427.912 VND được Công ty ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.2 Giảm vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam

Trong năm 2018, Công ty đã chuyển nhượng một phần vốn góp được đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam với giá trị là 500.000.000 VND. Ngoài ra, các cổ đông khác của công ty này cũng đã góp bổ sung vốn điều lệ trong năm với giá trị 2.500.000.000 VND và theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty tại công ty con này giảm xuống còn 94%.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	17.581.312.941	13.955.917.214
Tiền gửi ngân hàng	187.632.666.774	161.791.316.691
Các khoản tương đương tiền (*)	79.650.000.000	12.500.000.000
TỔNG CỘNG	284.863.979.715	188.247.233.905

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất từ 4,3% đến 5,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2017: lãi suất từ 4,8% đến 5,5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh:								
• Cổ phiếu Công ty cổ phần Càng Rau Quả	20.533	636.162.000	456.095.900	(180.066.100)	24.733	731.612.000	707.363.800	(24.248.200)
TỔNG CỘNG	20.533	636.162.000	456.095.900	(180.066.100)	24.733	731.612.000	707.363.800	(24.248.200)

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm bằng VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và hưởng lãi suất từ 5,1% đến 6,7%/năm.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	148.216.086.000
Công ty Cổ phần Giống Nông nghiệp Điện Biên	7.641.542.000	10.591.406.000
Hợp tác xã Dịch vụ Nông Nghiệp Tổng hợp Hoa Sơn, Hà Giang	655.972.400	-
Trạm vật tư Nông nghiệp Chiêm Hoá	1.079.794.780	-
Doanh nghiệp tư nhân Nhung	1.373.145.065	3.868.322.050
Trung tâm giống tỉnh Quảng Ngãi	1.484.775.000	8.334.181.900
Phải thu từ khách hàng khác	182.134.236.753	130.535.304.348
TỔNG CỘNG	194.369.465.998	301.545.300.298
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.350.396.469)	(7.490.153.801)

7.2 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các nhà thầu xây dựng và người bán	7.494.525.612	4.512.683.080
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp	6.355.000.000	-
Công ty Cổ phần Trang Nông Lâm Viên	-	3.530.739.520
Trả trước cho nhà thầu xây dựng khác	1.139.525.612	981.943.560
Trả trước cho nhà cung cấp khác	31.050.082.155	27.768.322.122
Ông Trần Hoài Linh	2.760.000.000	-
Ban Quản lý Dự án Khu Công nghiệp Hà Nam	2.000.000.000	-
Hợp tác xã Hữu Nghị	2.327.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Khởi	1.820.422.245	-
Ông Phạm Quốc Thịnh	-	2.000.000.000
Ông Trần Văn Thuận	-	597.886.840
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	22.142.659.910	25.170.435.282
TỔNG CỘNG	38.544.607.767	32.281.005.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng chi phí hoạt động cho nhân viên	6.288.351.367	10.077.637.618
Ký cược, ký quỹ	3.284.000.000	776.116.230
Phải thu dự án	187.710.271	1.727.756.918
Đầu tư vào cổ phiếu	-	12.715.380.000
Phải thu khác	2.226.334.991	5.236.498.679
TỔNG CỘNG	11.986.396.629	30.533.389.445
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(221.004.395)	(221.004.395)

9. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

Đối tượng nợ	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Hợp tác xã Dịch Vụ Nông Nghiệp Đông Cửu	836.220.000	-	836.220.000	-
Công Ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nông Nghiệp Tài Lộc (CNB)	736.969.000	-	736.969.000	-
Công ty Thương Mại Dịch vụ Đăk Nông	605.937.458	-	605.937.458	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật tư Nông nghiệp Tây Bắc	-	-	336.815.587	-
Khách hàng khác	5.392.274.406	-	5.195.216.151	-
TỔNG CỘNG	7.571.400.864	-	7.711.158.196	-

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

Đối tượng nợ	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	303.451.594.784	(8.557.515.971)	257.084.963.181	(6.899.057.653)
Hàng hóa	17.462.094.078	-	29.119.769.997	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	29.246.090.465	-	32.743.755.014	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.527.380.104	-	3.363.870.378	-
Công cụ, dụng cụ	892.121.827	-	1.189.849.875	-
TỔNG CỘNG	353.579.281.258	(8.557.515.971)	323.502.208.445	(6.899.057.653)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.899.057.653	3.244.717.098
Dự phòng trích lập trong năm (*)	9.458.402.498	5.975.430.030
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(7.799.944.180)	(2.321.089.475)
Số cuối năm	8.557.515.971	6.899.057.653

(*) Trong năm, Công ty và các công ty con đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số chủng loại giống ngô và lúa không đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí bao bì, tem nhãn	3.920.247.670	6.415.687.950
Chi phí sửa chữa, cải tạo	248.428.117	250.457.142
Công cụ, dụng cụ	591.750.266	136.682.546
Khác	152.550.895	174.758.937
TỔNG CỘNG	4.912.976.948	6.977.586.575
Dài hạn		
Tiền thuê đất	5.166.057.200	6.217.464.994
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.212.607.177	3.309.587.364
Công cụ, dụng cụ	766.275.282	632.285.334
Khác	950.555.717	1.141.784.089
TỔNG CỘNG	9.095.495.376	11.301.121.781



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tt)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	259.717.968.877	123.109.796.328	43.141.406.809	5.234.786.909	5.061.902.299	436.265.861.222
Mua trong năm	27.827.541.476	5.708.946.024	4.029.448.900	-	-	37.565.936.400
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.655.152.741	-	-	-	-	5.655.152.741
Thanh lý	(3.101.801.000)	(140.184.000)	(779.017.768)	-	-	(4.021.002.768)
Số cuối năm	290.098.862.094	128.678.558.352	46.391.837.941	5.234.786.909	5.061.902.299	475.465.947.595
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	32.756.908.561	42.709.364.827	15.094.320.394	2.093.008.164	160.000.000	92.813.601.946
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	85.495.077.939	61.670.654.810	24.195.570.513	3.435.553.869	231.927.757	175.028.784.888
Khấu hao trong năm	15.456.457.767	10.032.332.935	3.456.196.570	672.774.789	287.711.028	29.905.473.089
Thanh lý	(1.375.701.736)	(80.105.160)	(765.412.449)	-	-	(2.221.219.345)
Số cuối năm	99.575.833.970	71.622.882.585	26.886.354.634	4.108.328.658	519.638.785	202.713.038.632
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	174.222.890.938	61.439.141.518	18.945.836.296	1.799.233.040	4.829.974.542	261.237.076.334
Số cuối năm	190.523.028.124	57.055.675.767	19.505.483.307	1.126.458.251	4.542.263.514	272.752.908.963

Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị thuộc nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gạo tại thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam làm tài sản thế chấp cho các khoản vay trung hạn từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai. Khoản vay đã được hoàn trả trong năm và Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để giải chấp các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	214.397.302.363	2.313.788.824	14.406.600.000	231.117.691.187
Mua mới trong năm	-	380.000.000	682.000.000	1.062.000.000
Số cuối năm	214.397.302.363	2.693.788.824	15.088.600.000	232.179.691.187
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	586.390.520	254.663.824	8.650.000.000	9.491.054.344
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	10.177.725.740	1.077.751.950	9.563.204.196	20.818.681.886
Hao mòn trong năm	2.334.402.704	393.845.775	988.312.486	3.716.560.965
Số cuối năm	12.512.128.444	1.471.597.725	10.551.516.682	24.535.242.851
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	204.219.576.623	1.236.036.874	4.843.395.804	210.299.009.301
Số cuối năm	201.885.173.919	1.222.191.099	4.537.083.318	207.644.448.336

Bao gồm trong giá trị Quyền sử dụng đất là giá trị khu đất tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ("Khu đất Lê Văn Sỹ"). Đây là khu đất của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam ("SSC"), một công ty con của Công ty, và đã được công ty này sử dụng một phần giá trị khu đất để góp vốn thành lập Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil ("Cantavil") theo Hợp đồng Liên doanh ngày 3 tháng 9 năm 2014 và các phụ lục Hợp đồng Liên doanh sau đó được ký với Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon - Thủ Đức ("Daewon-Thủ Đức"). Giá trị còn lại của khu đất sẽ được Cantavil chi trả bằng tiền cho SSC. Bên cạnh đó, SSC cũng đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng và các phụ lục hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong Cantavil cho Daewon-Thủ Đức và tiến độ của việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng này sẽ phụ thuộc vào các điều kiện được nêu tại hợp đồng chuyển nhượng cũng như một số điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, do việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ cũng như các điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp chưa được hoàn thành, SSC chưa ghi nhận việc bàn giao đất Khu đất Lê Văn Sỹ cho Cantavil cũng như chưa ghi nhận các lợi ích và chi phí liên quan từ việc thực hiện các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp nêu trên.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Củ Chi và Sơn La	11.903.862.672	11.903.862.672
Dự án Phương Mai - Nhà cao tầng	1.019.394.700	1.019.394.700
Công trình khác	269.752.863	305.654.052
TỔNG CỘNG	13.193.010.235	13.228.911.424



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình (i) (ii)	13.333.640.000	99.938	-	13.333.640.000	13.333.640.000	99.938	-	13.333.640.000
Đơn vị khác (i) (iii)	12.715.380.000	94.188	-	12.715.380.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	26.049.020.000		-	26.049.020.000	13.333.640.000		-	13.333.640.000

(i) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty sở hữu 10,03% cổ phần trong Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình.

(iii) Đây là khoản đầu tư vào cổ phiếu của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt và kinh doanh các sản phẩm giống cây trồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam và các công ty con của công ty này	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120	260.846.731.446
Số cuối năm	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120	260.846.731.446
Phân bổ lũy kế:				
Số đầu năm	18.589.961.097	713.995.568	63.904.125.481	83.208.082.146
Phân bổ trong năm	2.655.708.728	191.100.605	23.237.863.812	26.084.673.145
Số cuối năm	21.245.669.825	905.096.173	87.141.989.293	109.292.755.291
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	7.967.126.184	1.197.010.477	168.474.512.639	177.638.649.300
Số cuối năm	5.311.417.456	1.005.909.872	145.236.648.827	151.553.976.155



17. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà thầu xây dựng	3.664.066.840	3.664.066.840	925.509.673	925.509.673
Phải trả cho người bán	96.626.826.263	96.626.826.263	99.324.145.436	98.565.123.176
• Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc	62.783.814.475	62.783.814.475	47.926.968.424	47.926.968.424
• Phải trả đối tượng khác	33.843.011.788	33.843.011.788	51.397.177.012	50.638.154.752
TỔNG CỘNG	100.290.893.103	100.290.893.103	100.249.655.109	99.490.632.849

17.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon - Thủ Đức (*)	23.816.250.000	9.526.500.000
Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil (*)	16.183.750.000	30.473.500.000
Cửa hàng số 2 Lục Nam - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Bắc Giang	1.210.916.314	-
Người mua trả tiền trước khác	10.336.770.180	63.105.984.669
TỔNG CỘNG	51.547.686.494	103.105.984.669

(*) Như được trình bày tại Thuyết minh số 13, đây là các khoản được Cantavil và Daewon - Thủ Đức trả trước cho Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam theo các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các hợp đồng này chưa hoàn thành và Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam đang trong quá trình trao đổi với các đơn vị đối tác này về khả năng thực hiện các hợp đồng cũng như khả năng phải chấm dứt các hợp đồng trong thời gian tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	497.676.316	795.092.142	(816.623.211)	476.145.247
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.818.483.223	26.567.238.521	(23.491.283.006)	9.894.438.738
Thuế thu nhập cá nhân	2.101.047.618	11.253.853.965	(12.788.558.431)	566.343.152
Thuế khác	-	1.037.936.982	(1.037.936.982)	-
TỔNG CỘNG	9.417.207.157	39.654.121.610	(38.134.401.630)	10.936.927.137

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí mua bản quyền	3.877.921.600	5.147.552.667
Chi phí khuyến mãi, hoa hồng	2.952.954.450	-
Chi phí lãi vay phải trả	78.623.637	711.609.793
Chi phí phải trả khác	2.477.327.566	1.760.781.937
TỔNG CỘNG	9.386.827.253	7.619.944.397

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon - Thủ Đức (*)	14.289.750.000	-
Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil (*)	45.710.250.000	-
Cổ tức phải trả	894.018.610	24.887.550.310
Quỹ lương chưa thanh toán đã nộp thuế TNDN	15.648.588.179	10.255.178.149
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.299.996.750	2.299.996.750
Chi phí phải trả - Các dự án lúa	771.779.846	847.228.806
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, kinh phí công đoàn	33.472.000	1.071.559.340
Thù lao Hội đồng Quản trị	250.000.000	542.767.056
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	851.501.469	27.749.380
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.492.251.972	3.997.746.254
TỔNG CỘNG	86.241.608.826	43.929.776.045

Trong đó:

Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	17.206.875.000
Phải trả ngắn hạn đối tượng khác	86.241.608.826	26.722.901.045

(*) Đây là giá trị còn lại của Khu đất Lê Văn Sỹ và giá trị còn lại của Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp được các đối tác tự nguyện chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (mặc dù Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam chưa yêu cầu và Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam cũng không nhận được thông báo của các đối tác trước thời điểm nhận được số tiền này). Như được trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 17.2, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ cũng như các điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp chưa được hoàn thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

21. VAY VÀ NỢ

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	137.032.781.260	137.032.781.260	258.303.338.946	(314.082.767.414)	81.253.352.792	81.253.352.792
Vay ngân hàng ngắn hạn	129.270.045.310	129.270.045.310	256.765.617.804	(306.320.031.464)	79.715.631.650	79.715.631.650
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	7.762.735.950	7.762.735.950	1.537.721.142	(7.762.735.950)	1.537.721.142	1.537.721.142
Vay dài hạn	7.165.026.040	7.165.026.040	112.905.603.671	(42.306.581.713)	77.764.047.998	77.764.047.998
Vay ngân hàng dài hạn	7.165.026.040	7.165.026.040	5.905.603.671	(2.306.581.713)	10.764.047.998	10.764.047.998
Trái phiếu công ty	-	-	107.000.000.000	(40.000.000.000)	67.000.000.000	67.000.000.000
TỔNG CỘNG	144.197.807.300	144.197.807.300	371.208.942.617	(356.389.349.127)	159.017.400.790	159.017.400.790



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	79.715.631.650	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 20 tháng 6 năm 2019.	Không
TỔNG CỘNG	79.715.631.650		

21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	12.301.769.140	Hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Gốc vay thanh toán hàng quý theo lịch trả nợ của ngân hàng đối với từng giấy nhận nợ. Lãi thanh toán vào ngày 26 hàng tháng.	1.500.000 cổ phiếu SSC của Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam được sở hữu bởi Công ty.
TỔNG CỘNG	12.301.769.140		

Trong đó:

• Vay dài hạn đến hạn trả	1.537.721.142
• Vay dài hạn	10.764.047.998

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

21.3 Trái phiếu phát hành

Trái chủ	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	60.000.000.000	Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần tại thời điểm đáo hạn vào ngày 14 tháng 5 năm 2020. Lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần.	Không
Các cá nhân	7.000.000.000	Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần tại thời điểm đáo hạn vào ngày 14 tháng 5 năm 2020. Lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần.	Không
TỔNG CỘNG	67.000.000.000		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	266.787.107.432	139.897.046.908	194.835.982.685	1.085.675.664.875
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	210.797.004.116	23.818.222.318	234.615.226.434
Trích lập quỹ	-	-	-	57.288.707.153	(57.288.707.153)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(22.845.966.441)	(1.317.147.318)	(24.163.113.759)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2016	-	-	-	-	(22.925.292.000)	(731.250.000)	(23.656.542.000)
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận 2017	-	-	-	-	(22.925.292.000)	-	(22.925.292.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.709.391.110)	(105.937.191)	(1.815.328.301)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(19.099.866.195)	-	(2.178.609.986)	(21.278.476.181)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ kiểm soát trong công ty con do công ty con mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(42.162.689.836)	(56.696.648.073)	(98.859.337.909)
Tăng vốn góp tại công ty con	-	-	-	-	(44.198.301.446)	(18.734.462.224)	(62.932.763.670)
Thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	(2.789.202.527)	(2.789.202.527)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.252.385.801)	(1.347.062.747)	(2.599.448.548)
Số cuối năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	304.975.948.390	135.386.025.237	134.753.884.937	1.059.271.386.414

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.1 Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm nay							
Số đầu năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	304.975.948.390	135.386.025.237	134.753.884.937	1.059.271.386.414
Phát hành cổ phiếu (*)	22.919.880.000	-	-	-	(22.919.880.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	238.797.753.551	13.903.853.847	252.701.607.398
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(10.000.000)	-	-	-	(10.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	80.189.844.698	(80.189.844.698)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	-	(37.971.578.001)	(2.304.767.656)	(40.276.345.657)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017 (*)	-	-	-	-	(3.902.002)	(7.649.087.040)	(7.652.989.042)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(1.030.920.378)	(351.704.933)	(1.382.625.311)
Sử dụng quỹ (***)	-	-	-	(23.746.016.985)	-	(606.127.146)	(24.352.144.131)
Thay đổi sở hữu trong công ty con và thoái vốn công ty con	-	-	-	-	(128.884.427.912)	(55.289.600.406)	(184.174.028.318)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.049.894.354)	(480.917.774)	(1.530.812.128)
Số cuối năm	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	361.419.776.103	102.133.331.443	81.975.533.829	1.052.594.049.225

(*) Công ty đã trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2017 thông qua việc phát hành bổ sung 2.291.988 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu theo Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ2018 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty năm 2018 ngày 19 tháng 4 năm 2018. Phần cổ tức tương ứng số cổ phiếu lẻ đã được Công ty thanh toán bằng tiền mặt cho các cổ đông.

(**) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017 được thực hiện theo Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ2018 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty năm 2018 ngày 19 tháng 4 năm 2018.

(***) Công ty đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp	175.869.880.000	175.869.880.000	-	152.950.000.000	152.950.000.000	-
Vốn góp của Công ty Cổ phần PAN FARM	140.787.070.000	140.787.070.000	-	114.712.500.000	114.712.500.000	-
Các cổ đông khác	35.082.810.000	35.082.810.000	-	38.237.500.000	38.237.500.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850	-	331.245.527.850	331.245.527.850	-
TỔNG CỘNG	507.115.407.850	507.115.407.850	-	484.195.527.850	484.195.527.850	-

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	152.950.000.000	152.950.000.000
Tăng trong năm	22.919.880.000	-
Số cuối năm	175.869.880.000	152.950.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	22.923.782.000	45.850.584.000
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2017 (0,15 cổ phần/1 cổ phần hiện hữu)	22.919.880.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2017	3.902.000	-
Cổ tức cho năm 2017 (tạm chia): 1.500 đồng/cổ phiếu	-	22.925.292.000
Cổ tức cho năm 2016, đợt 2: 1.500 đồng/cổ phiếu	-	22.925.292.000

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	45.849.074.000	45.850.584.000
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2017 (0,15 cổ phần/1 cổ phần hiện hữu)	22.919.880.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2017	3.902.000	-
Cổ tức cho năm 2017: 1.500 đồng/cổ phiếu (*)	22.925.292.000	-
Cổ tức cho năm 2016: 3.000 đồng/cổ phiếu	-	45.850.584.000

(*) Đây là giá trị tạm ứng chia cổ tức cho năm 2017 được công bố theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 50/NQ-HĐQT-CTG ngày 22 tháng 12 năm 2017 và được phê duyệt chính thức theo Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ2018 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 19 tháng 4 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.4 Cổ phiếu

Đơn vị tính: VND

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	17.586.988	15.295.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	17.586.988	15.295.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	12.472	11.472
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	17.574.516	15.283.528
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba (VND)	762.740.055	762.740.055
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba (VND) (*)	35.206.848.108	127.710.132.000
Ngoại tệ các loại:		
Đô la Mỹ (USD)	11.603	11.668
Euro (EUR)	2.171	2.171
Nhân dân tệ (CNY)	10.096	93.673
Kíp Lào (LAK)	-	1.000.000
Nợ khó đòi đã xử lý	4.585.690.435	4.585.690.435

(*) Đây là hàng hóa của Cục Trồng trọt thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được Công ty nhận giữ hộ theo Hợp đồng mua bán hạt giống ngô, hạt giống lúa mua tăng dự trữ quốc gia năm 2018 số 01 HDMB/DTQG ngày 21 tháng 9 năm 2018 và các Hợp đồng bảo quản hạt giống lúa, ngô dự trữ quốc gia năm 2018.

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.693.435.626.606	1.602.980.742.843
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.689.051.250.715	1.597.752.355.946
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.384.375.891	5.228.386.897
Các khoản giảm trừ doanh thu	88.055.619.526	90.378.026.742
Chiết khấu thương mại	44.821.721.101	39.366.184.333
Hàng bán bị trả lại	39.230.525.745	41.412.429.849
Giảm giá hàng bán	4.003.372.680	9.599.412.560
Doanh thu thuần	1.605.380.007.080	1.512.602.716.101
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.600.995.631.189	1.507.374.329.204
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.384.375.891	5.228.386.897
Trong đó:		
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba	1.604.962.353.080	1.512.016.706.101
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	417.654.000	586.010.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

24. DOANH THU (tiếp theo)

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia	3.788.787.040	5.682.498.000
Lãi tiền gửi	2.410.220.968	2.018.791.007
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư tại công ty con	-	1.820.934.789
Hỗ trợ lãi vay vốn	176.467.769	1.289.418.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	754.456.824	77.583.254
Khác	15.446.610	-
TỔNG CỘNG	7.145.379.211	10.889.225.050

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	1.030.721.138.567	948.229.465.785
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho thuần	1.658.458.318	3.654.340.555
TỔNG CỘNG	1.032.379.596.885	951.883.806.340

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	12.165.515.463	7.651.206.285
Chiết khấu thanh toán	9.636.943.362	7.568.628.793
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.873.350.813	2.277.617.723
Lỗ thanh lý chứng khoán kinh doanh	-	34.733.500
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	155.817.900	24.248.200
Chi phí khác	133.873.258	155.122.000
TỔNG CỘNG	23.965.500.796	17.711.556.501

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí tiền lương, tiền công lao động	42.239.353.029	39.660.391.164
Chi phí vận chuyển	25.905.499.291	26.042.314.211
Chi phí khấu hao	2.196.548.924	5.461.575.415
Chi phí bán hàng khác	58.522.888.456	55.364.193.033
TỔNG CỘNG	128.864.289.700	126.528.473.823
Chi phí tiền lương, tiền công lao động	72.773.361.202	88.250.054.817
Phân bổ lợi thế thương mại trong năm	26.084.673.145	26.113.229.462
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	52.415.016.554	60.770.290.079
TỔNG CỘNG	151.273.050.901	175.133.574.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	3.769.185.948	7.450.383.638
Thu nhập từ tiền bồi thường	-	2.507.209.816
Nhận hỗ trợ từ quỹ VBCF	-	1.416.604.000
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	423.950.843
Thu nhập từ cho thuê kho	900.000.000	546.136.364
Thu nhập khác	2.869.185.948	2.556.482.615
Chi phí khác	2.996.118.343	4.088.941.536
Lỗ từ thanh lý tài sản	1.595.874.333	1.094.051.964
Xóa sổ khoản phải thu	206.784.794	1.239.726.106
Lãi phạt chậm nộp thuế	390.328.871	338.067.158
Chi phí thuê kho	-	104.440.818
Chi phí khác	803.130.345	1.312.655.490
LỢI NHUẬN THUẦN	773.067.605	3.361.442.102

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	1.017.399.083.999	926.522.898.954
Chi phí nhân công	157.401.478.490	166.865.522.347
Chi phí khấu hao và khấu trừ	59.577.667.542	58.111.565.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.430.931.038	66.117.810.205
Chi phí khác	30.580.241.827	29.596.503.939
TỔNG CỘNG	1.346.389.402.896	1.247.214.300.692

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN;
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo; và
- (iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 20%.

Các công ty con

Thuế suất TNDN của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam, một công ty con của Công ty là 20% trên tổng thu nhập và được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo theo Giấy chứng nhận số 08/DK-DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 7 năm 2012. Theo đó, thuế suất của Công ty này cho năm 2018 là 10% (cho năm 2017 là 10%).

Thuế suất TNDN của các công ty con khác là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.224.430.047	19.770.918.418
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	214.403.508	(178.392.325)
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.324.425.339)	1.388.219.704
TỔNG CỘNG	24.114.408.216	20.980.745.797

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	276.816.015.614	255.595.972.231
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty và các công ty con		
• Hoạt động khoa học và công nghệ: 5%	10.506.226.249	9.914.397.034
• Hoạt động khoa học và công nghệ: 10%	9.225.234.071	7.412.231.551
• Hoạt động khác: 20%	5.215.553.456	3.273.266.326
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
• Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất kinh doanh	(461.962.110)	(516.654.167)
• Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	214.403.508	-
• Chi phí không được khấu trừ thuế khác	699.774.010	620.037.039
• Chi phí phải trả và các chênh lệch khác	3.190.987	1.726.637.599
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
• Cổ tức được chia	(1.288.011.955)	(880.886.113)
• Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(178.392.325)
• Chiết khấu thương mại đã tính thuế năm trước	-	(389.891.147)
Chi phí thuế TNDN	24.114.408.216	20.980.745.797

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chi phí phải trả	2.634.736.201	1.642.946.561	991.789.640	(2.161.476.296)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	-	-	(166.574.908)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	293.850.922	423.177.333	(129.326.411)	423.177.333
Lợi nhuận chưa thực hiện	300.580.043	249.521.666	51.058.377	67.283.533
Giao dịch bán tài sản nội bộ	20.662.573	20.662.573	-	-
	3.249.829.739	2.336.308.133	913.521.606	(1.837.590.338)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản của các công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh	32.996.509.678	33.407.413.411	410.903.733	449.370.634
	32.996.509.678	33.407.413.411	410.903.733	449.370.634
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			1.324.425.339	(1.388.219.704)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty cùng tập đoàn	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	56.192.500	586.010.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty cùng tập đoàn	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	417.654.000	-
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả tiền tạm ứng cổ tức năm 2017	-	17.206.875.000
		Chi trả cổ tức bằng tiền	17.206.875.000	17.206.875.000
		Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	26.074.570.000	-
		Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	1.948.800	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2017: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)				
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả tiền tạm ứng cổ tức năm 2017	-	17.206.875.000
			-	17.206.875.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Hội đồng Quản trị:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	11.366.300.549	9.786.371.071
	400.727.510	1.110.861.283
	11.767.028.059	10.897.232.354

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	238.797.753.551	210.797.004.116
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(23.461.522.643)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	238.797.753.551	187.335.481.473
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.574.516	17.574.516
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh để cho các yếu tố suy giảm	17.574.516	17.574.516
Lãi trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.588	10.659
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.588	10.659

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2017 đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2017. Số điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ công ty mẹ được trích lập từ lợi nhuận của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 25/NQ-ĐHCĐ2018 ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2018 chưa được điều chỉnh phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm nay.

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết liên quan đến tiền thuê đất

Công ty và các công ty con hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	5.170.090.254	2.399.590.254
Trên 1 - 5 năm	5.873.003.112	7.735.682.064
Trên 5 năm	16.644.250.362	17.181.161.664
TỔNG CỘNG	27.687.343.728	27.316.433.982

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý



Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2019



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2019

Tiềm năng thị trường

Kế hoạch kinh doanh



TIỀM NĂNG THỊ TRƯỜNG NĂM 2019

Thị trường ngày càng mở rộng do môi trường xã hội thay đổi, trình độ dân trí cao, đời sống được cải thiện dẫn đến thay đổi tập quán tiêu dùng, tỷ lệ sử dụng giống hàng hóa tăng. Yêu cầu tái cấu trúc nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá và xuất khẩu theo hướng các sản phẩm chất lượng tạo cơ hội cho công ty mở rộng hướng phát triển sang lĩnh vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao: gạo thương hiệu, dưa lưới.

Hệ thống kênh phân phối mạnh: bao phủ rộng, đa dạng, nhiều đơn vị thành viên. Thị phần lớn, thương hiệu có uy tín, sản phẩm đa dạng và có khả năng đáp ứng nhanh chóng nhu cầu khách hàng cùng với việc thành lập chi nhánh Tây Nguyên, chi nhánh ĐBSCL, tiếp đến là chi nhánh kinh doanh nông sản góp phần tạo cơ hội cho công ty tiếp cận gần hơn và nhanh hơn nhu cầu giống chất lượng của bà con nông dân, tạo cơ hội phát triển và chiếm lĩnh vùng thị trường Tây Nguyên và ĐBSCL đầy tiềm năng.



KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2019

KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2019

VINASEED GROUP	Đvt	Kế hoạch 2019 (*)
Doanh thu	Trđ	1.781.361
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	260.728
Cổ tức	%	30%

(*) Kế hoạch trong trường hợp Dự án 282 Lê Văn Sỹ chưa thực hiện.

KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản trị doanh nghiệp:

Tái cấu trúc công ty theo mô hình Tập Đoàn.

Kiện toàn tổ chức bộ máy quản trị công ty đáp ứng yêu cầu kinh doanh trong giai đoạn mới, tiếp tục phát triển hệ thống quy chế, và hệ thống quy trình làm việc cốt lõi. Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực theo hướng tập trung.

Tổ chức lại bộ phận kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát nội bộ độc lập về tổ chức và hoạt động trực thuộc sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng giám đốc công ty, giúp việc cho Tổng giám đốc kiểm soát việc chấp hành quy chế và các quy định pháp luật, quản trị rủi ro trong hoạt động của công ty.

Cải tiến, xây dựng chế độ lương thưởng theo hướng trả lương theo chất lượng công việc và khuyến khích thu hút nhân tài, phát triển công ty bền vững.

Củng cố tăng cường công tác quản lý tại các công ty con, phát huy sức mạnh về thị trường, cơ sở vật chất và nguồn nhân lực trong toàn công ty.

Tập trung đầu tư cho công tác nghiên cứu phát triển (R&D)

Ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật trong công nghệ sinh học tạo giống để nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty nhằm tạo ra các dòng sản phẩm năng suất, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.

Tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung ứng cho khách hàng:

Đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, trang bị thêm máy móc thiết bị nâng cao năng lực chế biến, bảo quản giống cây trồng để chủ động về nguồn cung và chất lượng giống sản xuất kinh doanh của công ty.

Nâng cao năng lực sản xuất để đáp ứng yêu cầu kinh doanh bằng cách



phát triển các vùng sản xuất quy mô lớn tại ĐBSCL, tổ chức lại các vùng sản xuất tập trung tại các vùng thuần nông, phân tán các điểm sản xuất để phòng rủi ro thiên tai. Đặc biệt quan tâm tập trung nguồn lực để đáp ứng đủ hàng đặc biệt là đối với các giống chuyển vụ và cơ cấu giống độc quyền. Xây dựng cơ chế khuyến khích cho các điểm sản xuất quy mô lớn, trình độ kỹ thuật cao.

Nâng cao chất lượng mẫu mã, bao bì sản phẩm, thiết kế tranh ảnh, tờ rơi, vật liệu quảng cáo.

Phát triển thị trường và hệ thống kênh phân phối:

Tập trung phát triển các vùng thị trường mới, tiềm năng như khu vực Tây Nguyên, ĐBSCL.

Mở rộng và hoàn thiện hệ thống kênh phân phối, có chính sách thu hút đại lý tham gia tích cực chuỗi cung ứng công ty, chính sách khuyến khích phát triển thị trường mới, sản phẩm mới. Thường xuyên giữ mối quan hệ mật thiết với các khách hàng truyền thống, mở rộng quan hệ với các đối tác, các nhà quản lý, tạo thuận lợi cho việc cung ứng giống cây trồng.

Hoàn thiện quy trình và hệ thống phân tích, đánh giá, dự báo thị trường.

Đầu tư phát triển mạnh mẽ hàng kinh doanh nông sản (gạo thương hiệu, gạo thực phẩm chức năng).



THÔNG TIN KHÁC

Thông tin cổ đông & quản trị công ty

Thông tin doanh nghiệp



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên:	21/12/2006
Loại cổ phiếu niêm yết:	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán niêm yết:	NSC
Nơi niêm yết:	Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM - HOSE.
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu.
Số lượng cổ phiếu 31/12/2018:	17.586.988 cổ phiếu.
Giá trị vốn hóa thị trường (tại thời điểm 31/12/2018):	1.581.070.221.000 đồng.
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành 31/12/2018:	17.574.516 cổ phiếu.
Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2018:	12.472 cổ phiếu.

Giá trị vốn hóa thị trường qua các năm:

Năm	VND
Năm 2018	1.581.070.221.000
Năm 2017	1.651.860.000.000
Năm 2016	1.422.435.000.000
Năm 2015	1.445.377.500.000
Năm 2014	1.223.600.000.000

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông:

Số liệu theo Danh sách cổ đông chốt ngày 08/03/2019 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Cơ cấu cổ đông NSC như sau:

ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	% VỐN ĐIỀU LỆ
CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	903	15.872.446	90,25%
Tổ chức	45	14.730.868	83,76%
Cá nhân	858	1.141.578	6,49%
CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	116	1.714.542	9,74%
Tổ chức	19	1.522.032	8,65%
Cá nhân	97	192.510	1,09%
TỔNG CỘNG	1.019	17.586.988	100,00%
Tổ chức	64	16.252.900	92,41%
Cá nhân	955	1.334.088	7,59%



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY (tt)

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Tỷ lệ sở hữu cổ đông lớn

TT	Cổ đông	Phân loại cổ đông			Số cổ phiếu sở hữu	
		Cổ đông Nhà nước	Cổ đông Chiến lược	Cổ đông lớn	Số CP	% VĐL
1	Công ty CP Pan Farm			x	14.078.707	80,05%
2	Mathews Emerging Asia Fund (Nhóm NĐTNN có liên quan là cổ đông lớn gồm (Mathews Asia Dividend Fund, Mathews Pacific Tiger Fund, Mathews Asian Growth And Income Fund, Mathews Asia Growth Fund, Mathews Asia Science and Technology Fund, Mathews Emerging Asia Fund, Mathews Asia Strategic Income Fund))			x	1.126.522	6,41%

Ngày 09/3/2018, công ty CP Đầu tư Đường Mặt Trời đã mua cổ phiếu NSC, số lượng mua: 600.000 cổ phiếu, tổng số cổ phiếu NSC sau khi thực hiện giao dịch: 771.104 cổ phiếu (5,05%) và trở thành cổ đông lớn của NSC. Ngày 19/3/2018, công ty cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời thực hiện giao dịch bán: 771.104 cổ phiếu (5,05%), số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch 0 cổ phiếu và không còn là cổ đông lớn.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Hội đồng quản trị

TT	Hội đồng quản trị	Chức vụ tại công ty	Số cổ phần sở hữu		Ghi chú
			Số CP	% VĐL	
1	Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	37.113	0,21%	
2	Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT	4.600	0,03%	Thành viên không điều hành
3	Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên HĐQT	4.600	0,03%	Thành viên không điều hành
4	Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên HĐQT	4.600	0,03%	Thành viên không điều hành
5	Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT	27.618	0,16%	Thành viên không điều hành
6	Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	19.813	0,11%	
7	Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	4.600	0,03%	

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của ban Kiểm soát

TT	Ban Kiểm soát	Chức vụ tại công ty	Số cổ phần sở hữu		Ghi chú
			Số CP	% VĐL	
1	Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Trưởng BKS	4.600	0,03%	Thành viên không điều hành
2	Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên BKS	31.903	0,18%	
3	Bà Vũ Thị Lan Anh	Thành viên BKS	0	0,00%	Thành viên không điều hành

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY (tt)

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Ban điều hành

TT	Ban điều hành	Chức vụ tại công ty	Số cổ phần sở hữu		Ghi chú
			Số CP	% VĐL	
1	Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	37.113	0,21%	
2	Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	19.813	0,11%	
3	Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	4.600	0,03%	
4	Ông Nguyễn Hải Thọ	Phó Tổng giám đốc	16.289	0,09%	
5	Ông Dương Quang Sáu	Phó Tổng giám đốc	5.759	0,03%	(*)
6	Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng giám đốc	7.493	0,04%	
7	Ông Phan Thế Tý	Kế toán Trưởng	15.699	0,09%	

(*) Ông Dương Quang Sáu được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc công ty kể từ ngày 01/02/2019 đến ngày 01/02/2024 (Quyết định 15/QĐ-VINASEED-HĐQT ngày 23/01/2019).

Các giao dịch nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu NSC năm 2018

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/ giảm
		CP	%	CP	%	
TỔ CHỨC						
Công ty CP Pan Farm	Cổ đông lớn	11.471.250	75,06%	14.078.707	80,05%	Mua cổ phiếu và nhận cổ tức 15% bằng CP
CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Cổ phiếu Quỹ	11.472		12.472		Thu hồi và mua lại 1000 CP ESOP của nhân viên nghỉ việc
CÁ NHÂN						
Đỗ Bá Vọng	TV HĐQT, Phó TGD	22.089	0,14%	19.813	0,11%	Bán cổ phiếu và nhận cổ tức 15% bằng CP

Giao dịch nội bộ:

Giao dịch giữa công ty và người có liên quan của công ty hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có.

Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: Không có.

Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CTG-HĐQT ngày 12/01/2018 của HĐQT NSC:

Ngày 21/5/2018, NSC đã thực hiện đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC) thông qua hình thức chào mua công khai. Với số lượng cổ phiếu mua: 2.544.088 CP, số lượng cổ phiếu

nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 12.667.892 cổ phiếu SSC tương đương 93,72% số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết.

Ngày 13/9/2018, NSC đã thực hiện nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty CP Giống cây trồng miền Nam với số cổ phiếu mua: 126.970 CP, số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 12.794.862 cổ phiếu SSC, tương đương 94,66% số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tên công ty bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Tên tiếng Anh:

VIETNAM NATIONAL SEED GROUP JSC.

Tên công ty viết tắt: NSC

Trụ sở chính: Số 01 Lương Định Của, Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Số điện thoại: (84) 24 38523294

Fax: (84) 24 38527996

Website: www.vinaseed.com.vn.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

0101449271 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/02/2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 11/01/2019.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Kim Liên
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2018):
175.869.880.000 đồng

(Một trăm bảy năm tỷ, tám trăm sáu chín triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12/2018):
1.052.594.049.225 đồng.

Giá trị vốn hóa thị trường (tại thời điểm 31/12/2018): 1.581.070.221.000 đồng.

Mã cổ phiếu: NSC.

Nơi niêm yết: Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE).

Ngày bắt đầu niêm yết: 21/12/2006.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- 1968:** Thành lập trại giống lúa cấp I - Trục thuộc Bộ NN và PTNT.
- 1978:** Thành lập công ty Giống cây trồng trung ương.
- 1989:** Thành lập công ty Giống cây trồng trung ương I trên cơ sở tách công ty Giống cây trồng trung ương thành công ty giống cây trồng trung ương 1 và công ty giống cây trồng trung ương 2 (nay là công ty CP Giống cây trồng miền nam).
- 2003:** Chuyển đổi công ty Giống cây trồng trung ương 1 thành công ty CP Giống cây trồng trung ương, với vốn điều lệ ban đầu 13,5 tỷ đồng số đơn vị thành viên 8 đơn vị.
- 2006:** Niêm yết trên sở GDCK TP HCM, mã CK: NSC
- 2011:** Chính thức được công nhận là DNKHCN (DN KHCN đầu tiên trong ngành Giống cây trồng Việt Nam).
- 2013:** TOP 200 công ty doanh thu dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á - TBD do Forbes xếp hạng.
- 2018 - nay:** TOP 50 công ty kinh doanh hiệu quả và tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (2012 - 2018). Là 1 trong 7 doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc toàn quốc được Thủ tướng chính phủ trao tặng cờ thi đua. Danh hiệu doanh nghiệp có năng lực quản trị tài chính tốt nhất sàn CKVN, đứng đầu ngành trồng trọt.
Tái cấu trúc theo mô hình Tập đoàn, đổi tên thành Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam. Tổng tài sản: 1587 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu: 1052 tỷ đồng. Số đơn vị thành viên: 40 đơn vị trên khắp cả nước.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tt)

THÀNH TÍCH NỘI BẬT

Các giải thưởng tiêu biểu đã được trao tặng trong năm 2018:

Cờ Thi đua Chính phủ năm 2018. Vinaseed vinh dự là 1 trong 7 doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc toàn quốc trong phong trào thi đua được nhận Cờ thi đua Chính phủ.

Danh hiệu Doanh nghiệp có năng lực quản trị tài chính tốt nhất sàn chứng khoán Việt Nam và đứng đầu ngành trồng trọt năm 2018. Vinaseed vinh dự là 1 trong 32 doanh nghiệp trên sàn GDCK được vinh danh. Danh hiệu do VCCI phối hợp với Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA), Báo Diễn đàn doanh nghiệp, Viện INBUS trao tặng.

Danh hiệu doanh nghiệp vì nhà nông 2018 năm 2018. Vinaseed vinh dự là 1 trong 53 doanh nghiệp tiêu biểu toàn quốc được vinh danh vì những đóng góp vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng.

Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam 2018. Trong tổng số 45 sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu toàn quốc, Vinaseed vinh dự góp mặt 03 sản phẩm (lúa Thơm RVT, Đai Thơm 8, Dưa lưới Hanam Hitech) do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng.

TOP 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam giai đoạn 2014 - 2018, bảng xếp hạng được Vietnam Report và Báo Vietnamnet công bố dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập của Vietnam Report.

TOP 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2018 do Vietnam Report phối hợp với báo Vietnamnet tổ chức để vinh danh các doanh nghiệp có khả năng sinh lời tốt, trở thành trụ cột cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế, đồng thời góp phần quảng bá thương hiệu doanh nghiệp Việt tới công đồng quốc tế.

TOP 10 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất do Sở GDCK TP HCM và Sở GDCK Hà Nội phối

hợp trao tặng năm 2018, BCTN của Công ty đã được đánh giá cao ở nội dung minh bạch, khát vọng vươn lên và giàu tính nhân văn với thiết kế ấn tượng, trình bày nhất quán và minh bạch.

Các danh hiệu, giải thưởng những năm trước:

Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng vì những đóng góp xuất sắc trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội đất nước 10 năm (2004 - 2014).

Huân chương Lao động hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng vì có thành tích xuất sắc trong công tác (2004 - 2008), góp phần xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Cờ thi đua Chính phủ trao tặng vì có thành tích xuất sắc năm 2011, 2014.

Bằng Khen của Thủ tướng chính phủ trao vì có thành tích trong công tác (2004 -2006).

Bằng khen Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính các năm.

Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng cho những đóng góp của doanh nghiệp cho sự phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam năm 2017.

Bằng khen doanh nghiệp Khoa học công nghệ tiêu biểu toàn quốc năm 2017 do Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng.

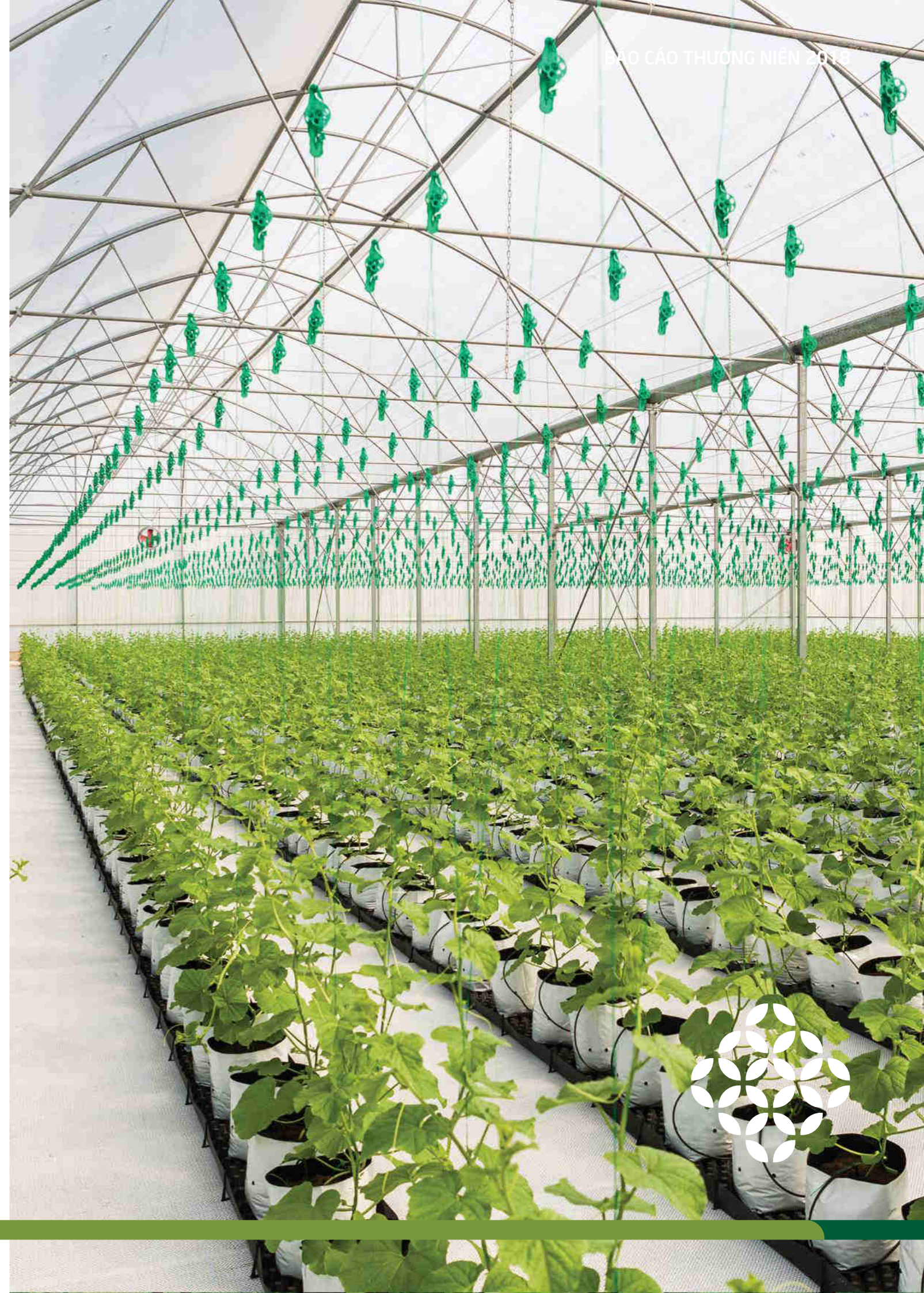
Bằng khen doanh nghiệp xuất sắc tiêu biểu do UBND thành phố Hà Nội năm 2017.

Bằng khen của Cục Thuế Hà Nội năm 2016.

TOP 200 công ty có doanh thu dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á 2013 do Forbes xếp hạng.

TOP 3 doanh nghiệp tiêu biểu nhất trong 350 doanh nghiệp sau cổ phần hóa (theo đánh giá của Ban chỉ đạo đổi mới và PT doanh nghiệp và Bộ Tài chính).

TOP 30 doanh nghiệp có báo cáo thường niên tốt



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tt)

THÀNH TÍCH NỘI BẬT



nhất năm 2014 - 2016 (ARA Việt Nam) do Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM tổ chức xét chọn. BCTN của Công ty đã được đánh giá cao ở nội dung minh bạch, khát vọng vươn lên và giàu tính nhân văn với thiết kế ấn tượng, trình bày nhất quán và minh bạch.

Vinh danh TOP doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin theo Chương trình khảo sát Công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán Việt Nam 2017 do Vietstock phối hợp với báo Tài chính và Cuộc sống thực hiện. Năm 2017, chỉ có 114 doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin, tuân thủ đúng và đầy đủ các yêu cầu khắt khe về công bố thông tin trên cả 2 sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (Fast 500 từ 2012 - 2017). TOP 500 doanh nghiệp lớn Việt Nam (VNR500 - 2016) theo kết quả đánh giá độc lập theo chuẩn mực quốc tế do Vietnam Report phối hợp với báo Vietnamnet thực hiện.

TOP 50 Công ty Niêm yết tốt nhất Việt Nam do Forbes Việt Nam xếp hạng. Ghi nhận doanh nghiệp có sự phát triển nhanh và bền vững cả về doanh thu và lợi nhuận, tạo nhiều công ăn việc làm và có những đóng góp tích cực phát triển kinh tế đất nước và giá trị xã hội lớn lao.

Chúng nhận TOP 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam 2017 do Trung tâm khoa học Thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp (CRC) thuộc Liên hiệp các Hội KHKT Việt Nam minh chứng cho những nỗ lực trong quản trị điều hành, khẳng định uy tín, thương hiệu Vinaseed đối với cộng đồng, xã hội.

Cúp vàng giải thưởng thương hiệu chứng khoán uy tín từ năm 2007 đến 2012.

Là đơn vị có sản phẩm nghiên cứu (bàn đồ công nghệ ngành lúa gạo Việt Nam) là 1 trong 10 sự kiện KHCN tiêu biểu toàn quốc 2016.

Giải thưởng Hội nhập Kinh tế quốc tế năm 2010 - TOP

20 doanh nghiệp tiêu biểu do Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế, Bộ Công thương, Ban Thi Đua khen thưởng Trung ương trao tặng.

Giải thưởng doanh nghiệp Văn hóa của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch năm 2009.

TOP 20 DN chứng khoán tiêu biểu trên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2009 do Ngân hàng nhà nước Việt Nam và hãng thông tin hàng đầu thế giới Dun & Bradstreet (D&B) Hoa Kỳ xếp hạng.

Cúp vàng Thương hiệu Việt năm 2016 (Vinaseed xếp hạng 3) do Liên hiệp các hội KHKT Việt Nam trao tặng.

Giải thưởng doanh nghiệp vì nhà nông năm 2015 - Đứng thứ 2 trong TOP 100 Doanh nghiệp đạt giải thưởng do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

Thương hiệu nổi tiếng ASIAN 2013 do Bộ Thông tin - Văn hóa Lào, Bộ Công thương - Lào, Bộ KH&ĐT Việt Nam, Bộ Công thương Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Hội Phát

triển hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia trao tặng.

Giải thưởng Thương hiệu Bạn nhà nông năm 2005 2007, Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu vàng Chất lượng 2007, 2008, 2009, 2010, 2013 do Bộ NN và PTNT trao tặng.

Và nhiều giải thưởng cao quý khác.

Thương hiệu nổi tiếng ASIAN 2013 do Bộ Thông tin - Văn hóa Lào, Bộ Công thương - Lào, Bộ KH&ĐT Việt Nam, Bộ Công thương Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Hội Phát triển hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia trao tặng.

Giải thưởng Thương hiệu Bạn nhà nông năm 2005 2007, Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu vàng Chất lượng 2007, 2008, 2009, 2010, 2013 do Bộ NN và PTNT trao tặng.

Và nhiều giải thưởng cao quý khác.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY

DANH SÁCH CÁC CHI NHÁNH,
CÔNG TY THÀNH VIÊN

1. Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 1 Lương Định Của, Phương Mai,
Đống Đa, Hà Nội.
Điện thoại: 024.38523294 Fax: 024.38527996

2. Chi nhánh Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam tại Ba Vì

Địa chỉ: Xã Đông Quang, Huyện Ba Vì, Hà Nội.
Điện thoại: 024.3863091 Fax: 024.3864185

3. Chi nhánh Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam tại Hà Nam

Địa chỉ: KCN Đồng Văn 1, Thị trấn Đồng Văn,
Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.
Điện thoại: 0226.3835463 Fax: 0226.3835061

4. Chi nhánh Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam tại Thái Bình

Địa chỉ: Xã Đông Hợp, Huyện Đông Hưng,
Tỉnh Thái Bình
Điện thoại: 0227.3851256 Fax: 0227.3550684

5. Chi nhánh Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam tại Thanh Hóa

Địa chỉ: Xã Định Tường, Huyện Yên Định,
Tỉnh Thanh Hoá.
Điện thoại/Fax: 0237.3869251

6. Chi nhánh Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam tại miền Trung

Địa chỉ: Số 11, Trần Nhật Duật, Phường Đội Cung,
Thành phố Vinh, Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3531822 Fax: 0238.3844937

7. Chi nhánh Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam tại Tây Nguyên

Địa chỉ: Xóm 4, xã Eatu,
TP Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
Điện thoại: 0262.3873816 Fax: 0262.3873817

8. Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đồng Văn,
thị trấn Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam.
Điện thoại: 024.38523294 Fax: 024.38527996

9. Trung tâm nghiên cứu và phát triển Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (VRDC)

Địa chỉ: Số 211, đường Bà Thiên, Ấp 5, xã Phạm Văn Cội,
Củ Chi, TP.HCM.
Điện thoại/Fax: 028.37947608 Fax: 028.37941993.

Các đơn vị thành viên của VRDC:

Trung tâm VRDC tại Ba Vì - Hà Nội
Trung tâm VRDC tại Khoái Châu - Hưng Yên
Trung tâm VRDC tại Lâm Hà - Đà Lạt
Trung tâm VRDC tại Chiên Đàn - Quảng Nam
Trung tâm VRDC tại Phú Giáo - Bình Dương
Trung tâm VRDC tại Cờ Đỏ - Cần Thơ
Trung tâm VRDC tại Bình Trung - Quảng Nam
Trung tâm VRDC tại Long Khánh - Đồng Nai

10. Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy chế biến Giống cây trồng Thường Tín

Địa chỉ: 350 Trần Phú, Thị trấn Thường Tín,
Huyện Thường Tín, Hà Nội
Điện thoại/Fax: 024.3853239

11. Văn phòng tại tỉnh Udomxay - Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

Địa chỉ: Tỉnh Udomxay, nước CHDCND Lào.
Điện thoại/fax: 0085 681212554.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY (tt)

DANH SÁCH CÁC CHI NHÁNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN

13. Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam (Mã CK: SSC)

Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1,
Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 0283.8442414 Fax: 0283.8442387.

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh
giống cây trồng.

Vinaseed sở hữu: 85,34% Vốn điều lệ, 94,66%
cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Các đơn vị thành viên của SSC:

Chi nhánh Trà Vinh
Chi nhánh Trại giống cây trồng Cờ Đỏ (Cần Thơ)
Trạm giống cây trồng Cai Lậy (Tiền Giang)
Trạm giống cây trồng Củ Chi (TP.HCM)
Trại giống cây trồng Tân Hiệp (Bình Dương)
Trại giống cây trồng Lâm Hà (Lâm Đồng)
Chi nhánh miền Trung (Quảng Nam)
Chi nhánh Campuchia
Văn phòng đại diện Lào
Công ty CP Cơ khí Giống cây trồng miền Nam.

14. Công ty cổ phần Giống cây trồng trung ương Quảng Nam (Vinaseed Quang Nam)

Địa chỉ: Km 943, QL1A, Xã Điện Thắng Bắc,
Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại: 0235.3869455 Fax: 0235.3869253

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh
giống cây trồng nông lâm nghiệp.

Vinaseed sở hữu: 90,02% vốn điều lệ, 90,02% cổ
phiếu có quyền biểu quyết.

Các đơn vị thành viên của Vinaseed Quảng Nam:

Xí nghiệp Giống nông lâm nghiệp Chiên Đàn
(Quảng Nam)
Xí nghiệp Giống nông nghiệp Bình Trung
(Quảng Nam)

15. Công ty cổ phần Giống cây trồng Hà Tây (HSC)

Địa chỉ: Phường Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội.
Điện thoại: 0243.3530655 Fax: 0243.3535421

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất,
kinh doanh giống cây trồng.

NSC sở hữu: 53,80% vốn điều lệ, 53,80%
cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Các đơn vị thành viên của HSC:

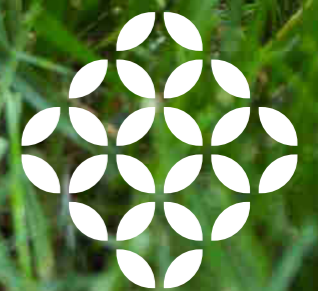
Trại Giống cây trồng Phù Lưu Tế (Hà Nội)
Trại Giống cây trồng Phương Bảng (Hà Nội).

16. Công ty cổ phần ĐT và PT Nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam

Địa chỉ: Xóm 2, xã Nhân Khang,
huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.
Điện thoại: 0226.3652888
Fax: 0226.3652666

Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh
và chuyển giao công nghệ sản xuất dưa lưới và rau
quả nông sản cao cấp nông nghiệp công nghệ cao
theo tiêu chuẩn Global Gap.

NSC sở hữu: 100,00% vốn điều lệ
(Vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng).



LỊCH SỬ CHIA CỔ TỨC

Năm	Tỷ lệ chia cổ tức	Cổ tức bằng tiền	Cổ tức bằng cổ phiếu
2006	19%	19%	
2007	39%	19%	20%
2008	22%	15%	7%
2009	50%	18%	32%
2010	30%	30%	
2011	30%	30%	
2012	50%	30%	20%
2013	30%	30%	
2014	30%	30%	
2015	30%	30%	
2016	30%	30%	
2017	30%	15%	15%



LỊCH SỬ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng (VNĐ)	Phát hành tăng thêm (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
2004	13.500.000.000	1.350.000	Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước	Quyết định 5029/QĐ-BNN-TCCB ngày 10/11/2003 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2006	22.120.100.000	862.010	Phát hành nội bộ cho cổ đông hiện hữu, HĐQT, BKS, Bộ máy điều hành, CBCNV và nhà đầu tư chiến lược	Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2006 ngày 25/3/2006
2006	30.000.000.000	787.990	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và CBCNV	Biên bản ĐHĐCĐ bất thường ngày 30/6/2006
2007	36.000.000.000	600.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm cổ phiếu huy động vốn	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2007 ngày 07/4/2007
2008	57.659.500.000	2.165.950	Phát hành cho cổ đông hiện hữu. Phát hành cho CBCNV. Phát hành cho cổ đông chiến lược.	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2007 ngày 07/4/2007
2009	80.141.610.000	2.248.211	Phát hành cổ phiếu thưởng, chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 ngày 14/3/2009
2010	81.341.610.000	120.000	Phát hành cổ phiếu thưởng chương trình ESOP 2009 cho CBCNV	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 ngày 21/3/2010
2011	82.561.610.000	122.000	Phát hành cổ phiếu thưởng chương trình ESOP 2010 cho CBCNV	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 ngày 20/03/2011
2012	100.298.380.000	1.773.677	Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, thưởng cổ phiếu chương trình ESOP 2011 cho CBCNV	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 ngày 19/3/2012
2014	152.950.000.000	5.265.162	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Chương trình ESOP 2014 cho CBCNV	Nghị Quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 21/12/2013
2018	175.869.880.000	2.291.988	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 19/4/2018



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Số 1, Lương Định Của
Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

Tel: 0243 852 3294
Fax: 0243 852 7996

nsc@vinaseed.com.vn
www.vinaseed.com.vn